

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT ĐỨC



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP
MÔI TRƯỜNG CỦA

DỰ ÁN XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
VIỆT ĐỨC

ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG THỚI HOÀ, THỊ XÃ BẾN CÁT,
TỈNH BÌNH DƯƠNG

(Báo cáo theo mẫu tại Phụ lục X Nghị định 08/2022/NĐ-CP)

Bình Dương, tháng 9 năm 2023

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT ĐỨC
----------

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của dự án xây dựng:

“ TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT ĐỨC ”

Địa chỉ: Đường Vành Đai 4, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát,
tỉnh Bình Dương

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT ĐỨC

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)



TS. HÀ THÚC VIÊN
Phó Hiệu Trưởng

Bình Dương, tháng 9 năm 2023

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	7
1.1 Tên chủ cơ sở:.....	7
1.2. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:.....	9
1.2.1 Công suất hoạt động của cơ sở:	9
1.2.2 Công nghệ sản xuất của cơ sở:	10
1.2.3. Sản phẩm của cơ sở:	12
1.3. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:.....	12
1.3.1 Nguyên liệu, vật liệu của cơ sở: Không có.....	12
1.3.2 Phế liệu của cơ sở.	12
1.3.3 Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, hóa chất của cơ sở.	13
1.3.4 Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở:.....	13
1.3.5 Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở:.....	15
1.4 Đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất phải nêu rõ: điều kiện kho, bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu; hệ thống thiết bị tái chế; phương án xử lý tạp chất; phương án tái xuất phế liệu.....	18
1.5 Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:.....	18
1.5.1 Mục tiêu xây dựng trường Đại học Việt Đức:.....	18
1.5.2 Nội dung, quy mô đầu tư trường Đại học Việt Đức:.....	18
1.5.3 Mô hình và cách thức tổ chức quản lý thực hiện dự án.	27
CHƯƠNG 2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	29
2.1 Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:.....	29
2.2 Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường	29
CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP	

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	32
3.1 Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải: 32	
3.1.1 Công trình, biện pháp thu gom thoát nước mưa:.....	32
3.1.2 Công trình, biện pháp thu gom thoát nước thải.....	35
3.1.3 Xử lý nước thải	37
3.2 Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:.....	54
3.2.1 Công trình, biện pháp xử lý bụi.....	54
3.2.2 Công trình, biện pháp xử lý khí thải.....	54
3.3 Công trình, biện pháp lưu giữ, thu gom và xử lý chất thải.....	60
3.3.1 Rác thải sinh hoạt	60
3.3.2 Chất thải nguy hại.....	62
3.4 Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:.....	64
3.5 Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	65
3.6 Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:.....	71
3.7 Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:	71
3.8 Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp (khi đề nghị cấp lại giấy phép môi trường quy định tại điểm c khoản 4 Điều 30 Nghị định này)	72
3.9 Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học:	72
CHƯƠNG 4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	74
4.1 Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	74
4.1.1 Nguồn phát sinh, tiếp nhận, vị trí xả nước thải:	74
4.1.2 Lưu lượng xả nước thải lớn nhất.	74
4.1.3 Chế độ, phương thức, chất lượng nước xả thải.	75
4.2 Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:	76
4.2.1 Nguồn phát sinh dòng khí và vị trí xả khí thải	76
4.2.2. Phương thức, chất lượng xả khí thải.....	76
4.3 Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải:.....	77

4.3.1 Chất thải sinh hoạt:	77
4.3.2 Chất thải nguy hại:.....	78
CHƯƠNG 5. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	81
5.1 Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.	81
5.2 Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.....	84
CHƯƠNG 6. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	
.....	86
6.1 Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:	86
6.2 Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.....	86
6.3 Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.	87
CHƯƠNG 7. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI	
TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	88
CHƯƠNG 8. KIẾN NGHỊ & ĐỀ XUẤT CỦA CƠ SỞ.....	89
CHƯƠNG 9. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	91
PHỤ LỤC.....	93

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

UBND	Ủy ban nhân dân
NĐ-CP	Nghị định Chính phủ
BGDĐT	Bộ Giáo dục và đào tạo
BTCT	Bê tông cốt thép
ĐHVĐ	Đại học Việt Đức
BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
QĐ	Quyết định
TT-BXD	Thông tư - Bộ Xây dựng
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
STT	Số thứ tự
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
NTSH	Nước thải sinh hoạt
CHNH	Chất thải nguy hại
TDTT	Thể dục thể thao
GĐ1	Giai đoạn 1
PTN	Phòng thí nghiệm
HTXL	Hệ thống xử lý

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1-1: Dự đoán số lượng sinh viên theo năm	Trang 10
Bảng 1-2: Khối lượng nhiên liệu, hóa chất sử dụng trong một tháng	Trang 13
Bảng 1-3: Nhu cầu dùng điện theo thiết kế	Trang 14
Bảng 1-4: Nhu cầu sử dụng điện trên thực tế	Trang 15
Bảng 1-5: Nhu cầu dùng nước theo thiết kế	Trang 16
Bảng 1-6: Nhu cầu sử dụng nước trên thực tế	Trang 18
Bảng 1-7: Mô tả các công trình cơ sở	Trang 21
Bảng 2-1: Chất lượng nước thải sau xử lý	Trang 30
Bảng 2-2: Chất lượng khí thải một số khu vực khuôn viên năm 2023	Trang 31
Bảng 3-1: Thông số kỹ thuật về công bê tông cốt thép	Trang 32
Bảng 3-2: Thông số kỹ thuật các bể xử lý của HTXL nước thải	Trang 40
Bảng 3-3: Thông số kỹ thuật thiết bị trạm xử lý nước thải	Trang 41
Bảng 3-4: Thông số kỹ thuật các bể xử lý của HTXL nước thải PTN	Trang 50
Bảng 3-5: Thông số kỹ thuật thiết bị HTXL nước thải phòng thí nghiệm	Trang 50
Bảng 3-6: Khối lượng hóa chất sử dụng tháng 3, 4, 5, 6, 7, 8 năm 2023	Trang 54
Bảng 3-7: Thông số kỹ thuật thiết bị HTXL khí thải phòng thí nghiệm	Trang 58
Bảng 3-8: Nguyên nhân, phương án phòng ngừa ứng phó sự cố HTXL nước thải	Trang 65
Bảng 3-9: Danh mục các dụng cụ ứng cứu PCCC	Trang 69
Bảng 4-1: Bảng lưu lượng nước thải thực tế quá trình sử dụng	Trang 74
Bảng 4-2: Giới hạn các chất ô nhiễm có trong nước thải sau xử lý	Trang 76
Bảng 4-3: Giới hạn các chất ô nhiễm có trong khí thải sau xử lý	Trang 77
Bảng 4-4: Khối lượng chất thải nguy hại đề nghị cấp phép ước tính	Trang 79
Bảng 5-1: Kết quả quan trắc nước thải tháng 11 năm 2020	Trang 81
Bảng 5-2: Kết quả quan trắc nước thải tháng 9 năm 2023	Trang 83
Bảng 5-3: Kết quả quan trắc khí thải tháng 11 năm 2020	Trang 84
Bảng 5-4: Kết quả quan trắc khí thải một số khu vực tháng 9 năm 2023	Trang 85
Bảng 6-1: Kinh phí dự kiến quan trắc môi trường định kỳ hàng năm	Trang 87

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1-1: Vị trí hiện hữu của Trường Đại học Việt Đức	Trang 9
Hình 1-2: Một số hình ảnh học tập, nghiên cứu và giảng dạy tại cơ sở	Trang 12
Hình 1-3: Một số hình ảnh trao bằng tốt nghiệp, học bổng sinh viên	Trang 12
Hình 1-4: Sơ đồ vị trí các tòa nhà	Trang 19
Hình 1-5: Sơ đồ các khu chức năng Trường giai đoạn 1	Trang 21
Hình 1- 6 : Một số hình ảnh các tòa nhà tại khuôn viên Trường	Trang 27
Hình 3-1 Một số hình ảnh về khu vực thoát nước mưa	Trang 33
Hình 3-2: Mặt bằng tổng thể thoát nước mưa	Trang 34
Hình 3-3: Sơ đồ thu gom nước thải tuần hoàn	Trang 36
Hình 3-4: Mặt bằng tổng thể hệ thống thoát nước thải	Trang 37
Hình 3-5: Sơ đồ công nghệ trạm xử lý nước thải	Trang 38
Hình 3-6: Một số hình ảnh khu vực xử lý nước thải sinh hoạt	Trang 46
Hình 3-7: Sơ đồ thu gom nước thải phòng thí nghiệm	Trang 47
Hình 3-8: Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải phòng thí nghiệm	Trang 48
Hình 3 9: Một số hình ảnh khu vực xử lý nước thải phòng thí nghiệm	Trang 53
Hình 3-8: Sơ đồ thu gom khí tại các phòng thí nghiệm	Trang 56
Hình 3-9: Sơ đồ công nghệ xử lý khí thải phòng thí nghiệm	Trang 56
Hình 3-10: Một số hình ảnh hệ thống xử lý khí thải phòng thí nghiệm	Trang 60
Hình 3-11: Một số hình ảnh các loại thùng chứa rác tại trường	Trang 62
Hình 3-12: Một số hình ảnh phòng lưu chứa, thu gom rác thải nguy hại	Trang 63
Hình 3-13: Một số hình ảnh thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt hàng ngày	Trang 64
Hình 3-14: Một số hình ảnh tuyên truyền, diễn tập đội PCCC & CNCH cơ sở	Trang 71
Hình 3-15: Một số hình ảnh cây xanh trồng tại Trường	Trang 73

CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1 Tên chủ cơ sở:

- Tên chủ cơ sở: Trường Đại Học Việt Đức
- Địa chỉ văn phòng: Đường vành đai 4, Khu phố 4, phường Thới Hoà, Thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: TS. Hà Thúc Viên
- Điện thoại: 02742220990; Fax: 02742220980; E-mail: info@vgu.edu.vn
- Chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ tương đương: Quyết định số 1196/QĐ-TTg ngày 01/09/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Việt Đức.
- Tên chủ đầu tư Thành phần 1, 2 và một phần thành phần 4 dự án xây dựng Trường Đại học Việt Đức: Trường Đại học Việt Đức.
- Tên chủ đầu tư Thành phần 3 và một phần thành phần 4 dự án xây dựng Trường Đại học Việt Đức: Ban Quản lý dự án xây dựng Trường Đại học Việt Đức.
- Địa chỉ văn phòng: Tầng 2, Tòa nhà 8C, số 2 Ngõ 30 Tạ Quang Bửu, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Quyết định 2149/QĐ-BGDĐT ngày 28/5/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Ban QLDA xây dựng Trường Đại học Việt Đức.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư: Lã Vương Bằng
- Điện thoại: 02471088799; E-mail: pmu-vgu@moet.edu.vn
- Địa điểm cơ sở: Đường vành đai 4, Khu phố 4, phường Thới Hoà, Thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:
 - + Quyết định 2129/QĐ-BGDĐT ngày 27/05/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Phê duyệt dự án “Xây dựng Trường đại học Việt Đức” sử dụng vốn vay của Ngân hàng thế giới; Quyết định điều chỉnh gia hạn thời gian số 4596/QĐ-BGDĐT ngày 02/11/2017 (gia hạn đến 30/11/2020) và Quyết định 3641/QĐ-BGDĐT ngày 12/11/2020 (gia hạn đến 31/05/2021);

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường - Trường Đại học Việt Đức

+ Quyết định 5766/QĐ-BGDĐT ngày 24/11/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Trường đại học Việt Đức (*Thành phần 3 thuộc dự án Xây dựng Trường Đại học Việt Đức*);

+ Thông báo số 291/HĐXD-QLTK ngày 12/4/2016, số 735/HĐXD-QLTK ngày 17/8/2016, số 518/HĐXD-QLTK ngày 30/6/2017, số 1176/HĐXD-QLTK ngày 18/12/2017, số 248/HĐXD-QLTK ngày 17/05/2018 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng về thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công DP1A, DP1B, DP2, DP3, DP4;

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Quyết định số 2305/QĐ-UBND ngày 10 tháng 09 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xây dựng trường Đại học Việt Đức tại Khu công nghiệp và dân cư Thới Hoà, phường Thới Hoà, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương do Ban QLDA xây dựng trường Đại học Việt Đức làm chủ đầu tư.

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án Nhóm A.

- Vị trí cơ sở:



Hình 1-1: Vị trí hiện hữu của Trường Đại học Việt Đức

- Các vị trí tiếp giáp của nhà máy:
- + Phía Bắc giáp đường Vành Đai 4.
- + Phía Nam giáp các hộ dân cư.
- + Phía Đông giáp đường Quốc lộ 13.
- + Phía Tây giáp đường nhựa D9 .

1.2. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

1.2.1 Công suất hoạt động của cơ sở:

Cơ sở giáo dục đào tạo đại học có quy mô đào tạo của 5.000 sinh viên, giai đoạn 1 ước tính đến năm 2028 theo bảng biểu:

Bảng 1-1: Dự đoán số lượng sinh viên theo năm

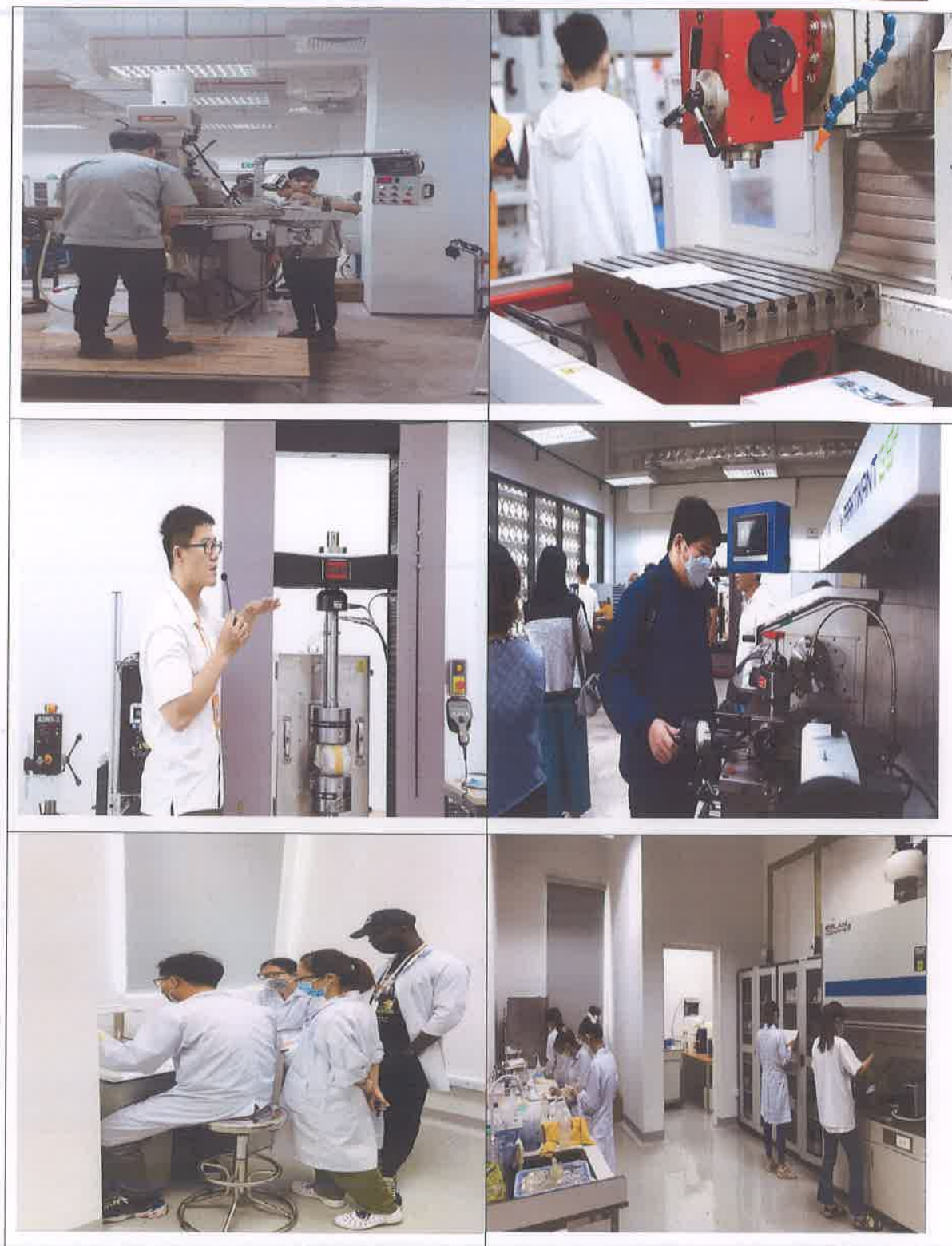
Level/Mức độ	Estimated student number at year end / Số lượng sinh viên ước tính cuối năm							
	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
Bachelor/ Cử nhân	2,147	2,532	2,875	3,342	3,703	4,021	4,287	4,513
Master/ Thạc sĩ	522	618	691	751	809	871	940	1,017
Total/ Tổng	2,669	3,150	3,566	4,093	4,512	4,892	5,227	5,530

(Nguồn: Trường Đại học Việt Đức, 2023)

1.2.2 Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Giảng dạy và nghiên cứu khoa học







Hình 1-2: Một số hình ảnh học tập, nghiên cứu và giảng dạy tại cơ sở

1.2.3. Sản phẩm của cơ sở:

- Sản phẩm tri thức, các nghiên cứu, đề tài khoa học,
- Đào tạo các cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ.



Hình 1-3: Một số hình ảnh trao bằng tốt nghiệp, học bổng sinh viên

1.3. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

1.3.1 Nguyên liệu, vật liệu của cơ sở:

Cơ sở không sử dụng nguyên liệu, vật liệu

1.3.2 Phế liệu của cơ sở.

Phế liệu chủ yếu là rác sinh hoạt hàng ngày của các sinh viên, giảng viên với số lượng nhỏ.

1.3.3 Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, hóa chất của cơ sở.

- Hóa chất dùng cho trạm xử lý nước thải phòng Thí nghiệm Tòa nhà Học Thuật 2 và Trạm xử lý nước thải tập trung 1000 m³/ngày đêm, hồ bơi:
 - + Hóa chất Calcium Hypochlorite: khử trùng nước sau xử lý
 - + Hóa chất Poly Aluminium Chloride – PAC (vàng-trắng): tạo lắng các tạp chất lơ lửng
 - + Vi sinh xử lý nước thải IMWT: Bổ sung lượng vi sinh hoạt tính cho bể thiếu khí và hiếu khí.
 - + Hoá chất Caustic Soda Flake – NaOH: Nâng độ PH cho nước đầu vào của các bể
 - + Acid HCl 32%: Trung hòa PH, khi nước có độ PH cao, vệ sinh thiết bị đầu dò
- Hoá chất dùng cho phòng thí nghiệm của Trường: bao gồm các hợp chất photpho, clorua, Nitro, Nitrid, sunfurid, menthanol, butanol, chloroform, benzene, toluene, aceton, cyclohexan,... chỉ sử dụng khi có đề tài làm nghiên cứu cho chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ với số lượng không đáng kể.
- Hồ bơi chưa đưa vào sử dụng nên lượng hóa chất không dùng.
- Xăng dùng cho máy cắt cỏ tạo cảnh quang trong khuôn viên trường.
- Khối lượng nhiên liệu, hóa chất sử dụng trung bình 1 tháng tại Trường:

Bảng 1-2: Khối lượng nhiên liệu, hóa chất sử dụng trong một tháng

STT	Tên nhiên liệu, hóa chất	Số lượng thực tế	Đơn vị
1	Xăng IRON 95	450	lít
2	Chlorine	30	kg
3	NaOH	58	kg
4	Vi sinh IMVT	3,3	kg

(Nguồn: Trường Đại học Việt Đức, 2023)

1.3.4 Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở:

Trường Đại học Việt Đức được cấp điện từ đường dây trung thế 22kV nổi hiện hữu chạy dọc quốc lộ 13 cấp đến trạm cắt trung tâm 22KV, từ trạm cắt trung thế

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường - Trường Đại học Việt Đức

22KV cấp đến các trạm biến áp 22/0,4KV trong khuôn viên, toàn bộ hệ thống cấp điện và chiếu sáng cho khu vực thiết kế được đấu nối vào các trạm biến áp và máy phát điện 0,4KV.

Bảng 1-3: Nhu cầu dùng điện theo thiết kế

Stt	Mô tả	Tải kết nối
1	Nhà Triển lãm	188,5
2	Nhà Hành chính	998,0
3	Nhà Học thuật 1	652,5
4	Nhà Học thuật 2	635,0
5	Nhà Học thuật 3	558,5
6	Nhà Hội trường	213,5
7	Nhà Thư viện	375,5
8	Nhà Ăn	153,0
9	Nhà Học thuật 5	946,5
10	Nhà Học thuật 5	778,0
11	Nhà Giảng đường	732,0
12	Nhà Thi đấu thể thao	207,5
13	Nhà Ký túc xá 1	738,0
14	Nhà Ký túc xá 1	738,0
15	Nhà khách, Biệt thự song lập, Biệt thự đơn lập	361,0
16	Nhà Central Plan	461,0
	Tổng cộng	12.886
	Hệ số đồng thời	0,6
	Tổng tải	7731,3

Bảng 0-4 Nhu cầu sử dụng điện trên thực tế

STT	Thời gian sử dụng điện	Đơn vị tính	Lưu lượng sử dụng
1	Tháng 01/2023	KWh/tháng	325,400
2	Tháng 02/2023	KWh/tháng	440,400
3	Tháng 03/2023	KWh/tháng	512,100
4	Tháng 04/2023	KWh/tháng	495,400
5	Tháng 05/2023	KWh/tháng	520,600
6	Tháng 06/2023	KWh/tháng	533,100
7	Tháng 07/2023	KWh/tháng	445,500
8	Lượng điện sử dụng trung bình tháng	KWh/tháng	467,500
9	Lượng điện sử dụng trung bình ngày	KWh/ngày	15,583.3

(Nguồn: Hóa đơn giá trị gia tăng tiền điện tháng 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 năm 2023)

1.3.5 Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở:

- Tổng nhu cầu dùng nước được tính toán dựa trên nhu cầu dùng nước các toà nhà và số người, ước lượng nhu cầu nước cho các dịch vụ phụ trợ như cho mục đích làm mát, nhu cầu bản thân trạm xử lý nước thải

- Toàn bộ các hoạt động sinh hoạt tại trường được đầu nối sử dụng 100% nước sạch được công ty Cổ phần nước môi trường Bình Dương - chi nhánh cấp nước khu liên hợp Bến Cát đầu nối và cung cấp.

Bảng 1-5: Nhu cầu dùng nước theo thiết kế

Stt	Tên hạng mục	Diện tích (m ²)	Số người cư trú (Người)	Nhu cầu (l/unit /d)	Nhu cầu dùng nước (l/d)	Hiệu số thải % $\frac{W}{W}$	Lưu lượng nước thải đầu vào (l/d)
1	Nhà Triển lãm	1,924	723	6	4,338	100%	4,338
2	Nhà Hành chính	17,948	1,262	40	50,480	100%	50,480
3	Nhà Hội trường	2,915	1,800	6	10,800	100%	10,800
4	Nhà Học thuật 1	8,477	954	20	19,080	100%	19,080
5	Nhà Học thuật 2	6,320	701	20	14,020	100%	14,020
6	Nhà Học thuật 3	6,520	849	20	16,980	100%	16,980
7	Nhà Học thuật 5	10,349	1,191	20	23,820	100%	23,820
8	Nhà Học thuật 6	9,331	901	20	18,020	100%	18,020
9	Nhà Giảng đường	16,788	3,896	20	77,920	100%	77,920
10	Nhà Thư viện	6,244	1,140	6	6,840	100%	6,840
11	Nhà Ăn	3,938	1,092	25	27,300	100%	27,300
12	Nhà Thi đấu thể thao	3,831	283	50	14,150	100%	14,150
13	Nhà Ký túc xá 1	15,526	1,138	120	136,560	100%	136,560
14	Nhà Ký túc xá 2	15,526	1,063	120	127,560	100%	127,560
15	Community Center	333	110	40	4,400	100%	4,400
16	Biệt thự đơn lập	860	20	200	4,000	100%	4,000
17	Biệt thự song lập	519	12	200	2,400	100%	2,400
18	Nhà Khách	1,360	40	200	8,000	100%	8,000
19	Nước cung cấp làm mát hệ thống				125,000	0%	0

Stt	Tên hạng mục	Diện tích (m ²)	Số người cư trú (Người)	Nhu cầu (l/unit /d)	Nhu cầu dùng nước (l/d)	Hiệu số thải %W W	Lưu lượng nước thải đầu vào (l/d)
20	Trạm xử lý nước thải				20,861	0%	0
21	Bể chứa nước				400	0%	0
22	Bãi đậu xe 1	9,574		2	19,148	0%	0
23	Bãi đậu xe 2	3,600		2	7,200	0%	0
24	Sảnh khánh tiết	534		0.5	267	0%	0
25	Mái che lối đi bộ 1	4,927		0.5	2,464	0%	0
26	Mái che lối đi bộ 2	772		0.5	386	0%	0
27	Mái che lối đi bộ 3	495		0.5	248	0%	0
28	Cầu Đông	572		0.5	286	0%	0
29	Cầu Tây	386		0.5	193	0%	0
30	Bể bơi	998		18	17,764	0%	0
31	Entry Pond	1,200		18	21,295	0%	0
32	Tưới cây cảnh quan	179,486		3	507,413	0%	0
33	Sân bê tông thể thao	2,123		0.5	1,062	0%	0
	Tổng lưu lượng nước trung bình (giai đoạn 1)						566,668
	Tổng lưu lượng nước lớn nhất (giai đoạn 1)						736,668

Bảng 0-6: Nhu cầu sử dụng nước trên thực tế

STT	Thời gian sử dụng nước	Đơn vị tính	Lưu lượng sử dụng
1	Tháng 01/2023	M ³ /tháng	6,341
2	Tháng 02/2023	M ³ /tháng	7,938
3	Tháng 03/2023	M ³ /tháng	8,868
4	Tháng 04/2023	M ³ /tháng	9,368
5	Tháng 05/2023	M ³ /tháng	8,415
6	Tháng 06/2023	M ³ /tháng	8,482
7	Tháng 07/2023	M ³ /tháng	7,503
8	Lượng nước sử dụng trung bình tháng	M³/tháng	8,130
9	Lượng nước sử dụng trung bình ngày	M³/ngày	271

(Nguồn: Hóa đơn giá trị gia tăng tiền nước tháng 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 năm 2023)

1.4 Đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất phải nêu rõ: điều kiện kho, bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu; hệ thống thiết bị tái chế; phương án xử lý tạp chất; phương án tái xuất phế liệu.

Dự án không sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất

1.5 Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:

1.5.1 Mục tiêu xây dựng trường Đại học Việt Đức:

- Xây dựng một trường đại học tự chủ, dựa trên nghiên cứu, thực hành một khung chính sách mới về quản trị, tài chính và chất lượng hàng đầu trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam, đạt trình độ khu vực và Quốc tế

- Xây dựng cơ sở vật chất hiện đại, đồng bộ phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học cho trường Đại học Việt Đức đáp ứng quy mô đào tạo đến năm 2028 là 5000 sinh viên giai đoạn 1.

1.5.2 Nội dung, quy mô đầu tư trường Đại học Việt Đức:

- Dự án xây dựng trường Đại học Việt Đức gồm 4 thành phần sau:

+ Thành phần 1: Phát triển khung quản trị nhà trường

+ Thành phần 2: Phát triển đào tạo và nghiên cứu khoa học

- + Thành phần 3: Xây dựng khuôn viên và cơ sở hạ tầng
- + Thành phần 4: Quản lý dự án

Ben Cat Campus



/2023

Organization - Human Resources – Administrative Department 14

UGL
Vietnam German University

Hình 1-4: Sơ đồ vị trí các tòa nhà

- Trường đại học Việt Đức có tổng diện tích là 505.004,8 m², bao gồm 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT09846 ngày 17/03/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho trường Đại học Việt Đức (thửa đất số 1798; tờ bản đồ số 25; diện tích là 57.600,7m²) tọa lạc tại phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT09847 ngày 17/03/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho trường Đại học Việt Đức (thửa đất số 1800; tờ bản đồ số 25; diện tích là 402.670,7m²) tọa lạc tại phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường - Trường Đại học Việt Đức

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT09848 ngày 17/03/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho trường Đại học Việt Đức (thửa đất số 1804; tờ bản đồ số 25; diện tích là 39.243,6m²) tọa lạc tại phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Các hạng mục đầu tư cơ sở hạ tầng, hạng mục công trình chức năng đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và chỗ ở cho sinh viên, đội ngũ giảng viên.

- Dự án Được phân thành các phân khu chức năng sau:

+ Khu chức năng AL: Khu hành chính, công cộng và học thuật, bao gồm 3 khu vực chính: Khu triển lãm khoa học; Khu hành chính học thuật với 5 tòa nhà học thuật, gồm các công trình: Khoa cơ bản, 5 Khoa học thuật và tòa nhà hành chính; Khu vực công cộng gồm giảng đường, thư viện, hội trường, công khánh tiết và mái che lối đi bộ xuyên qua các công trình thuộc Khu hành chính, công cộng và học thuật.

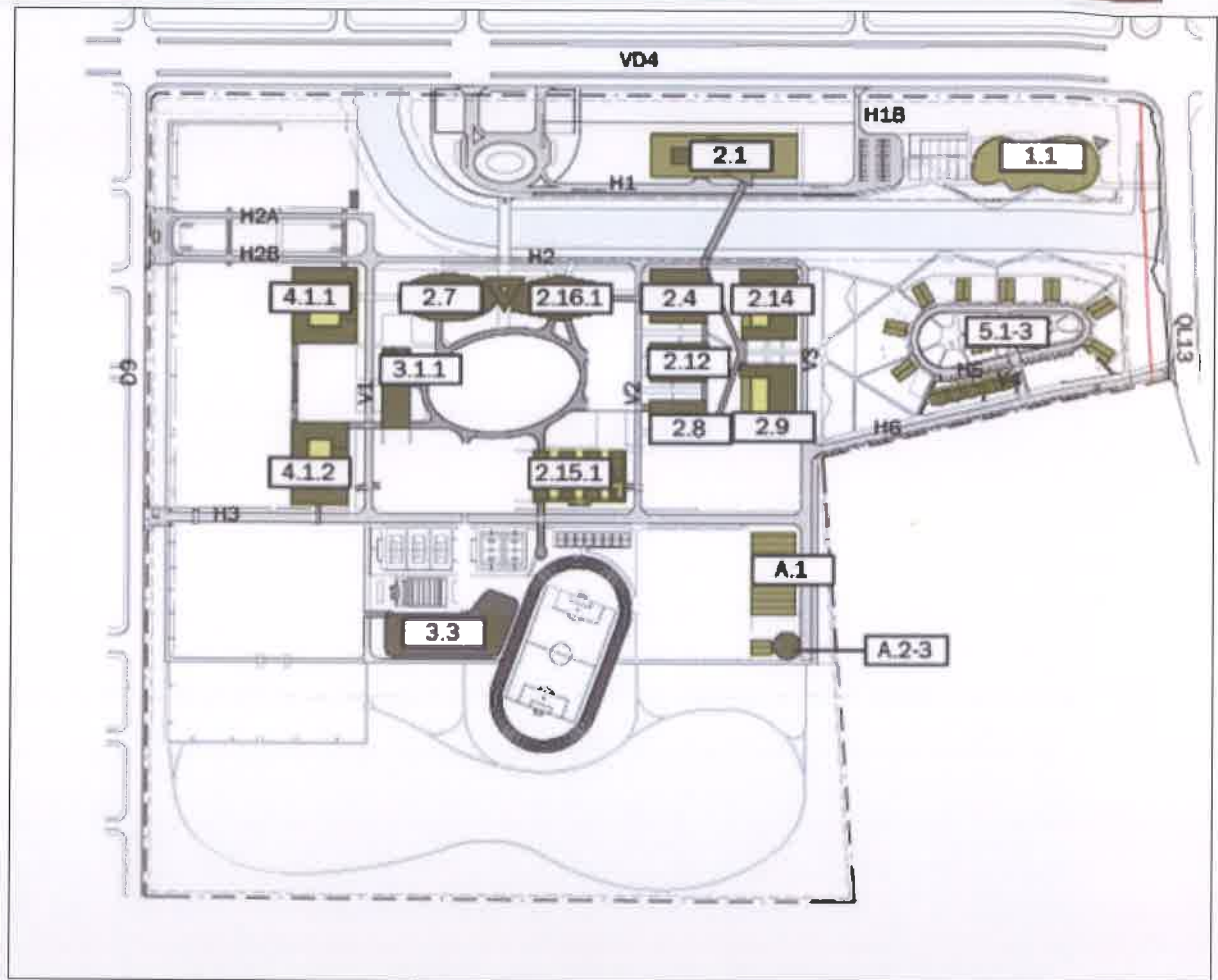
+ Khu chức năng DL: Khu ký túc xá và nhà ăn, cung cấp nhà ở cho khoảng 2.200 sinh viên, công trình nhà ở sinh viên cũng sẽ có bãi đậu xe gắn máy, quán ăn tự phục vụ, và các cơ sở dịch vụ đi kèm. Gồm các công trình cụ thể sau: 2 ký túc xá sinh viên, Nhà ăn và mái che lối đi bộ xuyên qua các công trình thuộc Khu ký túc xá và nhà ăn.

+ Khu chức năng HL: Khu nhà ở giảng viên và nhà công vụ, gồm có các công trình: Nhà ở giảng viên dạng biệt thự đơn lập, biệt thự song lập, nhà công vụ dạng nhà ở ghép hộ, nhà sinh hoạt chung phục vụ khoảng 80 người.

+ Khu chức năng SL: Khu công trình Thể dục thể thao, Bao gồm các công trình: Nhà thi đấu có mái che, bể bơi và các sân thể dục thể thao ngoài trời.

+ Khu chức năng IL: Khu công trình hạ tầng kỹ thuật, Bao gồm các công trình: Khu công trình kỹ thuật hạ tầng cơ điện và Trạm xử lý nước thải, Trạm xử lý chất thải và công trình thiết bị.

+ Khu chức năng GL: Khu cây xanh, Bao gồm khu công viên cây xanh tập trung, Khu cây xanh TDDT và khu cây xanh cảnh quan mặt nước.



Hình 1-5: Sơ đồ các khu chức năng Trường giai đoạn 1

- Diện tích sử dụng đất tại Trường được trình bày ở dưới bảng sau:

Bảng 1-7: Mô tả các công trình cơ sở

Mã	Tên công trình	Mô tả sơ bộ Chức năng các công trình
1.1	Khu triển lãm khoa học	Là một không gian mở, thông hai tầng. Diện tích đất xây dựng là 3.080 m ² . Tổng diện tích sàn xây dựng là 1.924 m ² . Sức chứa 901 người.
2.1	Tòa nhà hành chính	Tòa nhà Hành chính có tổng cộng 6 tầng, có chiều cao công trình khoảng 33.625m. Diện tích đất xây dựng là 4.840 m ² . Tổng diện tích sàn xây dựng là 17.948 m ² . Tòa nhà cung cấp không gian làm việc

Mã	Tên công trình	Mô tả sơ bộ Chức năng các công trình
		và sinh hoạt với số người tối đa khoảng 1.704 người.
2.7	Hội trường	Hội trường có chức năng tổ chức lễ tốt nghiệp, bài giảng, triển lãm, múa, biểu diễn, và các sự kiện khác, được xây dựng có không gian mở, không gian có mái che lớn. Toà nhà gồm 2 tầng, diện tích đất xây dựng : 2.794 m². Tổng diện tích sàn 2915 m², phục vụ tối đa 1.800 người
2.16.1	Thư viện GD1	Thư viện có 5 tầng và cao khoảng 24m. Diện tích đất xây dựng: 2.633 m ² . Tổng diện tích sàn: 6.244 m ² . Tòa nhà có sức chứa khoảng 1.000 sinh viên.
2.15.1	Khu giảng đường phía Đông	Tòa nhà có 7 tầng, cao 31.75m. Diện tích đất xây dựng: 3.632 m ² , tổng diện tích sàn: 16.788 m ² . Tòa nhà có khả năng chứa được khoảng 4.737 học viên.
2.4	Tòa nhà học thuật 1 - Khoa Đại Cương	Toà nhà gồm 6 tầng, bao gồm cả tầng kỹ thuật tầng mái. Diện tích đất xây dựng: 1.917 m ² , tổng diện tích sàn: 8.477 m ² , Tòa nhà cung cấp không gian làm việc, học tập cho tổng số người tối đa khoảng 1.228 người.
2.12	Tòa nhà Học thuật 2 - Kỹ thuật chế biến và môi trường	Toà nhà gồm 6 tầng, bao gồm cả tầng kỹ thuật tầng mái. Tổng diện tích đất xây dựng: 1.486 m ² , tổng diện tích sàn: 6.310 m ² , Tòa nhà cung cấp không gian làm việc, học tập cho tổng số người tối đa khoảng 931 người

Mã	Tên công trình	Mô tả sơ bộ Chức năng các công trình
2.8	Tòa nhà Học thuật 3 - Kỹ thuật điện và công nghệ thông tin	Toà nhà gồm 6 tầng, bao gồm cả tầng kỹ thuật tầng mái. Tổng diện tích đất xây dựng: 1.486 m ² , tổng diện tích sàn: 6.520 m ² , Tòa nhà cung cấp không gian làm việc, học tập cho tổng số người tối đa khoảng 940 người
2.14	Tòa nhà Học thuật 5 - Kỹ thuật cơ khí và Sản xuất	Toà nhà gồm 6 tầng, bao gồm cả tầng kỹ thuật tầng mái. Tổng diện tích đất xây dựng: 2566 m ² , tổng diện tích sàn: 10.349 m ² , Tòa nhà cung cấp không gian làm việc, học tập cho tổng số người tối đa khoảng 1.354 người
2.9	Tòa nhà Học thuật 6 - Kỹ thuật xây dựng	Toà nhà gồm 6 tầng, bao gồm cả tầng kỹ thuật tầng mái. Tổng diện tích đất xây dựng: 2.242 m ² , tổng diện tích sàn: 9.331 m ² . Tòa nhà cung cấp không gian làm việc, học tập cho tổng số người tối đa khoảng 1.150 người
Z.1	Cổng khánh tiết	Diện tích khoảng 534 m ² .
Z.2.1	Mái che lối đi bộ xuyên công trình Khu AL	Diện tích đất xây dựng khoảng 4.503 m ²
3.1.1	Nhà ăn GĐ1	Nhà ăn được xây dựng với cấu trúc 3 tầng, với không gian thông tầng. Tổng diện tích đất xây dựng: 1.736 m ² , tổng diện tích sàn là 3.938 m ² . Phục vụ tối đa 1.092 người
4.1.1	Ký túc xá sinh viên 1	Các ký túc xá có 7 tầng cao với mái.

Mã	Tên công trình	Mô tả sơ bộ Chức năng các công trình
		Diện tích đất xây dựng: 2.674 m ² , diện tích sàn là 15.526 m ² . Ký túc xá 1 có số người ở là 1.138 sinh viên
4.1.2	Ký túc xá sinh viên 2	Các ký túc xá có 7 tầng cao với mái dốc. Diện tích đất xây dựng: 2.674 m ² , diện tích sàn là 15.526 m ² . Ký túc xá2 có 1.063 sinh viên
Z.2.2	Mái che lối đi bộ xuyên công trình khu DL	Diện tích đất xây dựng: 728 m ²
5.1.3	Nhà ở giảng viên (biệt thự đơn lập)	Tổng diện tích đất xây dựng nhà ở giảng viên: 1.205 m ² . Diện tích sàn sử dụng: 806 m ²
5.1.2	Nhà ở giảng viên (biệt thự song lập)	Tổng diện tích đất xây dựng: 825 m ² . Tổng diện tích sàn sử dụng: 519 m ²
5.2.1	Nhà công vụ (nhà ở ghép hộ) khu 1	Gồm 20 căn hộ 2 tầng, liền kề. Tổng diện tích đất xây dựng: 792 m ² , tổng diện tích sàn là 1.360 m ² . Số người phục vụ 40 người
3.3	Nhà thi đấu có mái che và mái che lối đi bộ	Tòa nhà có 2 tầng, cao 12.2m. Tổng diện tích đất xây dựng: 4.512 m ² , Tổng diện tích sàn là 3.831 m ² và cung cấp công suất cho 950 người.
	Hồ bơi	Nằm ở phía Bắc toà nhà thi đấu. Diện tích đất xây dựng: 998 m ²
	Sân tập thể thao ngoài trời	Nằm ở phía Đông toà nhà thi đấu. Diện tích đất xây dựng: 2.123 m ²

Mã	Tên công trình	Mô tả sơ bộ Chức năng các công trình
A.1	Công trình kỹ thuật hạ tầng cơ điện	Tòa nhà Hạ tầng kỹ thuật có cấu trúc đơn gồm hệ thống lạnh trung tâm trường đại học, trạm biến áp điện, nhà máy xử lý nước thải, và trung tâm dữ liệu. Một bể chứa trạm bơm và nước riêng biệt nằm ở phía Nam của tòa nhà chính. Tòa nhà có 2 tầng, cao 12.2m. Diện tích đất xây dựng: 2.676 m ² , diện tích sàn sử dụng: 6.110 m ²
A2	Trạm bơm	Diện tích đất xây dựng: 130 m ² .

- Một số hạng mục khác như cầu Đông, cầu Tây, khu mái che lối đi bộ xuyên công trình qua đường giao thông và trong khu cây xanh cảnh quan được thiết kế hài hòa với kiến trúc dự án đã hoàn thành.

- Ngoài ra còn có một số công trình giao thông đặc thù khác như 2 cầu bắc qua kênh, các hạng mục cơ sở hạ tầng chủ yếu bao gồm: đường, vỉa hè, hệ thống cấp điện, cấp nước, cống, hàng rào, nhà bảo vệ, bãi đỗ xe, hệ thống chiếu sáng sân vườn

- Các hệ thống cơ sở hạ tầng; đường giao thông; hệ thống phòng cháy; chữa cháy; thông tin liên lạc và các khu phụ trợ khác đã hoàn thành.



Khu thể thao



Thư viện



Nhà giảng đường



Khu ký túc xá sinh viên



Hội trường



Các tòa nhà học thuật



Khu nhà khách, biệt thự



Nhà ăn



Lối đi bộ

Nhà kỹ thuật

Nhà hành chính

Cầu đi bộ

Hình 1- 6 : Một số hình ảnh các tòa nhà tại khuôn viên Trường

1.5.3 Mô hình và cách thức tổ chức quản lý thực hiện dự án.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo: Là cơ quan chủ quản dự án, chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ về tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn vốn vay và vốn ngân sách nhà nước đầu tư để chỉ đạo, tổ chức thực hiện Dự án đảm bảo hiệu quả, đạt mục tiêu của Dự án.

- Ban quản lý các dự án Bộ Giáo dục và Đào tạo (PMB): là Chủ dự án đối với toàn bộ các thành phần, hoạt động của dự án; trực tiếp chỉ đạo PMU và VMU thực hiện dự án để đạt các mục tiêu và kết quả như đã cam kết với WB; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước pháp luật về các quyết định trong quá trình quản lý Dự án.

- Ban quản lý dự án xây dựng Trường Đại học Việt Đức (PMU): là đơn vị được PMB ủy quyền theo quyết định số 2540/QĐ-BQLCDA ngày 16/11/2018 thực hiện

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường - Trường Đại học Việt Đức
nhiệm vụ, quyền hạn của chủ dự án đối với dự án thuộc Tiểu thành phần 3.1 “Xây dựng khuôn viên và cơ sở hạ tầng” và các hoạt động có liên quan thuộc Thành phần 4 “Quản lý dự án”.

- Ban quản lý dự án Trường Đại học Việt Đức (VMU): là đơn vị được PMB ủy quyền theo quyết định số 2539/QĐ-BQLCDA ngày 16/11/2018 thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chủ dự án đối với dự án thuộc Tiểu thành phần 1 “Xây dựng Khung chính sách và Quản trị nhà trường”, Tiểu thành phần 2 “Phát triển Đào tạo và Nghiên cứu khoa học”, Tiểu thành phần 3.2 “Quản lý khuôn viên và cơ sở hạ tầng” và một số công việc của Tiểu thành phần 4 “Quản lý, điều phối và Giám sát, đánh giá Dự án”.

CHƯƠNG 2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1 Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

- Trường Đại học Việt Đức được xây dựng tại Khu công nghiệp và dân cư Thới Hoà, phường Thới Hoà, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Trường được xây dựng phù hợp quy hoạch của tỉnh Bình Dương tại Quyết định số 1865/QĐ-UBND ngày 5/8/2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết Trường Đại học Việt Đức tại phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát. *(chi tiết xem Quyết định số 1865/QĐ-UBND ngày 5/8/2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đính kèm theo phục lục)*

- Do đó, nhà trường cam kết trong thời gian hoạt động đảm bảo kiểm soát nguồn phát sinh chất thải đạt yêu cầu về môi trường.

2.2 Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

- Trường đã đi vào hoạt động và cam kết kiểm soát, xử lý các chất thải phát sinh tại trường đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Đối với nước thải: trường đã xây dựng hệ thống thu gom và thoát nước thải về khu vực xử lý nước thải. Hệ thống thu gom và thoát nước thải của trường được tách riêng với hệ thống thu gom và thoát nước mưa. Nước thải sau khi xử lý tại HTXL nước thải với công suất 1000m³/ngàyđêm của trường đạt giá trị C cột A QCVN 14:2008/BTNMT sẽ được dùng tuần hoàn lại xả cho thiết bị vệ sinh, một phần xả ra kênh K1.

- Đối với nước mưa: nhà máy đã xây dựng hệ thống thu gom và thoát mưa riêng biệt ra được thu hồi về các Hồ sinh học tự nhiên sau đó được xả ra kênh qua các ống thoát nước.

- Đối với khí thải: nguồn phát sinh khí thải tại Trường chủ yếu từ phòng thí nghiệm đặt tại tòa nhà Học Thuật 2. Với lưu lượng nhỏ và chiều cao đường ống thoát khí đảm bảo khí thải phát sinh đạt QCVN19:2009/BTNMT khi xả ra môi trường. Nhà trường định kỳ tiến hành bảo dưỡng, bảo trì đối với hệ thống đảm bảo khả năng hoạt động.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường - Trường Đại học Việt Đức

- Đối với chất thải rắn phát sinh: đối với các loại chất thải rắn phát sinh tại trường như chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại tại phòng thí nghiệm được trường thu gom, lưu trữ, phân loại và bàn giao cho đơn vị có chức năng xử lý. Nhà trường thực hiện ký hợp đồng với các đơn vị thu gom xử lý có chức năng để đảm bảo chất thải rắn khi phát sinh được thu gom kịp thời, tránh gây ảnh hưởng đến các khu vực xung quanh.

- Nhà trường đảm bảo vận hành đúng quy định và kiểm soát chặt chẽ hoạt động để đảm bảo không gây tác động đến môi trường.

Bảng 0-1: Chất lượng nước thải sau xử lý

(Nguồn: Trung tâm quan trắc tài nguyên - Môi trường Bình Dương, 9/2023)

Stt	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả phân tích tháng 9/2023	QCVN 14:2008/ BTNMT, giá trị C cột A	QCVN 14-MT:2015/ BTNMT, giá trị C cột A
1	Xác định pH	--	6,5	5 - 9	5 - 9
2	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/l	< 10	--	75
3	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	< 5	50	50
4	Amoni (NH_3^+ tính theo N)	mg/l	< 0,14	5	20

Bảng 0-2: Chất lượng khí thải một số khu vực khuôn viên năm 2023

Stt	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả đo tháng 9 năm 2023			QCVN 19:2009/BTN MT Cột B
			Nhà hành chính	Nhà học thuật 2	Khu ký túc xá/căn tin	
1	Nhiệt độ	°C	27,5	27,5	28	-
2	Bụi	mg/Nm ³	--	--	--	200
3	NO _x	mg/Nm ³	0,025	0,016	0,019	850
4	SO ₂	mg/Nm ³	0	0	0	500
5	CO	mg/Nm ³	0	0	0	1.000

(Nguồn: Kết quả đo Trường Đại học Việt Đức, 2023)

Nhận xét: từ bảng tổng hợp cho thấy chất lượng nước thải sau xử lý và chất lượng khí thải phát sinh từ hoạt động tại Trường đạt các quy chuẩn về bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.

3.1 Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1 Công trình, biện pháp thu gom thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thoát nước thải sinh hoạt. Hệ thống thoát nước mưa được tính toán trên nền tảng phát triển bền vững quan trọng của việc tiêu thoát nước, tái chế nước và bảo vệ môi trường. Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế có tính đến việc kiểm soát nước nên có nhiều lợi ích môi trường bao gồm việc cải thiện cảnh quan đô thị, làm giảm sự gây ô nhiễm, làm chậm dòng chảy nước mưa và giảm nhu cầu cầu tưới tiêu.

- Nước mưa bề mặt từ toàn bộ khu vực phía Nam của dự án được thu về hồ tập trung nước đặt ở phía Nam của dự án. Những hồ nước này dùng làm chậm dòng chảy của nước mưa trong thời điểm mưa lớn nhất cho trận mưa với chu kỳ 10 năm. Lượng nước vượt mức các hồ này sẽ được dẫn ra kênh bởi hệ thống cống.

- Hệ thống thu gom nước mưa bao gồm:

+ Hệ thống cống bê tông cốt thép:

Bảng 0-1: Thông số kỹ thuật về cống bê tông cốt thép

STT	Đường kính (mm)	Chiều dài (m)
1	D300	1201,5
2	D600	1389,7
3	D800	2175,5
4	D1000	2315,5
5	D1200	626,7

+ Bể tích nước và làm chậm dòng chảy đặt ngầm gồm 2 bể:

✓ Bể 1: thể tích 1200 m³

✓ Bể 2: thể tích là 620 m³.

+ Hồ điều tiết nước gồm có: Hồ số 1, hồ số 2, bãi lọc 1 và bãi lọc 2.

+ Rãnh thu nước mặt cạnh đường H6 , xung quanh các toà nhà.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường - Trường Đại học Việt Đức

+ Toàn dự án có 5 vị trí cửa xả ra kênh K1 bằng van 1 chiều, tọa độ của 5 vị trí là:

- ✓ Vị trí 1: X=594255.472 Y=1228633.916 (có đường kính ống D800)
- ✓ Vị trí 2: X=594669.105 Y=1228785.480 (có đường kính ống D1000)
- ✓ Vị trí 3: X=594640.726 Y=1228813.511 (có đường kính ống D1200)
- ✓ Vị trí 4: X=593993.041 Y=1228671.006 (có đường kính ống D1000)
- ✓ Vị trí 5: X=594402.200 Y=1228688.420 (có đường kính ống D1200)



Hồ điều tiết khu vực gần ký túc xá 1



Hồ điều tiết khu nhà khách, biệt thự



Hố thu nước mưa xả ra kênh K1

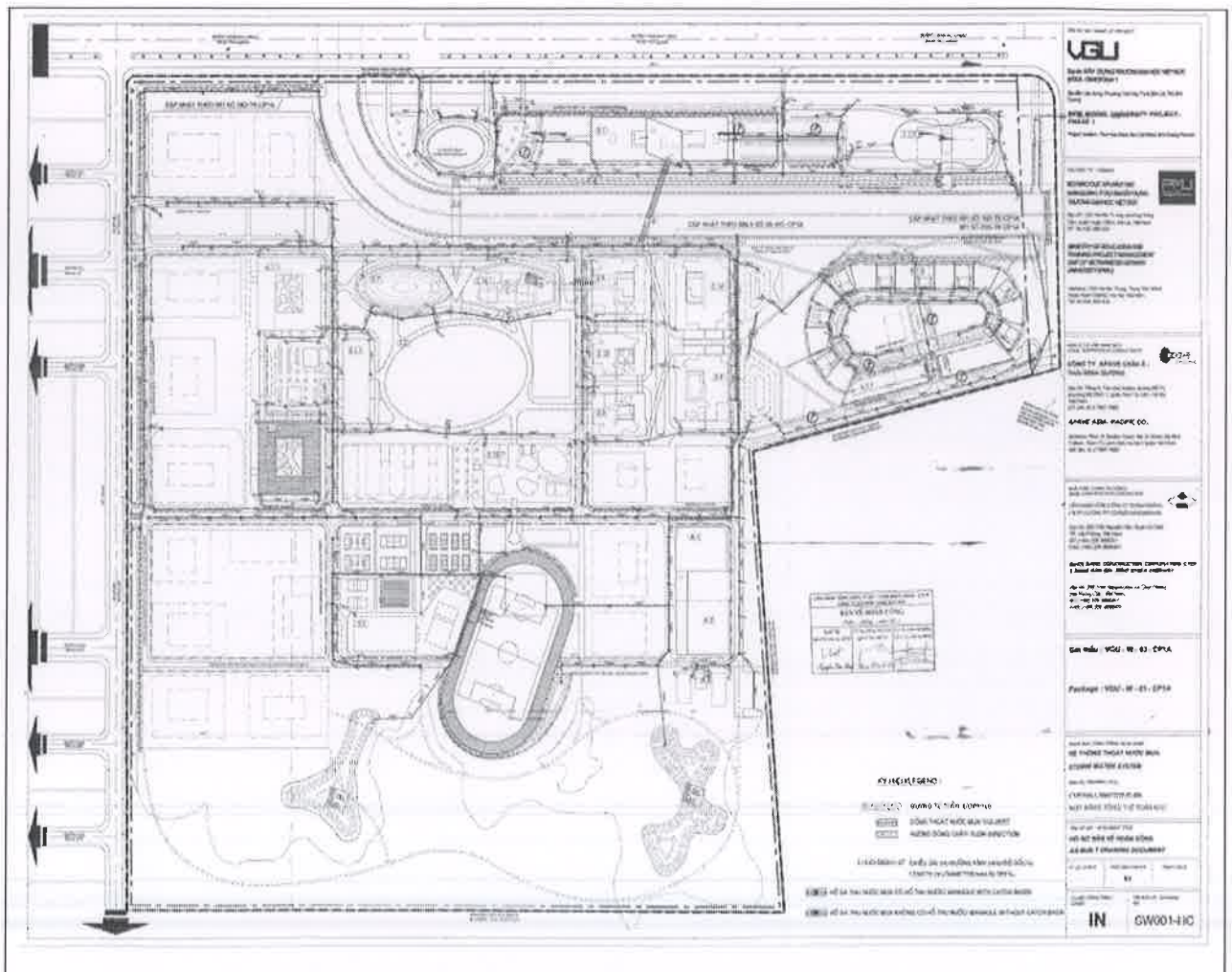
Hình 3-1 Một số hình ảnh về khu vực thoát nước mưa

+ Chiều sâu lớp đất phủ tính từ mặt đất thiết kế đến đỉnh cống là 0,7m nhằm đảm bảo công làm việc bình thường dưới tác động của xe cộ và các tải trọng liên quan khác.

+ Độ dốc đặt cống: trên cơ sở bám sát độ dốc địa hình thiết tuy nhiên vẫn phải đảm bảo độ dốc cống tối thiểu 1/D.

+ Mô tả hệ thống thu gom, thoát nước mưa: Nước mưa tại các công trình xây dựng được thu gom vào hệ thống rãnh xung quanh nhà và đổ vào hệ thống cống ngầm, qua bể ngầm hoặc hồ chứa nước; Nước mưa bề mặt các bãi cỏ, đường giao thông được thu gom vào các miệng thu nước giữa đường giao thông và đổ vào hệ thống cống ngầm chảy ra hồ chứa nước mưa, một số khu vực lân cận hồ sẽ chảy trực tiếp vào hồ tích nước. từ các hồ chứa nước sẽ chảy ra ngoài kênh K1.

+ Quy trình vận hành: Hệ thống thoát nước mưa theo cơ chế tự chảy theo độ dốc dọc ra hồ chứa trong dự án, từ hồ chứa sẽ chảy ra kênh K1 qua đường cống BTCT có van 1 chiều, khi chênh cao nước ngoài kênh lớn hơn nước trong dự án, hệ thống van 1 chiều tự động đóng lại, khi chênh cao nước trong dự án lớn hơn nước ngoài kênh, hệ thống van 1 chiều mở ra cho nước thoát ra ngoài.



Hình 3-2: Mặt bằng tổng thể thoát nước mưa

(Chi tiết xem tập bản vẽ hoàn công số 4: Hệ thống thoát nước mưa đính kèm phục lục).

3.1.2 Công trình, biện pháp thu gom thoát nước thải

- Công trình thu gom nước thải:

+ Thu gom nước thải sinh hoạt:

✓ Toàn bộ nước thải sinh hoạt từ các tòa nhà trong khuôn viên trường được thu gom về trạm xử lý nước thải bằng cống tự chảy và bơm chuyển bậc. Nước thải sinh hoạt từ các tòa nhà được xử lý thông qua bể tự hoại 3 ngăn đúng quy cách trước khi thải vào mạng lưới thu gom nước thải của dự án;

✓ Mạng lưới thu gom nước thải sinh hoạt bao gồm các hố ga bê tông cốt thép, các tuyến cống tự chảy HDPE gân xoắn 2 lớp (357m ống D200, 2692m ống D300, 376m ống D400) chôn ngầm dưới đất, 03 trạm bơm chuyển bậc và các tuyến cống áp lực (109m ống DN160) chôn ngầm dưới đất;

+ Thu gom nước thải phòng thí nghiệm

✓ Toàn bộ nước thải từ phòng thí nghiệm được thu về bể chứa và bơm chuyển bậc, được xử lý bằng hệ thống xử lý chuyên biệt đạt giá trị C cột QCVN 40:2011/BTNMT trước khi đổ vào hệ thống thoát nước thải sinh hoạt của dự án.

✓ Mạng lưới thu gom nước thải phòng thí nghiệm bao gồm các hố ga bê tông cốt thép, các tuyến cống tự chảy HDPE gân xoắn 2 lớp (467m ống D63) chôn ngầm dưới đất, 08 trạm bơm chuyển bậc.

- Công trình thoát nước thải:

+ Toàn bộ nước thải sau khi xử lý được cấp vào bể chứa và bơm cấp cho các công trình tái sử dụng để sử dụng cho hệ thống nước không uống được, dùng để tưới cây cho toàn bộ khuôn viên trường và dùng cho các thiết bị vệ sinh. Đây là một hệ thống xử lý tuần hoàn và khép kín, không thải ra môi trường; đảm bảo tiết kiệm nước cho nhà trường, an toàn cho môi trường xung quanh. Nước thải sau xử lý chỉ được thải ra kênh K1 trong trường hợp có sự cố đối với hệ thống cấp nước không uống được hoặc nước thải sau xử lý tại trạm vượt quá nhu cầu sử dụng nước cấp cho thiết bị vệ sinh và tưới cây

+ Trong trường hợp xả nước thải thì nước thải sau xử lý (đạt cột nước A) sẽ được thải theo đường ống cống xả sự cố (412m ống DN160) chôn ngầm dưới đất ra kênh K1 (bản vẽ WW001-HC, bản vẽ hoàn công Hệ thống Thoát nước thải, tập

bản vẽ số 5B).

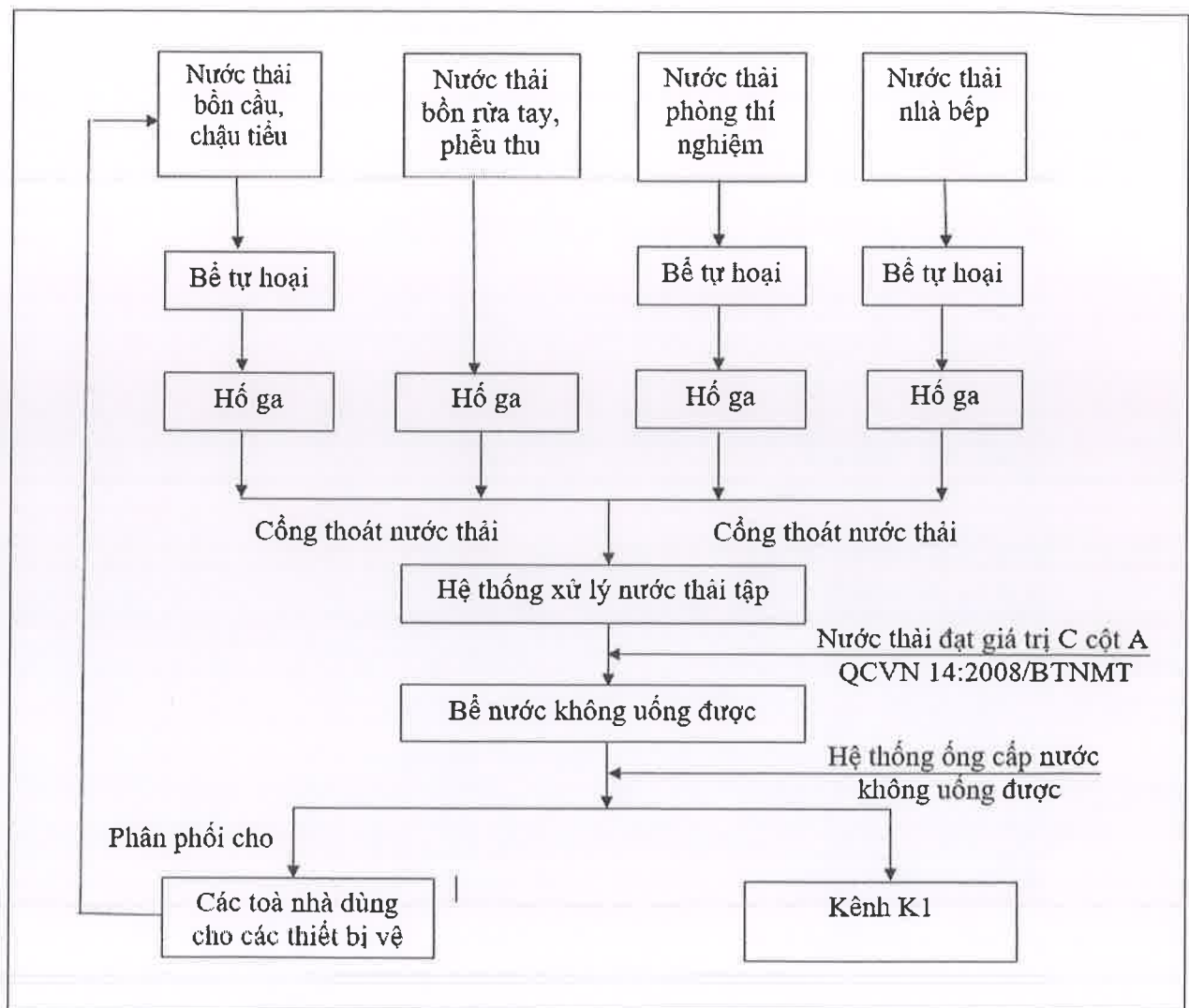
- Điểm xả nước thải sau xử lý:

Toạ độ vị trí xả nước thải sau xử lý ra kênh K1:

+ Vị trí: X=594402.20; Y=1228688.42.

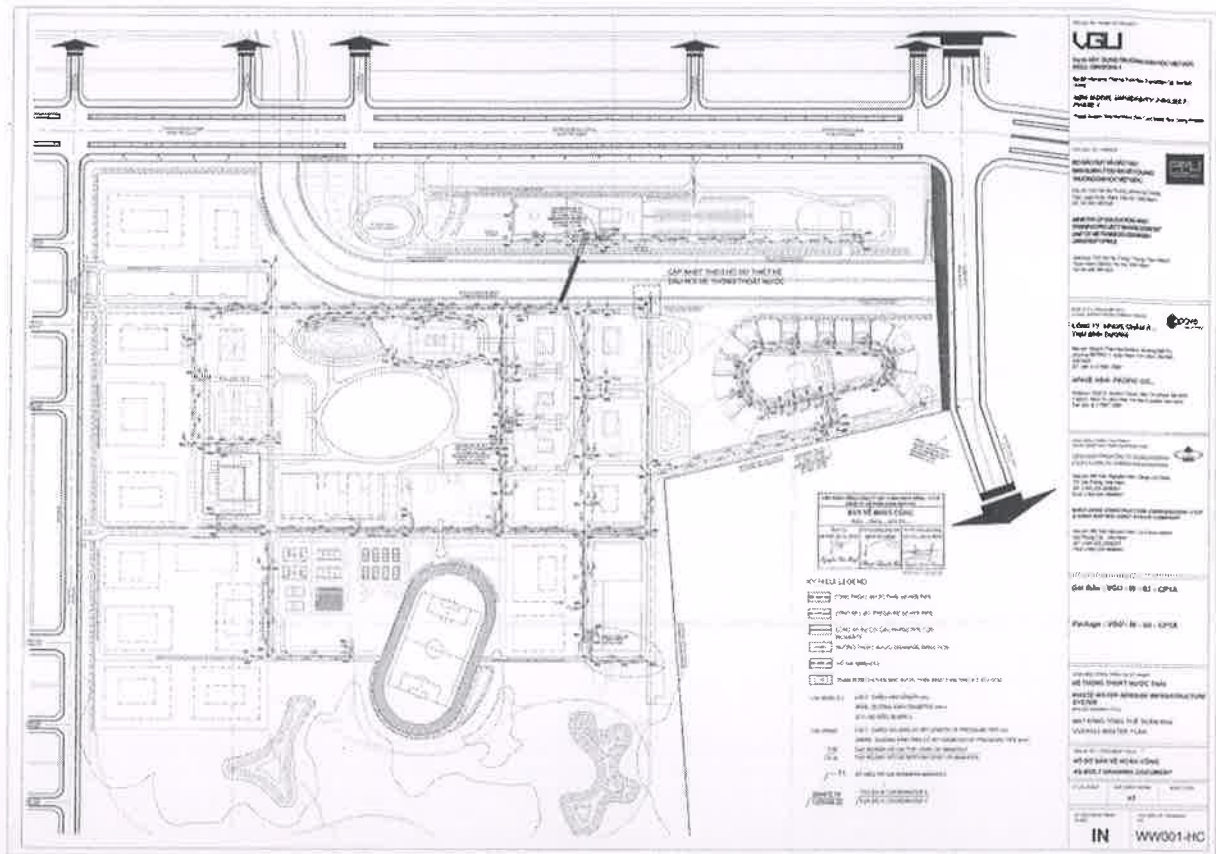
+ Nước thải xả ra kênh K1 là nước sau khi được xử lý tại trạm xử lý nước thải đạt cột nước loại A, QCVN 14:2008/BTNMT đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường;

- Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom nêu trên:



Hình 3-3: Sơ đồ thu gom nước thải tuần hoàn

Bản vẽ tổng mặt bằng hệ thống thoát nước thể hiện hướng tiêu thoát và thu gom nước thải về trạm xử lý và bơm vào bể chứa nước $V = 1000\text{m}^3$ sau đó một phần được tái cấp sử dụng cho việc xả các thiết bị vệ sinh tại tòa nhà và phần còn lại theo ống dẫn xả tràn ra kênh K1.



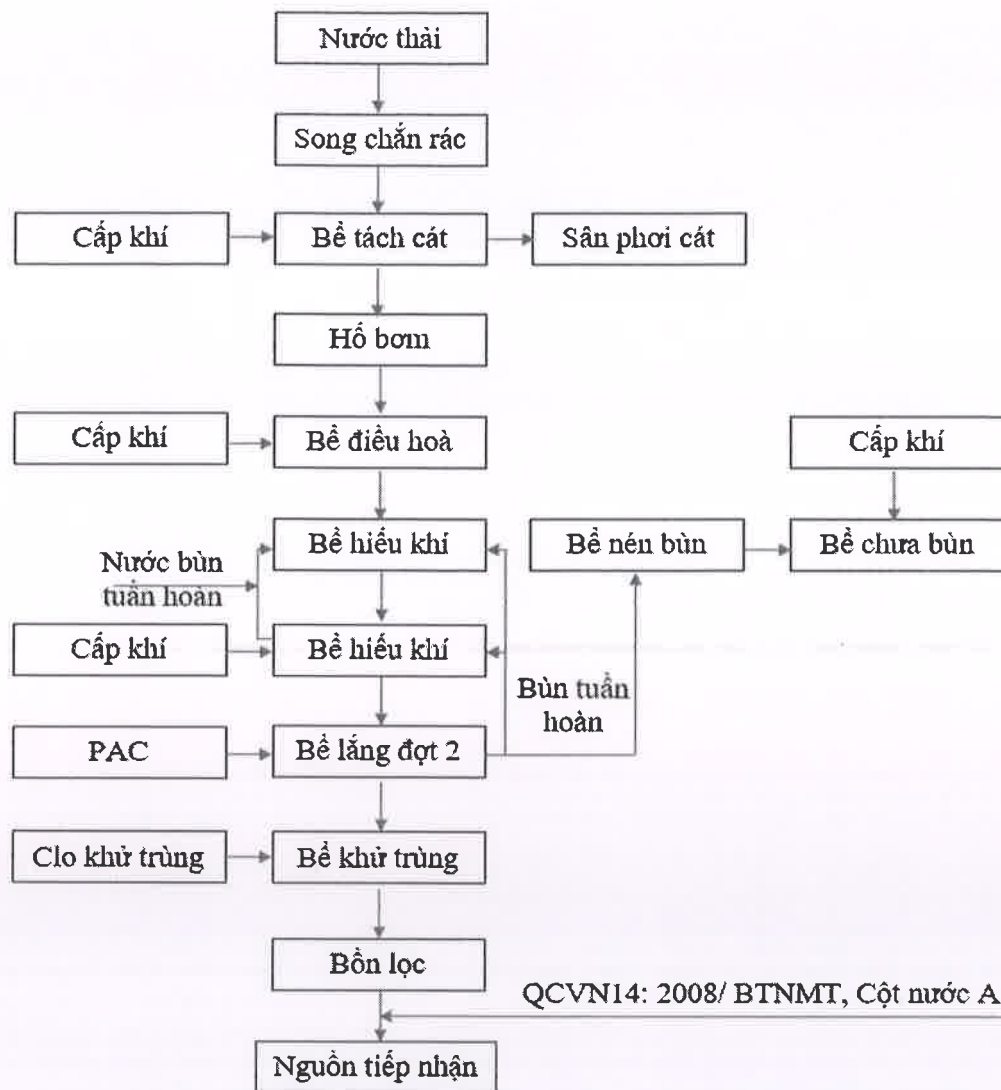
Hình 3-4: Mặt bằng tổng thể hệ thống thoát nước thải

(Chi tiết xem tập bản vẽ hoàn công số 5B: Hệ thống thoát nước thải đính kèm phục lục).

3.1.3 Xử lý nước thải

- **Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt:**

Trạm xử lý nước thải được xây lắp theo công nghệ VISIBA công suất theo thiết kế 1000m³/ ng.đêm, công suất xử lý thực tế giai đoạn 1 là 566.67m³/ ng.đêm.



Hình 3-5: Sơ đồ công nghệ trạm xử lý nước thải

• **Quy trình vận hành trạm xử lý nước thải sinh hoạt:**

- Các giai đoạn xử lý nước thải tại trạm:

- + Xử lý bậc một: Lọc rác, lắng tách cặn bã, ổn định pH và làm giảm một số chỉ tiêu ô nhiễm;
- + Xử lý bậc hai: Xử lý chất hữu cơ, kim loại nặng, chất clo hoạt động, nitơ, photpho, COD và BOD;
- + Xử lý làm trong nước: Lắng tách bùn sinh học và các chất lơ lửng trong nước thải;
- + Xử lý vi khuẩn: Khử trùng bằng hóa chất Clo và lọc để khử và loại bỏ các vi trùng gây bệnh...

- Mọi hoạt động sinh hoạt trong trường sẽ phát sinh nước thải, nước thải được thu gom từ các khu vực trong trường đưa về trạm xử lý thông qua hệ thống cống thu gom HDP, các trạm bơm chuyển bậc và cống áp lực.

- Tại trạm xử lý có lắp đặt lược rác tại vị trí nước thải đầu vào nhằm loại bỏ rác thải và các chất cặn bã có kích thước lớn trước khi cho qua bể tách cát.

- Tại bể tách cát có lắp đặt bơm hút cát và thiết bị tách cát, từ đây nước thải tiếp tục tràn qua hố bơm, tại hố bơm có lắp đặt 2 bơm nước vào bể điều hòa, tại bể điều hòa có lắp đặt hệ thống đĩa thổi khí nhằm ổn định nguồn nước thải đầu vào.

- Nước tiếp tục được bơm qua bể thiếu khí, trong bể thiếu khí có lắp đặt máy khuấy chìm để ổn định độ pH đồng thời loại bỏ một số chất ô nhiễm khó xử lý trong nước thải và sẽ xử lý làm giảm nồng độ một số chỉ tiêu ô nhiễm như Nitơ, photpho, BOD, COD...

- Sau các công đoạn tiền xử lý như trên, nước thải tiếp tục tràn qua bể hiếu khí để khử Nitơ, photpho và các chất gây ô nhiễm cao. Tại bể hiếu khí sẽ diễn ra quá trình vi sinh vật oxi hóa chất hữu cơ tốc độ cao. Sau quá trình này thì các chất vô cơ và hữu cơ khó xử lý trong nước thải sẽ giảm dần, quá trình này đặc biệt giảm đi đáng kể hàm lượng tổng Nitơ và tổng photpho, BOD, COD có trong nước thải.

- Nước thải tiếp tục tràn qua bể lắng 2, tại bể lắng 2 có sử dụng hóa chất PAC là chất trợ lắng giúp các quá trình lắng trong bể lắng diễn ra nhanh hơn. Mục đích là để keo tụ, kết tủa hoàn toàn các chất rắn lơ lửng, các chất hữu cơ (hòa tan và không hòa tan), kim loại nặng và các chất keo hòa tan trong nước tạo ra các bông cặn, bông cặn dễ dàng kết tủa ổn định lắng nhanh để tạo bùn.

- Tại bể lắng 2 có lắp đặt hệ thống gạt bùn và bơm hút bùn, bùn được hút về bể nén bùn tại bể nén bùn có lắp đặt hệ thống gạt bùn và bơm hút bùn, bùn được đưa về bể chứa bùn lưu trữ, tại bể chứa bùn có lắp bơm hút bùn để hút vào máy ép bùn.

- Trạm xử lý nước thải sử dụng Clo để khử trùng, hoá chất PAC (Poly Aluminium Chloride - keo tụ lắng trong nước) và vi sinh vật nhằm nâng cao tốc độ oxi hoá chất hữu cơ. Mỗi 1m³ nước thải sẽ dùng 5g Clo và từ 2g đến 4g hoá chất PAC.

- Để nước thải đạt theo QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, nước thải cần được đưa qua bể khử trùng và bơm qua hệ thống bồn lọc để loại bỏ các tạp chất còn sót lại,

sau đó nước được xử lý được bơm về bể nước không uống được $V=1000\text{m}^3$ và cung cấp cho các tòa nhà để sử dụng cho các thiết bị vệ sinh, tưới cây.

Bảng 0-2: Thông số kỹ thuật các bể xử lý của HTXL nước thải

Stt	Tên bể	Số lượng	Vật liệu	Tổng thể tích (dài x rộng x cao)	Thể tích hữu ích (m^3)	Thời gian lưu nước (giờ)
1	Bể gom có song chắn rác	01	BTCT, bên trong quét sika chống thấm	$4,05 \times 2,1 \times 6$ $= 51,03 \text{ m}^3$	34,02	-
2	Bể tách cát và hồ bơm	01	BTCT, bên trong quét sika chống thấm	$6,9 \times 3,9 \times 6 =$ $161,46 \text{ m}^3$	107,64	-
3	Bể điều hòa	01	BTCT, bên trong quét sika chống thấm	$16,6 \times 5,5 \times$ $4,5 = 410,85$ m^3	365,2	-
4	Bể thiếu khí	01	BTCT, bên trong quét sika chống thấm	$7,6 \times 4,5 \times 4,5$ $= 153,9 \text{ m}^3$	136,8	8
5	Bể hiếu khí	01	BTCT, bên trong quét sika chống thấm	$7,6 \times 7 \times 4,5 =$ $239,4 \text{ m}^3$	202,16	8
6	Bể lắng đợt 2	01	BTCT, bên trong quét sika chống thấm	$7,6 \times 7,5 \times 4,5$ $= 256,5 \text{ m}^3$	205,2	8
7	Bể khử trùng	01	BTCT, bên trong quét sika chống thấm	$8,2 \times 7,6 \times 2,5$ $= 155,8 \text{ m}^3$	124,64	1

Stt	Tên bể	Số lượng	Vật liệu	Tổng thể tích (dài x rộng x cao)	Thể tích hữu ích (m ³)	Thời gian lưu nước (giờ)
8	Bồn lọc	01	Thép không rỉ	3,14 x 0,95 x 3 = 8,949 m ³	-	-
9	Bể nén bùn	01	BTCT, bên trong quét sika chống thấm	3,14 x 3 x 4 = 37,68 m ³	30,144	-
10	Bể chứa bùn	01	BTCT, bên trong quét sika chống thấm	2,5 x 2,4 x 4 = 24 m ³	18	-
11	Phòng máy ép bùn	01	Dài x Rộng x Cao = 3,97(m) x 3,88(m) x 4(m)			
12	Phòng vận hành	01	Dài x Rộng x Cao = 10(m) x 5,05(m) x 4,36(m)			
13	Phòng hóa chất	01	Dài x Rộng x Cao = 10(m) x 3,65(m) x 4,36(m)			

Bảng 3-3: Thông số kỹ thuật thiết bị trạm xử lý nước thải

Stt	Tên thiết bị	Tính năng thông số kỹ thuật
1	Bơm cát (Nhãn hiệu: DMT 310, Hãng sx: PENTAX, Xuất xứ: Italy)	
	Lưu lượng	6-66m ³ /h
	Cột áp	22,2-6,4m
	Công suất	3HP
	Động cơ	3 pha 380v/3ph/50Hz
	Cấp độ bảo vệ	IP68

Stt	Tên thiết bị	Tính năng thông số kỹ thuật
	Vật liệu	Thân gang, cánh gang, trục thép không gỉ
2	Bơm cát (Nhãn hiệu: TB101, Xuất xứ: Việt Nam)	
	Kiểu: Tách cát và nước	động cơ trục xoắn (Y)
	P= 0,37kw	P=0,37kw, 5m ³ /h
	Vật liệu chế tạo inox 304	3 pha 380v/50Hz
	Điện áp: 380V - 50Hz	IP68
3	Bơm chìm (Nhãn hiệu: 100 DL511, Hãng sx: EBARA, Xuất xứ: China-Italy)	
	Lưu lượng	48-156m ³ /h
	Cột áp tương ứng	27,3-15,1m
	Công suất	15HP
	Động cơ	3 pha 380v/3ph/50Hz
	Cấp độ bảo vệ	IP68
	Vật liệu	Thân gang, cánh gang, trục thép không gỉ
4	Bơm chìm (Nhãn hiệu: DMT 560, Hãng sx: PENTAX, Xuất xứ: Italy)	
	Lưu lượng:	6-78 m ³ /h
	Cột áp:	27,5-8,3 m
	Công suất:	5,5HP
	Động cơ:	3 pha 380v/3ph/50Hz
	Cấp độ bảo vệ:	IP68
5	Máy thổi khí Longtech (Nhãn hiệu: LT-150, Hãng sx: Longtech, Xuất xứ: TaiWan)	
	Nguồn điện	380 (v)
	công suất motor	30 Kw
	Lưu lượng khí	24,98 m ³ /ph; 1500rpm

Stt	Tên thiết bị	Tính năng thông số kỹ thuật
	Áp lực	0-5000mmH ₂ O
	Độ chân không	-5000mmH ₂ O
6	Máy khuấy chìm (Nhãn hiệu: MR21NF750, Hãng sx: TUSURUMI, Xuất xứ: Japan)	
	Kiểu:	cánh khuấy 190mm
	Công suất:	0,75kW, 1410v/p, 3,6m ³ /ph
	Cấp độ bảo vệ:	IP68, chuẩn cách nhiệt lớp H
	Động cơ:	3 pha 380v/3ph/50Hz
	Vật liệu:	Thân gang, cánh inox, trục thép không gỉ
7	Bơm nước bùn ly tâm tự mỗi (Nhãn hiệu: Q4/B3 T, Hãng sx: Matra, Xuất xứ: Italy)	
	Lưu lượng	6-60m ³ /h
	Cột áp	17-6m
	Công suất	3HP
	Động cơ	3 pha 380v/3ph/50Hz
	Cấp độ bảo vệ	IP68
	Vật liệu	Thân gang, cánh gang, trục thép không gỉ
8	Hệ thống gạt bùn (Nhãn hiệu: MNHL50/3+MIL50FP, Hãng sx: SiTi, Xuất xứ: Italy)	
	Model hộp số	MNHL50/3+MIL50FP
	Điện áp	380V - 3pha, 50Hz
	Công suất	0.37kw- 4P-B5
	Tỉ số chuyển	I =18598.4
	Trục ra cốt dương	D=50mm x 100mm
	Tốc độ	n1/n2=1400/0.075rpm (4,5 vòng/h)
9	Bơm định lượng PAC (Nhãn hiệu: M 155, Hãng sx: OBL, Xuất xứ: Italy)	

Stt	Tên thiết bị	Tính năng thông số kỹ thuật
	Loại	Bơm màng: 155 l/h
	Điện áp	380V - 3pha
	Cột áp	6bar
	Công suất	0,2kw/3pha/380v/50Hz
10	Bồn lọc áp lực (Xuất xứ: Việt Nam)	
	Kích thước:	D1900mm x 4000mm
	Thể tích thân bồn	8m ³
	Chân đế	Thép SS400/CT3
	Họng ra vào	Ống thép 114 mặt bích
	Vật liệu:	Thép SS400/CT3 dày 8mm, sơn chống ăn mòn
11	Quạt hút mùi qua hệ thống khử mùi Model: QM 1000 (Hãng sx: Cty Nguyên Hùng, Xuất xứ: Việt Nam)	
	Kiểu	Quạt hút ly tâm trực tiếp
	công suất	P=1,5kw; Q=1000m ³ /h; 2875rpm
	Điện áp	380V - 50Hz
12	Cột lọc hấp thụ ozone (Xuất xứ: Việt Nam)	
	Kích thước	D=800mm x 1,5-5mm
	Vật liệu	SUS304
13	Bơm nước thải (Nhãn hiệu: DX 80/2G, Hãng sx: Pentax, Xuất xứ: Italy)	
	Lưu lượng	Q= 3-12m ³ /h
	Cột áp	H =6,3-3,5m
	Động cơ	Điện áp: 220V - 50Hz, P=1kw

- CO/CQ của các thiết bị nêu trong bảng trên được đính kèm tại “Hồ sơ chất lượng CO, CQ các thiết bị của hệ thống trạm xử lý nước thải, trạm quan trắc”
- Tổng công suất các thiết bị nêu trên là 53kw, điện năng tiêu thụ 53kwh.
- Một số hình ảnh khu vực xử lý nước thải sinh hoạt:



Bể gom và thiết bị tách cát



Bể điều hòa



Bể thiếu khí, hiếu khí, bể lắng 2



Bể chứa bùn



Bể nén bùn



Bể khử trùng và bồn lọc



Máy ép bùn



Phòng vận hành

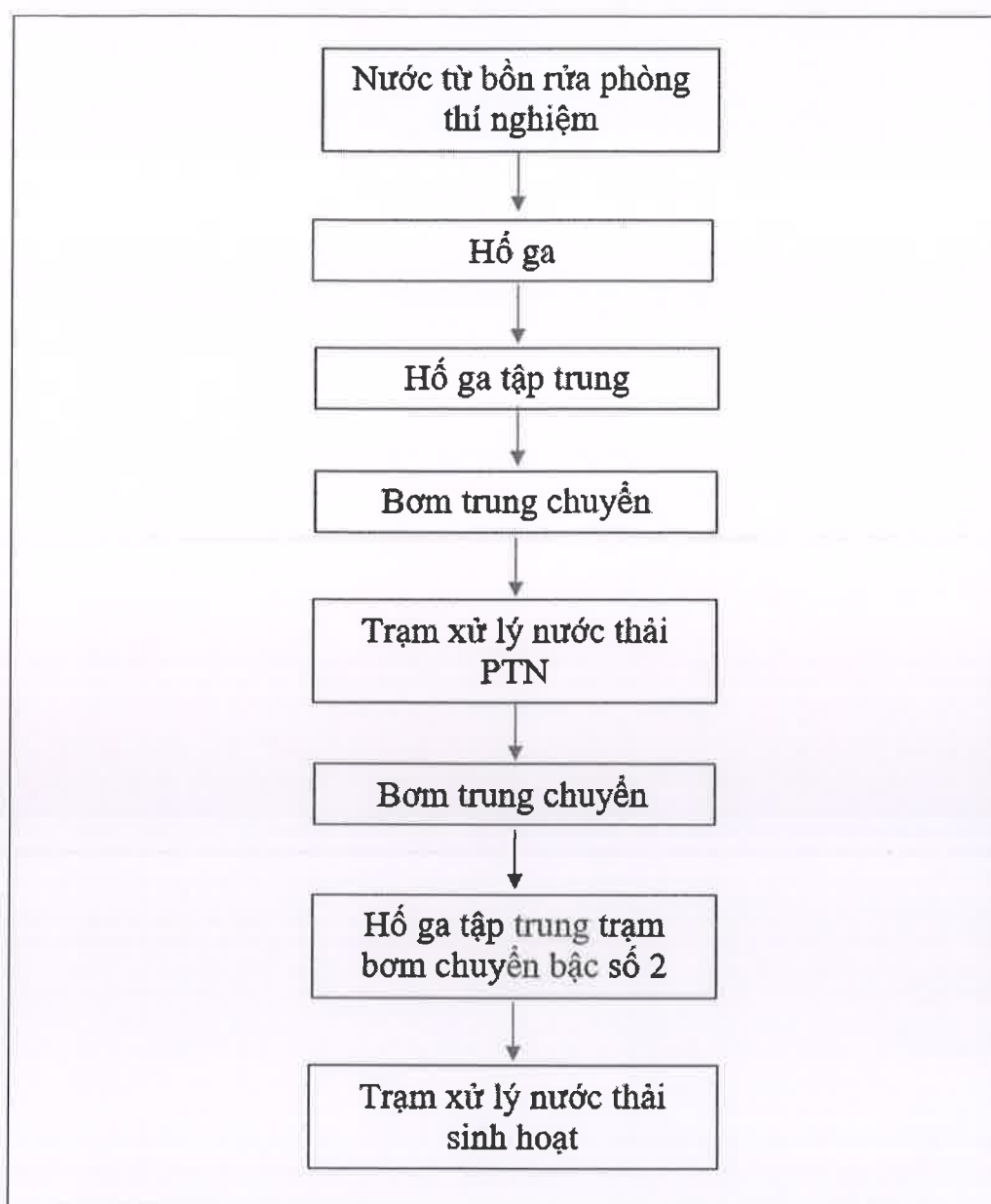


Phòng pha hóa chất

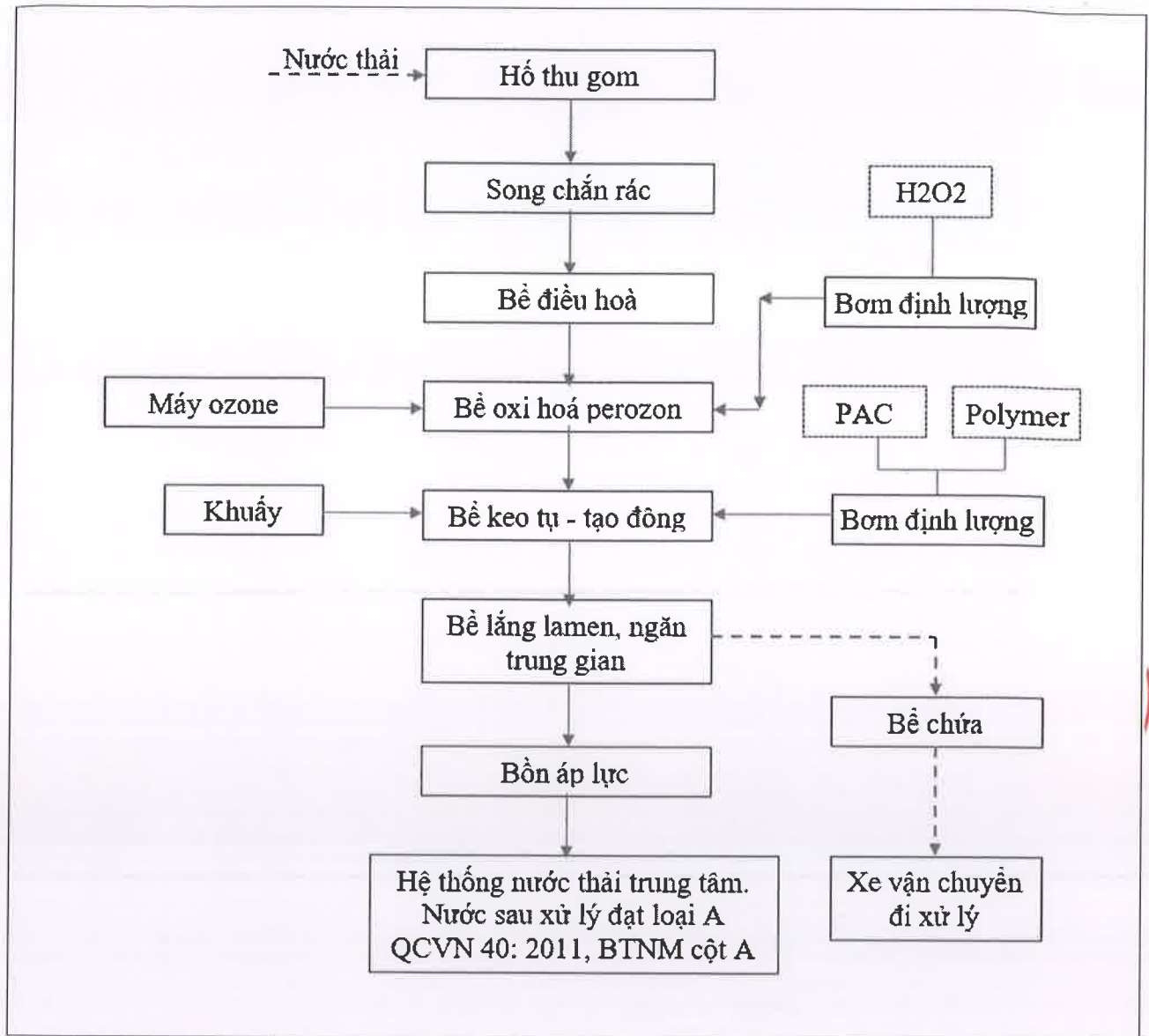
Hình 3-6: Một số hình ảnh khu vực xử lý nước thải sinh hoạt

- Công trình, thiết bị xử lý nước thải phòng thí nghiệm :**

Do đặc thù là nước thải Phòng Thí Nghiệm nên hàm lượng các chất thải trong nước thải đầu vào trạm xử lý tương đối phức tạp. Vì vậy, để xử lý đạt hiệu quả tốt nhất nên công nghệ thiết kế là dùng phương pháp hóa lý, công suất theo thiết kế 20 m³/ng.đêm.



Hình 3-7: Sơ đồ thu gom nước thải phòng thí nghiệm



Hình 3-8: Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải phòng thí nghiệm

• **Quy trình vận hành trạm xử lý nước thải phòng thí nghiệm:**

- Nước thải phòng thí nghiệm từ các nguồn phát sinh được dẫn vào hố thu gom của hệ thống xử lý. Một phần các cặn, rác thô có kích thước lớn như: bao nylon, vải vụn, cành cây, giấy,...được song chắn rác giữ lại nhằm tránh gây hư hại, bảo vệ thiết bị, hệ thống đường ống tránh tắc nghẽn bơm. Sau đó nước thải được bơm dẫn vào bể điều hòa.

- Tại bể điều hòa, nước thải được trung hòa về lưu lượng và nồng độ, do tính chất nước thải thay đổi theo thời gian nên nhiệm vụ của bể điều hòa tạo chế độ làm việc ổn định và liên tục cho các gian đoạn xử lý tiếp theo, tránh hiện tượng quá tải cho hệ thống, đồng thời máy thổi khí cung cấp oxi vào trong nước nhằm tránh phát sinh

môi hôi thối tại đây và làm giảm khoảng 20-30 % hàm lượng BOD, COD.

- Nước thải sau bể điều hòa được đưa tới bể keo tụ - tạo bông thông qua hệ thống 02 bơm hoạt động luân phiên nhau theo cài đặt ở tủ điện. Tại đây, quá trình tạo bông được sử dụng để loại bỏ các hạt lơ lửng trong nước. Hóa chất sử dụng cho quá trình này là mỗi 1m³ nước thải sẽ dùng 1-50g polymer anion và 2-4g hoá chất PAC, dùng moto khuấy trộn hiệu quả để hòa tan hóa chất và phản ứng. Tiếp theo bước tạo bông là keo tụ. Quá trình này kết hợp với moto khuấy trộn nhẹ giúp các bông keo kết dính với nhau, tăng kích thước và trọng lượng khi đó làm tăng khả năng lắng của bông. Khuấy trộn quá mức có thể làm vỡ bông. Hiệu quả của quá trình keo tụ phụ thuộc lớn vào năng lượng khuấy trộn và thời gian lưu trong bể.

- Lắng là quá trình loại bỏ các bông cặn trong nước từ khâu keo tụ tạo bông dẫn sang. Tại đây bể lắng nước sẽ di chuyển từ dưới lên theo chiều nghiêng của các tấm lamen, trong quá trình di chuyển các bông cặn sẽ va chạm vào nhau và bám vào bề mặt tấm lắng lamen. Khi các bông lắng kết dính với nhau trên bề mặt tấm lắng lamen đủ nặng và thắng được lực đẩy của dòng nước đang di chuyển lên thì bông kết tủa sẽ trượt xuống theo chiều ngược lại và rơi xuống đáy bể. Điều này sẽ giúp kéo dài thời gian rửa bể lắng, tiết kiệm được nguồn nước rửa và hóa chất phản ứng. Bùn lắng dưới đáy bể được đưa về bể chứa bùn, thông qua 02 máy bơm hoạt động luân phiên nhau. Bùn được định kỳ hút đi xử lý theo qui định bằng xe hút bùn chuyên dụng theo hợp đồng đã ký với công ty môi trường và đô thị Bình Dương.

- Nước từ bể lắng chảy qua ngăn trung gian và được bơm lên bồn lọc áp lực. Các chất rắn tan và không tan đều được giữ lại khi nước đi qua lớp vật liệu lọc. Sau mỗi chu kỳ lọc, lớp cặn dính bám trên lớp vật liệu lọc và được rửa bằng phương pháp rửa ngược. Cặn bẩn sẽ được xối tung lên và các vật liệu lọc va chạm, ma sát vào nhau sẽ tự làm sạch bề mặt của vật liệu lọc, nước rửa sẽ được dẫn ra khỏi bồn lọc bằng ống riêng biệt về lại hồ thu ban đầu trạm xử lý.

- Nước sạch sau khi xử đạt loại A, QCVN 40:2011/BTNMT.

Bảng 0-4: Thông số kỹ thuật các bể xử lý của HTXL nước thải PTN

S tt	Tên bể	Số lượng	Vật liệu	Tổng thể tích (dài x rộng x cao) m ³	Thể tích hữu ích (m ³)	Thời gian lưu nước (giờ)
1	Hồ thu gom	01	BTCT, bên trong quét sika chống thấm	3,5 x 2 x 3,2 = 22,4 m ³	14	-
2	Bể điều hòa	01	Cốt thép phủ ngoài composit	2 x 2 x 2,2 = 8,8 m ³	8,33	10
3	Bể peroxone	01	Cốt thép phủ ngoài composit	2 x 2 x 2,2 = 8,8 m ³	7,497	9
4	Bể phản ứng tạo bông	01	Cốt thép phủ ngoài composit	0,5 x 2 x 2,2 = 2,2 m ³	1,66	2
5	Bể phản ứng keo tụ	01	Cốt thép phủ ngoài composit	0,5x1x2,2 = 1,1 m ³	0,833	1
6	Bể khuấy trộn tĩnh	01	Cốt thép phủ ngoài composit	0,5x1x2,2 = 1,1 m ³	70,56	1
7	Bể lắng lamen	01	Cốt thép phủ ngoài composit	1,5 x 2 x 6,6 =6,6 m ³	5,831	7

Bảng 3-5: Thông số kỹ thuật thiết bị HTXL nước thải phòng thí nghiệm

Stt	Tên thiết bị	Tính năng thông số kỹ thuật
1	Bơm nước thải (Nhãn hiệu: DHT100 , Hãng sx: PENTAX, Xuất xứ: Italy)	
	Lưu lượng:	0,2 m3/phút
	Cột áp:	9m
	Công suất:	0,75KW
	Động cơ:	3 pha 380v/3ph/50Hz

Stt	Tên thiết bị	Tính năng thông số kỹ thuật
	Vật liệu:	Thân, cánh khuấy inox
2	Bồn bể xử lý (Nhãn hiệu: DA03, Xuất xứ: Việt Nam)	
	Kích thước:	L5000*D2200*H2500 mm, dạng đứng
	Vật liệu:	Inox 304, dày 3 mm
3	Bồn lọc áp lực (Nhãn hiệu: DA04, Xuất xứ: Việt Nam)	
	Kích thước	D700*H2200 mm
	Vật liệu	Inox 304, dày 3 mm
4	Bồn chứa hóa chất (Nhãn hiệu: N1000, Hãng sx: Đại Thành, Xuất xứ: Việt Nam)	
	Thể tích:	1m ³ , dạng đứng
	Vật liệu:	composit
5	Bơm định lượng (Nhãn hiệu: C-6250HV, Hãng sx: Bluewhite, Xuất xứ: USA)	
	Lưu lượng:	100 lít/giờ, dạng bơm màng
	Áp xuất:	0,35 kg/cm ²
	Công xuất:	45W
	Điện áp:	1 pha, 220v/50Hz
6	Bộ khuấy trộn phản ứng (Nhãn hiệu: CNVM05-6090-29, Hãng sx: Sumitomo, Xuất xứ: Japan)	
	Vận tốc vòng quay:	50-110 vòng/phút
	Công xuất:	0,45KW
	Điện áp:	3pha, 380v
	Vật liệu:	Inox 304
7	Bộ PH controller (Nhãn hiệu: HI8711, Hãng sx: Hanna, Xuất xứ: Rumani)	
	Thang đo:	0-14 pH
	Tín hiệu ra:	Hai cổng tín hiệu 4-20mA
	Điện áp:	1 pha, 220v/50Hz

Stt	Tên thiết bị	Tính năng thông số kỹ thuật
8	Máy Ozone (Nhãn hiệu: OBM 10G, Hãng sx: OBM, Xuất xứ: Việt Nam)	
	Công xuất:	0,25 KW
	Điện áp:	1 pha, 220v/50HZ
	Ozone sinh ra:	10 g/h
	Lưu lượng khí:	0,007 m3/phút
	Kích thước:	570*580*250 mm
	Vật liệu:	Inox 304
9	Máy Thổi Khí (Nhãn hiệu: MAC 30R, Hãng sx: Fujimac, Xuất xứ: Nhật Bản)	
	Công xuất:	3,2 KW
	Điện áp:	3 pha, 380V/50HZ
	Lưu lượng khí:	0,2 m3/phút
10	Đĩa Phân Phối Khí (Nhãn hiệu: AFD270-9, Hãng SX: SSI, Xuất xứ: USA)	
	Đường kính:	270 mm
	Chiều cao đĩa:	60 mm
	Lưu lượng max:	43 sm3/hr
	Vật liệu màng:	EDPM
11	Bơm bùn bể lắng (Nhãn hiệu: DXT 100/2 , Hãng sx: PENTAX, Xuất xứ: Italy)	
	Lưu lượng:	0,15 m3/phút
	Cột áp:	6,5 m
	Công suất:	0,4 KW
	Điện áp:	3 pha 380v
	Vật liệu:	Thân, cánh khuấy inox
12	Tấm lắng lamen (Nhãn hiệu: LMA-PVC54*500, Hãng xs: lamenla, Xuất xứ: Việt Nam)	
	Vật liệu chế tạo:	Nhựa PVC nguyên sinh, khử tĩnh điện, chống UV, chống lão hóa

Stt	Tên thiết bị	Tính năng thông số kỹ thuật
	Hình dạng:	Ống lắng hình vuông nghiêng góc 60 độ, đan chéo 2 hoặc 1 chiều
	Tuổi thọ:	Từ 15-20 năm
13	Bơm nước thải (Nhãn hiệu: DTM 410, Hãng xs: Pentax, Xuất xứ: Italia)	
	Lưu lượng:	20 m ³ /h
	Cột áp	6,5-24,5 m
	Động cơ:	3 pha, 3KW, 380v/50HZ
	Cấu tạo:	Trục ngang, bơm đa tầng cánh
	Vật liệu	Guồng và cánh bơm bằng gang

- Tổng công suất các thiết bị nêu trên là 8,1kw, điện năng tiêu thụ 8,1kwh.
- Một số hình ảnh khu vực xử lý nước thải phòng thí nghiệm:



Hình 0-9: Một số hình ảnh khu vực xử lý nước thải phòng thí nghiệm

- Hóa chất sử dụng cho HTXL nước thải bao gồm PAC, NaOH, Clo, khối lượng sử dụng trong các tháng 6,7,8,9,10 được trình bày ở bảng dưới đây.

Bảng 0-6: Khối lượng hóa chất sử dụng tháng 3, 4, 5, 6, 7, 8 năm 2023

Stt	Tên hóa chất	Khối lượng (kg)					
		Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8
1	Clo	21	30	26	24	20	31
2	PAC	15	5	12	8	-	-
3	NaOH	25	32	28	30	22	50

(Nguồn: Trường Đại học Việt Đức)

- Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTMT giá trị C cột A. Nước thải sau xử lý được bơm vào bể chứa 1100m³ và dùng bơm tăng áp bơm đến các tòa nhà theo đường ống nước không uống được để sử dụng xả bồn vệ sinh.

Nhà trường cũng đã bố trí nhân viên vận hành HTXL nước thải, hằng ngày nhân viên vận hành sẽ đi kiểm tra các bể xử lý và ghi nhận vào nhật ký vận hành. Các thiết bị máy móc định kỳ được kiểm tra bảo trì bảo dưỡng theo kế hoạch.

3.2 Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

3.2.1 Công trình, biện pháp xử lý bụi.

Trường hoạt động chủ yếu là phục vụ học tập và nghiên cứu khoa học nên không phát sinh bụi.

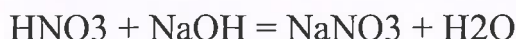
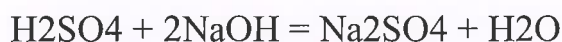
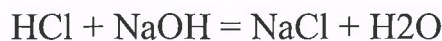
3.2.2 Công trình, biện pháp xử lý khí thải.

Tại tòa nhà Học thuật 2 tầng 4 và 5, trường có đào tạo chương trình bậc học thạc sĩ, tiến sĩ ngành nước, nên có phát sinh việc nghiên cứu tại các phòng thí nghiệm.

- **Công trình, thiết bị xử lý khí thải phòng thí nghiệm**

- Với hạng mục được lắp đặt: hệ thống tháp xử lý khí acid và tủ hút khí độc có công suất 7,000 m³/h.

- Khí thải phát sinh từ tủ hút, tủ hóa chất, các chụp hút được thu gom và dẫn đến hệ thống xử lý thông qua đường ống FRP. Đường ống được lắp đặt trên trần phòng thí nghiệm, đảm bảo mỹ quan. Khí thải được hấp thụ bởi dung dịch NaOH, với phản ứng như sau:



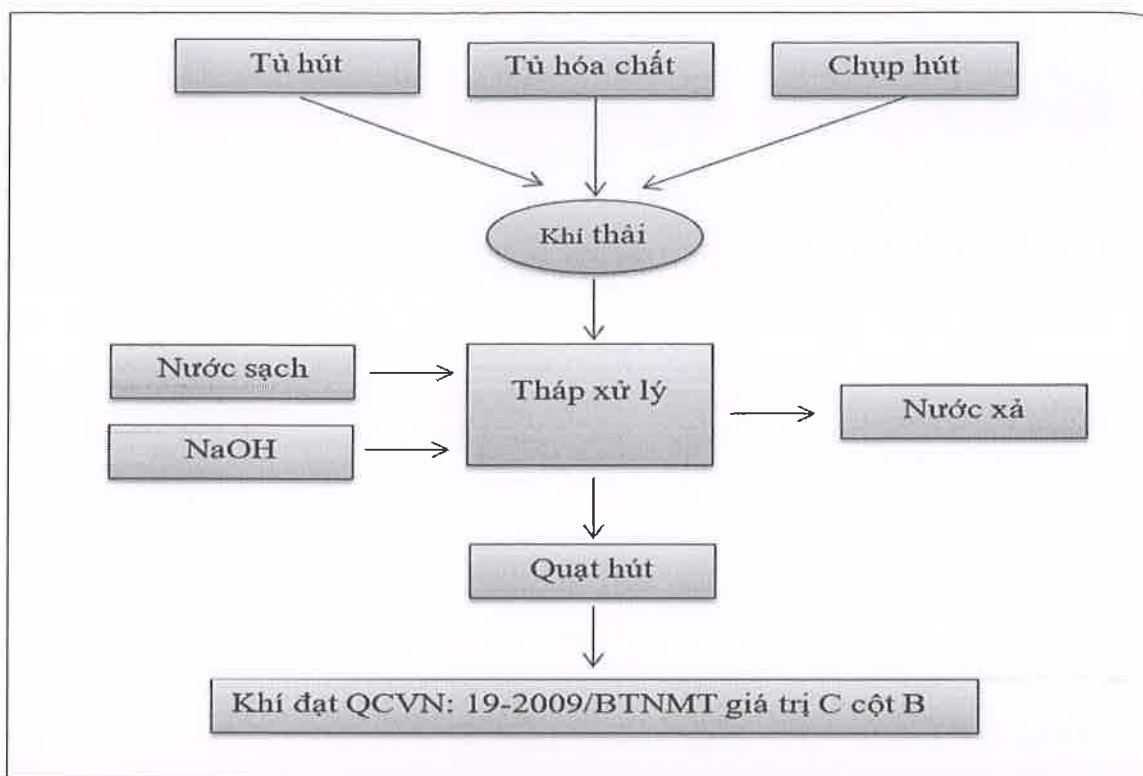
Để tăng hiệu quả xử lý, lớp vật liệu đệm được bổ sung vào tháp hấp thụ, đây là nơi xảy ra quá trình phản ứng giữa dung dịch hấp thụ và khí thải. Lớp vật liệu sẽ làm tăng diện tích tiếp xúc giữa pha khí và pha lỏng, do đó đảm bảo hiệu suất xử lý.

- Tháp xử lý tiếp xúc với chất ăn mòn là khí thải (hơi acid) và dung dịch NaOH vì thế vật liệu FRP được chọn để làm tháp. FRP là vật liệu kháng được hóa chất và chịu được UV nên thích hợp để dùng cho hệ thống xử lý clo đặt ngoài trời.

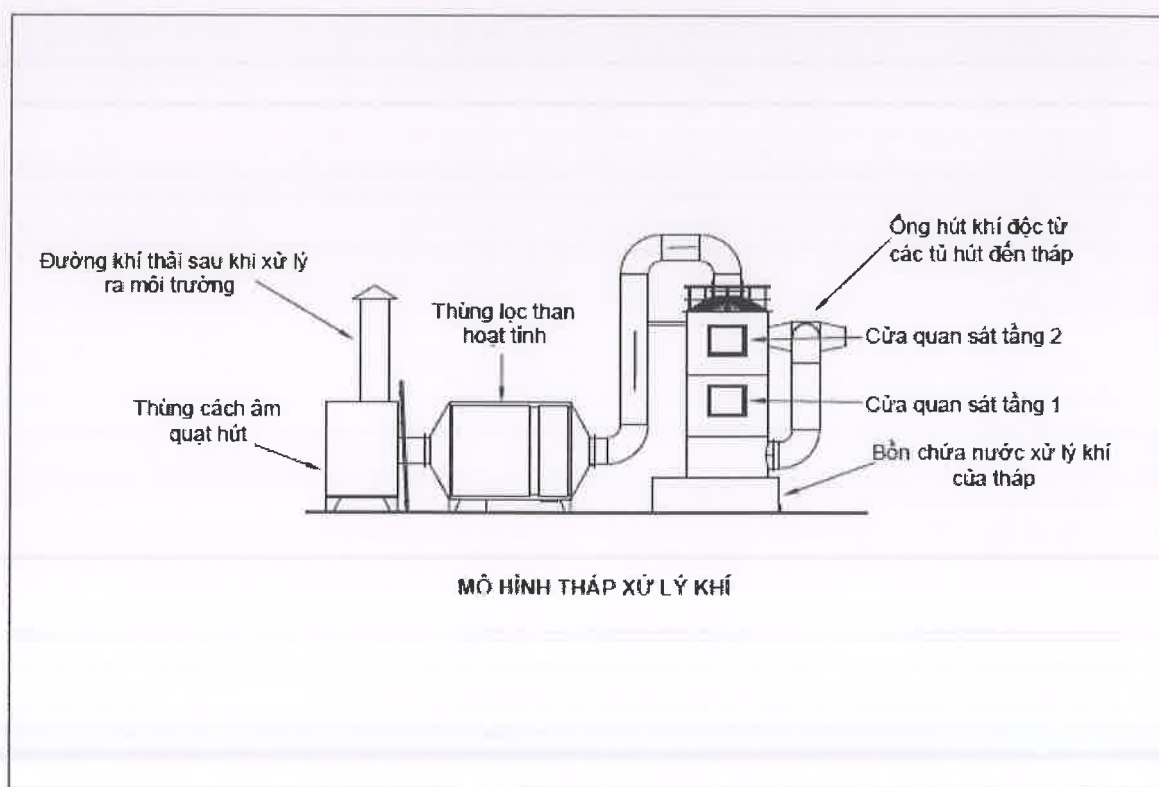
- Dung dịch hấp thụ được bơm tuần hoàn, bơm được làm từ vật liệu chống ăn mòn. Bơm dùng dung dịch từ sumptank sau đó bơm lên đỉnh tháp, thông qua các vòi phun để phân phối đều. Dung dịch tuần hoàn trở lại sumptank và tiếp tục chu kì. Bơm được bảo vệ chống cạn nhờ phao mực nước, khi nước ở mức rất thấp, bơm tuần hoàn sẽ được động dừng hoạt động.

- Nước sạch được cấp tự động vào sumptank nhờ van điện từ dựa vào phao đo mức trong bể. Van mở cấp nước vào khi phao báo mức thấp, và tự động đóng lại khi phao báo mức cao.

- Dung dịch hấp thụ trong sumptank được kiểm soát nhờ thiết bị đo pH. Khi pH của dung dịch thấp, sẽ báo để bơm định lượng hoạt động, cấp thêm NaOH vào. Khi dung dịch đạt mức bão hòa, thì van tự động xả nước bẩn để bắt đầu cấp nước sạch và hóa chất mới vào.



Hình 3-8: Sơ đồ thu gom khí tại các phòng thí nghiệm



Hình 3-9: Sơ đồ công nghệ xử lý khí thải phòng thí nghiệm

(xem chi tiết tập bản vẽ hoàn công đính kèm phục lục)

- **Quy trình vận hành hệ thống xử lý khí thải phòng thí nghiệm**

- Nguồn phát khí thải: Các hoá chất sử dụng tại các phòng thí nghiệm dễ bị bay hơi khi thực hiện các phản ứng hoá học, pha chế dung dịch, xử lý mẫu phân tích, tráng rửa dụng cụ và bảo quản, lưu giữ hoá chất.

- Thu gom khí thải: bằng việc sử dụng các loại chụp hút di động hoặc tủ hút cố định trong phòng thí nghiệm, được kết nối với quạt hút chuyên dụng chống ăn mòn do hóa chất. Khí thải từ các khu vực thao tác được hút từ các đường ống nhánh và đưa về đường ống chung, đường ống chung này được kết nối với quạt hút tổng có công suất đạt yêu cầu về lưu lượng để đưa lượng khí thải đó đến tháp hấp thụ các dung môi và tháp rửa khí có tích hợp bồn chứa trung hòa các khí thải có hơi acid hoặc bazơ.

- Mở bơm tuần hoàn cho bơm nước lên hệ thống tháp, sau đó mở quạt hút của tháp để hút khí acid, base từ bên tủ hút hóa chất vào tháp xử lý ướt. Tháp xử lý ướt được gia tăng bề mặt tiếp xúc bằng các quả cầu nhựa, tại đây sẽ xảy ra quá trình hấp thụ khí có tính acid bằng dung dịch hấp thụ có tính kiềm hoặc khí có tính kiềm bằng dung dịch hấp thụ có tính acid.

- Dung dịch rửa được chứa trong bồn nước của tháp được bơm tuần hoàn trong tháp rửa với sự hỗ trợ của vật liệu đệm (bi nhựa đường kính 100mm) nằm phía trong tháp rửa, nhằm tăng cường khả năng tiếp xúc nước và khí. Nước trong bồn của tháp rửa được bổ sung thêm dung dịch thường xuyên thông qua hệ thống bơm định lượng hóa chất. Nước thải trong bồn nước của tháp được thay đổi định kỳ và được đưa vào hệ thống xử lý nước thải. Bơm định lượng hóa chất tự động bơm khi độ pH nước trong tháp không nằm trong khoảng cài đặt trước.

- Khí sau khi được hấp thụ acid, bazơ sẽ đi qua lọc tách nước và đi vào hệ thống hấp thụ than hoạt tính. Hệ thống hấp thụ than hoạt tính được bố trí gồm nhiều tầng lọc song song tăng cao hiệu quả của quá trình hấp thụ các loại dung môi.

- Khí sau khi qua học hấp thụ là khí sạch đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường được thải ra ngoài.

- Tháp hấp phụ có chứa than hoạt tính nhằm mục đích loại bỏ dung môi hữu cơ dễ bay hơi, mùi hôi thối có trong khí thải... Trong tháp hấp phụ than hoạt tính được tính

toán và sử dụng với chủng loại, số lượng và cách bố trí phù hợp để tăng hiệu quả xử lý. Than hoạt tính được sử dụng và được thay thế định kỳ. Lượng than thải bỏ từ hệ thống được quản lý như chất thải rắn theo các quy định hiện hành. Khí sau khi được xử lý tại tháp hấp thụ tiếp tục được đưa qua tháp hấp phụ (tháp rửa khí). Tại đây diễn ra quá trình hấp thụ khí có tính axit một số hơi mùi và đặc biệt phá một số chất kháng sinh bằng độ pH cao trong dung dịch rửa khí tháp hấp phụ chưa xử lý triệt để. Tại tháp rửa khí, dung dịch rửa có tính kiềm có tác dụng khử trùng diệt khuẩn sẽ rửa triệt để khí thải đạt tiêu chuẩn thải ra môi trường theo quy định hiện hành. Dung dịch rửa được chứa trong bể chứa của tháp rửa, được bơm tuần hoàn trong tháp rửa với sự hỗ trợ của vật liệu đệm phía trong nhằm tăng cường khả năng tiếp xúc giữa pha khí và nước. Nước trong bể được bổ sung và thêm hóa chất thường xuyên thông qua hệ thống bơm châm hóa chất. Nước thải được tháo vệ sinh định kỳ và thu gom về hệ thống xử lý nước thải.

- Hệ thống được vận hành tự động, đảm bảo chất lượng khí được xử lý tối ưu và giảm chi phí nhân công vận hành.

Bảng 3-7: Thông số kỹ thuật thiết bị HTXL khí thải phòng thí nghiệm

Stt	Tên thiết bị	Tính năng thông số kỹ thuật
1	Quạt hút chịu hóa chất (Nhãn hiệu Winfan technology, model: TF – 181, xuất xứ Đài Loan)	
	Lưu lượng:	20,000 m ³ /h, 1600 pa
	Công suất:	15KW
	Động cơ:	3 pha, 380v/50Hz
	Vật liệu :	FRP nhựa cốt sợi thủy tinh
2	Scrubber (xuất xứ việt nam)	
	Hình dạng:	Dạng tháp đứng
	Vật liệu	Inox 304, dày 2mm
3	Bơm tuần hoàn chịu hóa chất (nhãn hiệu Nation pump, model USP250-12.2 205, Đài loan)	
	Công suất:	3 Hp

Stt	Tên thiết bị	Tính năng thông số kỹ thuật
	Lưu lượng :	373 l/mim
	Điện áp	380v / 50Hz
	Vật liệu:	FRP nhựa cốt sợi thủy tinh
4	Bơm định lượng Hanna (nhãn hiệu Hanna, model BL 15, xuất xứ Italia)	
	Công suất	0.02 Kw
	Lưu lượng	13,3 lít/giờ
	Điện áp	220v / 50Hz
5	Bồn chứa hóa chất (xuất xứ tại Việt Nam)	
	Hình dạng:	Bồn đứng
	Dung tích:	250 lít
	Vật liệu:	Nhựa chống hóa chất
6	Bộ lọc than hoạt tính (xuất xứ tại việt nam)	
	Vỏ thiết bị:	Inox 304, dày 2mm
	Kích thước than hoạt tính	4 x 8 Mesh (Ø4 mm)
	Khay chứa vật liệu:	Thép không gỉ
	Số lượng khay chứa:	10 khay, chứa 9kg than/khay
7	Tủ hút (xuất xứ tại Việt Nam)	
	Kích thước:	1200 x 850 x 2200 mm
	Vật liệu khung trụ:	Nhôm đúc sơn tĩnh điện, nguyên khối đồng nhất
	Vật liệu vách tủ:	Phenolic dày 13mm
	Tỷ trọng:	1,35 g/cm ³
	Độ bền kéo:	70 Mpa (N/mm ²)
	Độ bền uốn	100 Mpa (N/mm ²)
	Module đàn hồi	9000 Mpa (N/mm ²)

- Một số hình ảnh thực tế tại khu vực xử lý khí thải phòng thí nghiệm



Hình 3-10: Một số hình ảnh hệ thống xử lý khí thải phòng thí nghiệm

3.3 Công trình, biện pháp lưu giữ, thu gom và xử lý chất thải

3.3.1 Rác thải sinh hoạt

- Theo hồ sơ thiết kế được duyệt, quyết định số 1865/QĐ-UBND ngày 05/08/2014 về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết Trường Đại học Việt Đức tại phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, quyết định số 2305/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2015 về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương thì quy mô dự án không triển khai công trình lưu giữ

chất thải rắn, xử lý trong phạm vi Quy hoạch của dự án.

- Tuy nhiên để đảm bảo môi trường trong quá trình sử dụng, vận hành. Các chất thải rắn sẽ được phân loại và xử lý đối với chất thải rắn sinh hoạt như sau:

+ Trường đại học Việt Đức sẽ xử lý chất thải sinh hoạt theo hướng 3R: giảm thiểu - tái sử dụng - tái chế. Để đạt được điều này, các giải pháp xử lý sau được áp dụng:

+ Xây dựng chương trình phân loại rác thải tại nguồn: Trường đại học Việt Đức trang bị hai loại thùng đựng rác: thùng màu xanh chứa rác thải hữu cơ và thùng màu vàng chứa các chất thải còn lại. Hoặc ở một số vị trí có thể dùng thùng rác 3 ngăn để lưu trữ các chất thải có thể tái chế. Các thùng rác này được đặt tại ký túc xá, nhà ở của giảng viên, văn phòng, khu giảng đường và khu vực công cộng... Thùng rác có nắp đậy để hạn chế phát tán mùi và tránh chuột bọ. Các thùng đựng rác này có nhiều kích cỡ, kiểu dáng khác nhau phù hợp với từng nơi cụ thể:

+ Hàng ngày, nhân viên vệ sinh của Trường đại học Việt Đức sẽ tiến hành thu gom rác thải hữu cơ và rác thải khác về bãi tập kết rác thải tập trung. Có thể sử dụng các thùng rác dung tích từ 140l-240 lít, có bánh xe và nắp đậy để gom rác từ các thùng rác nhỏ, và dễ dàng để viên vệ sinh kéo các thùng rác này về vị trí tập kết rác của trường.

+ Trường đại học Việt Đức sẽ ký hợp đồng với xí nghiệp công trình đô thị thị xã Bến Cát đến thu gom, vận chuyển đi trong ngày và xử lý các loại rác này theo đúng quy định tại bãi rác chung xã Chánh Phú Hoà, thị xã Bến Cát.

+ Rác thải sinh hoạt tại Trường được lưu trữ và thu gom xử lý bởi đơn vị có chức năng. Trường đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần nước – môi trường Bình Dương từ ngày 01 tháng 3 năm 2022 đến nay theo hợp đồng số 193 - RSH/HĐ-KT/22 và hợp đồng số 477 - RSII/HĐ-KT/23 (*chi tiết hợp đồng xem đính kèm phụ lục*)



Hình 3-11: Một số hình ảnh các loại thùng chứa rác tại trường

3.3.2 Chất thải nguy hại.

- Do Trường mới đi vào hoạt động tại cơ sở mới từ tháng 11 năm 2023 vì thế chưa phát sinh chất thải nguy hại.
- Các chất thải nguy hại tại Trường được lưu trữ và thu gom xử lý bởi đơn vị có chức năng. Trường đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần nước – môi trường Bình Dương từ ngày 19 tháng 4 năm 2023 đến nay theo số hợp đồng 601 - RNH/HĐ-KT/23 (chi tiết hợp đồng xem đính kèm phụ lục)

- Chất thải rắn nguy hại phải được thu gom và chứa trong các thùng tách biệt với chất thải không nguy hại, các thùng phải được sơn dấu hiệu báo nguy hiểm;
- Hoá chất thải từ phòng thí nghiệm phải được lưu giữ theo đúng quy định về an toàn hoá chất và sinh học. Các quy định này phải phổ biến cho người làm việc trong phòng thí nghiệm;



Hình 3-12: Một số hình ảnh phòng lưu chứa, thu gom rác thải nguy hại

- Đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại với Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;
- Công ty cấp thoát nước môi trường Bình Dương là đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại theo đúng các quy định hiện hành. Đơn vị này phải có giấy phép thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại do cơ quan có thẩm quyền cấp phép.
- Trường đại học Việt Đức cam kết việc quản lý chất thải rắn theo Nghị định 59/2007/NĐ-CP ban hành ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, và các nghị định đã được bổ sung; thay thế tại thời điểm hiện hành.
- Một số hình ảnh thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt hàng ngày của đơn vị công ty xử lý chất thải và môi trường Bình Dương.



Hình 3-13: Một số hình ảnh thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt hàng ngày

3.4 Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Phương tiện giao thông ra vào trường: chủ yếu là hoạt động của xe tải giao thức ăn cho căn tin, xe lấy rác thải sinh hoạt hàng ngày với tần xuất 01 lần/ ngày, một vài xe máy của phòng kỹ thuật được đăng ký dùng làm phương tiện di chuyển đến các tòa nhà để bảo trì bảo dưỡng thiết bị phục vụ học tập. Ngoài ra, Trường cũng có quy định giới hạn tốc độ di chuyển xe với vận tốc dưới 5 km/h, cấm còi, và hạn chế số lượng các loại xe ra vào lưu thông trong khuôn viên trường cả ban ngày và đêm, vì vậy tiếng ồn xe cơ giới ảnh hưởng không đáng kể.

3.5 Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải.
 - Để đảm bảo hệ thống xử lý nước thải tại trạm được xử lý liên tục và tuần hoàn, không bị gián đoạn, không bị tràn ra ngoài môi trường...Dự án đã triển khai lắp đặt hệ thống máy phát điện dự phòng để kết nối liên tục 24/7 với hệ thống xử lý nước tại trạm phòng ngừa khi mất điện lưới.
 - + Phòng ngừa sự cố mất điện: Hệ thống được sử dụng nguồn điện ưu tiên từ máy phát điện dự phòng của dự án.
 - + Phòng ngừa sự cố thiết bị bơm nước bị hỏng: Hệ thống bơm nước thải, bơm nước không uống được đều có các thiết bị chạy luân phiên đảm bảo thay thế sửa chữa không ảnh hưởng đến vận hành liên tục của trạm xử lý nước thải.
 - Hệ thống được sử dụng nguồn điện ưu tiên từ máy phát điện dự phòng của dự án. Để đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục xử lý kịp thời, nguồn nước thải liên tục và được xử lý bơm tuần hoàn qua hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn; bơm nước thải đã qua xử lý về bể nước không uống được để tái sử dụng cho dự án theo đúng hồ sơ thiết kế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bảng 0-8: Nguyên nhân, phương án phòng ngừa ứng phó sự cố về HTXL nước thải

Stt	Dự báo sự cố xảy ra	Nguyên nhân xảy ra sự cố	Phương pháp phòng ngừa
1	Nước thải không đạt chuẩn được xả ra môi trường	- Không có nhân viên trực vận hành để theo dõi và điều chỉnh hệ thống - Nhân viên không được đào tạo, không có chuyên môn thực hiện - Không thực hiện bảo trì thay thế các thiết bị bị hỏng	- Nhân viên vận hành xử lý nước thải được tập huấn về chương trình vận hành và bảo dưỡng của hệ thống. - Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho nhà máy xử lý nước thải.

Stt	Dự báo sự cố xảy ra	Nguyên nhân xảy ra sự cố	Phương pháp phòng ngừa
			- Lập nhật ký vận hành để lưu trữ các thông tin về quá trình hoạt động của hệ thống làm cơ sở để theo dõi và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống, phòng ngừa những sự cố có thể xảy ra. - Hàng ngày kiểm tra lưu lượng nước thải, tính chất nước thải đầu nổi và nước thải đầu vào và đầu ra hệ thống xử lý nước thải, lượng hóa chất sử dụng, pH của nước thải đầu vào.
2	Rò rỉ, tràn nước thải	- Tắc đường ống dẫn tại các bể xử lý. - Vỡ, nứt đường ống thu gom và dẫn nước thải. - Không thường xuyên bảo trì bảo dưỡng, kiểm tra hệ thống. - Lưu lượng nước thải tăng đột ngột.	- Thường xuyên kiểm tra, vệ sinh hệ thống đường ống và hố thu gom. - Kiểm tra hệ thống xử lý và các van báo mực nước để khi lượng nước tăng lên đột ngột sẽ có báo động về tủ điều khiển.
3	Hỏng thiết bị ở HTXL nước thải	- Không thường xuyên bảo trì bảo dưỡng, kiểm tra hệ thống.	- Theo hồ sơ hoàn công, số lượng máy móc thiết bị đều được dự phòng trong từng hạng mục xử lý, trường hợp

Stt	Dự báo sự cố xảy ra	Nguyên nhân xảy ra sự cố	Phương pháp phòng ngừa
		- Thiết bị cũ nên dễ bị hỏng hóc.	máy móc thiết bị chính bị hỏng sẽ sử dụng ngay thiết bị dự phòng; - Dự trữ sẵn các thiết bị dự phòng và phụ tùng thay thế nhằm sửa chữa, thay thế nhanh khi có sự cố; - Định kỳ, bảo dưỡng máy móc thiết bị theo đúng hướng dẫn vận hành thiết bị và thay thế khi cần thiết. - Tìm hiểu và thuê những đơn vị dịch vụ chuyên về sửa chữa thiết bị quan trọng của Hệ thống XLNTTT để khắc phục kịp thời.
4	Sự cố do 1 hoặc tất cả các giai đoạn của hệ thống XLNT bị hỏng và phải tạm ngưng hoạt động	- Hư hỏng thiết bị phải sửa chữa trong thời gian dài. - Bể xử lý không đạt hiệu quả.	- Sử dụng các vật liệu có độ bền cao và chống ăn mòn, phù hợp với môi trường khắc nghiệt trong xử lý nước thải. - Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các bể xử lý, trường hợp bất thường phải khắc phục kịp thời.

Stt	Dự báo sự cố xảy ra	Nguyên nhân xảy ra sự cố	Phương pháp phòng ngừa
			- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị và thay thế khi cần thiết, tránh hiện tượng máy móc thiết bị hư hỏng nặng dẫn đến ngưng hoạt động hệ thống xử lý. - Để kiểm soát sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, tuân thủ các yêu cầu thiết kế, nhân viên vận hành được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống xử lý. Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành, thực hiện tốt việc quan trắc hệ thống xử lý.
5	Tràn đổ, rò rỉ hóa chất, dầu nhớt là chất thải trên đường vận chuyển.	- Bất cẩn trong quá trình vận chuyển (có thể do rung lắc, va chạm với các vật khác dẫn tới thùng chứa bị móp méo, bật nắp...) làm tràn đổ, rò rỉ ra bên ngoài. - Sử dụng các thùng chứa bị thủng hoặc hư hỏng.	- Vận hành tuân thủ theo huấn luyện, kiểm tra thiết bị vận chuyển lưu chứa hóa chất. - Trong quá trình pha hóa chất phải cẩn thận và tuân thủ hướng dẫn của nhà cung cấp.

Stt	Dự báo sự cố xảy ra	Nguyên nhân xảy ra sự cố	Phương pháp phòng ngừa
		- Không sử dụng thiết bị di chuyển chất thải chuyên dụng	

- Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với bụi, khí thải: không có
- Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với tràn dầu: không có
- Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:
 - Với sự đầu tư về hệ thống hiện đại cũng như trang thiết bị đầy đủ, Trường được cục cảnh sát PCCC và CNCH phê duyệt và thẩm định số 1626/NT-PCCC&CNCH-P4 theo qui định của pháp luật (*xem chi tiết phê duyệt và thẩm định đính kèm phụ lục*).

Bảng 3-9: Danh mục các dụng cụ ứng cứu PCCC

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Bình chữa cháy CO2	Bình	82
2	Đầu báo khói địa chỉ	Cái	3256
3	Đầu báo nhiệt địa chỉ	Cái	105
4	Đầu báo nhiệt thường	Cái	347
5	Đầu báo khói thường	Cái	9
6	Đầu báo khói FM200	Cái	55
7	Đầu báo nhiệt FM200	Cái	55
8	Đầu báo khói tia chiếu BEAM	Cái	9
9	Hộp đựng phương tiện chữa cháy (tủ đựng lăng phun cuộn vòi)	Cái	280
10	Nội quy, tiêu lệnh	Bộ	300

11	Hạng nước vách tường DN50	Cái	280
12	Hạng nước vách tường DN65	Cái	198
13	Trụ tiếp nước xe chữa cháy: vách tường	Cái	14
14	Trụ tiếp nước xe chữa cháy: đầu phun	Cái	14
15	Trụ chữa cháy ngoài trời	Cái	21
16	Vòi chữa cháy	Cái	560
17	Máy bơm nước	Cái	3
18	Biển chỉ dẫn thoát nạn	Bình	876

- Đề phòng ngừa khả năng cháy nổ các thiết bị điện, Trường đã ban hành và thực hiện nghiêm ngặt các qui định về phòng chống cháy nổ, được sự tham mưu và hỗ trợ của phòng cảnh sát PCCC và CNCH thị xã Bến Cát tập huấn cho toàn bộ công nhân viên, sinh viên tại trường.

- Với phương châm “ phòng hơn chống” cán bộ công nhân viên, sinh viên nhà Trường được phổ biến nội quy, tuyên truyền giáo dục, kiểm tra đôn đốc, nhắc nhở, naang cao cảnh giác, tích cực ngăn ngừa và thực hiện tốt pháp lệnh PCCC. Trường đã thực hiện các phương án như sau:

+ Đường nội bộ trong trường luôn thông suốt cho phương tiện chữa cháy thao tác, đảm bảo cho các tia nước từ vòi rồng xe cứu hỏa có thể khống chế được bắt lửa phát sinh ở bất kỳ vị trí nào trong trường.

+ Đầy đủ các các dụng cụ thiết bị phòng cháy chữa cháy tại chỗ, luôn sẵn sàng, áp nước từ trạm bơm PCCC luôn duy trì ổn định.

+ Nhân viên PCCC luôn túc trực tại trường.

+ Cấm hút thuốc lá, bật lửa,... trong khu vực dễ cháy nổ.

+ Cấm không được câu móc, sử dụng điện tùy ý. Hết giờ làm việc có cán bộ kiểm tra các tòa nhà các thiết bị điện đã được tắt hay không.

+Trường đã ban hành nội qui về sử dụng điện, quyết định về phân công nhiệm vụ các thành viên PCCC.

+ Hệ thống dẫn điện, chiếu sáng được thiết kế riêng biệt, tách khỏi các công

trình khác nhằm dễ dàng trong sửa chữa, chống chập mạch dẫn đến cháy nổ theo phản ứng dây chuyền. Các motor điện đều có hộp che bảo vệ, đảm bảo không cho nước bắn vào.

+Tổ chức định kỳ hàng năm tập huấn về PCCC cho toàn bộ công nhân viên và sinh viên với sự kết hợp cộng tác chặt chẽ của phòng cảnh sát PCCC & CNCH thị xã Bến Cát.



Hình 3-14: Một số hình ảnh tuyên truyền, diễn tập đội PCCC & CNCH cơ sở

3.6 Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

Không có.

3.7 Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Không có

3.8 Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp (khi đề nghị cấp lại giấy phép môi trường quy định tại điểm c khoản 4 Điều 30 Nghị định này)

Không có (Dự án đang xin cấp giấy phép môi trường lần đầu).

3.9 Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học:

- Trọng tâm của thiết kế khuôn viên Trường Đại học Việt Đức là phục hồi lại hệ thực vật nguyên thủy tại vùng đất trước khi có các hoạt động nông nghiệp khác, tái hiện lại các loài cây bản địa sinh trưởng trong điều kiện khí hậu nhiệt đới. Việc tái tạo rừng mang lại các lợi ích sau:

- + Tái tạo hệ sinh thái bản địa và sự kết nối cân bằng trong hệ sinh thái.
- + Gia tăng tính đa dạng của hệ động, thực vật.
- + Tạo lớp lọc không khí khỏi khói bụi và tiếng ồn
- + Tạo bóng mát và giảm nhiệt trong toàn bộ khuôn viên Trường.
- + Điều tiết nước mưa lớn nhằm chống xói mòn.
- + Nâng cao tính chất vật lý và sinh học của đất
- + Tạo một môi trường thiên nhiên thân thiện, và trở thành một phần giảng dạy của Trường học.

- + Tạo những con đường, những khu dạo mát nghỉ ngơi trong khuôn viên
- + Khu rừng tái tạo có thể cung cấp các sản phẩm như củi đốt, gỗ, cành cây trong xây dựng trong quá trình chăm sóc và gìn giữ rừng.

- Ngoài ra, nhà Trường được Tổng công ty đầu tư và phát triển Becamex hỗ trợ với số lượng hơn 1000 cây sao đen để trồng và phủ tán hết tất cả diện tích chưa được xây dựng, nhằm tạo môi trường không khí trong lành trong khuôn viên trường.

- Một số hình ảnh lúc xây dựng và sau khi tái tạo lại môi trường cảnh quan toàn trường:



Trước xây dựng



Sau tái tạo



Hình 3-15: Một số hình ảnh cây xanh trồng tại Trường

CHƯƠNG 4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1 Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

4.1.1 Nguồn phát sinh, tiếp nhận, vị trí xả nước thải:

- Nguồn phát sinh nước thải chủ yếu từ sinh hoạt hàng ngày của sinh viên và giảng viên.

- Nguồn tiếp nhận nước thải là Kênh K1, phường Thới Hoà, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Tọa độ vị trí xả nước thải sau xử lý ra kênh K1: X 594402.20; Y 1228688.42.

4.1.2 Lưu lượng xả nước thải lớn nhất.

Bảng 4-1: Bảng lưu lượng nước thải thực tế quá trình sử dụng

Stt	Thời gian	Lưu lượng nước uống được dùng sinh hoạt (m ³ /tháng)				Nước thải về trạm XL (m ³ /tháng)	Lưu lượng nước thải sau xử lý (m ³ /tháng)			
		Tổng	Cấp sinh hoạt	Cấp bù Tưới cây, rửa đường	Cấp bù hệ thống WC		Tổng nước thải sau xử lý	Cấp cho hệ thống tưới cây	Cấp cho hệ thống WC	Nước xả ra môi trường (ra kênh K1)
		$a=b+c+d$	b	c	d	$e=b+d+i$	$g=h+i+k$	h	i	k
1	01/2023	6,341	3,742	2,599	0	5,295	0	4,462	1,553	2,909
2	02/2023	7,938	5,170	2,768	0	6,756	0	5,681	1,586	4,095
3	03/2023	8,868	5,925	2,943	0	7,691	0	6,842	1,766	5,076
4	04/2023	9,368	6,452	2,916	0	8,140	0	6,988	1,688	5,300
5	05/2023	8,415	6,670	1,745	0	8,416	0	7,061	1,746	5,315
6	06/2023	8,482	6,436	2,046	0	8,278	0	6,670	1,842	4,828
7	07/2023	7,503	5,117	2,386	0	6,904	0	6,644	1,787	4,857
8	08/2023	6,170	3,723	2,447	0	5,479	0	6,644	1,756	4,888

Lưu lượng xả thải lớn nhất $176,66,33 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (lưu lượng nước về trạm xử lý nước thải lớn nhất $280,53 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ hay $11,68 \text{ m}^3/\text{giờ}$)

4.1.3 Chế độ, phương thức, chất lượng nước xả thải.

- Nước sạch cấp cho dự án được dùng cho 2 hệ thống đường ống: Đường ống uống được cấp cho các công trình phục vụ mục đích sinh hoạt hàng ngày, tắm giặt, rửa sáy; Cấp bù cho hệ thống đường ống không uống được (khi nước thải sau xử lý không đủ cung cấp cho rửa đường và nước xả WC các toà nhà)

+ Nước thải về trạm xử lý: Lưu lượng nước sinh hoạt hàng ngày thu về bể phốt chảy theo đường ống thu gom nước thải về trạm xử lý nước thải (Nước thải sinh hoạt, rửa ráy, tắm giặt, wc)

+ Nước xả ra kênh: Lưu lượng nước thải sau xử lý được chảy vào bể chứa tích nước không uống được, hệ thống bơm nước từ bể này cấp cho hệ thống tái sử dụng, cấp ngược cho các toà nhà dùng cho xả nước thiết bị vệ sinh, khi bể đầy sẽ tự chảy tràn vào đường ống thoát DN160 chảy ra hố ga và ra kênh K1. Lưu lượng nước này thuộc loại gián đoạn, không ổn định.

- Nước sau xử lý được bơm vào bể chứa không uống được, nước tại bể này được bơm cấp cho các toà nhà dùng cho hệ thống vệ sinh và bơm nước tưới cây, trường hợp khi bể không dùng hết và bể đầy nước, nước sẽ chảy tràn qua miệng thu và tự chảy theo đường ống DN160 tới hố ga thu trước vị trí xả nước xả thải và chảy qua đường ống vào kênh K1.

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận đạt Giá trị C, cột A theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/ BTNMT, cụ thể như sau:

Bảng 0-2: Giới hạn các chất ô nhiễm có trong nước thải sau xử lý

ST T	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng nước thải	m ³ /h			x
2	pH	-	5 – 9		x
3	BOD ₅	mg/l	30		
4	COD	mg/l	75		x
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		x
6	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
7	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1		
8	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		x
9	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30		
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
11	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
12	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6		
13	Tổng Coliforms	MPN/100m l	3.000		

4.2 Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.

4.2.1 Nguồn phát sinh dòng khí và vị trí xả khí thải

- Nguồn phát sinh khí thải: Phòng thí nghiệm tòa nhà học thuật 2
- Vị trí xả khí thải có tọa độ hống xả khí thải là: X=594321.620,Y=1228557.549

4.2.2. Phương thức, chất lượng xả khí thải.

- Phương thức xả khí thải: không liên tục, đối với hơi khí phát sinh từ hoá chất trong thực hành các thí nghiệm, Trường đã thiết kế và trang bị các tủ hút chuyên

dụng, lắp đặt hệ thống xử lý, gắn các ống thoát để đưa khí thải từ các tủ hút ra bên ngoài và đưa lên trên cao về hệ thống xử lý trung tâm, để đảm bảo sức khỏe của người làm việc trong phòng thí nghiệm. Lượng khí thải phát sinh từ phòng thí nghiệm nhỏ, và không thường xuyên. Vị trí đảm bảo tránh ảnh hưởng tới việc lấy gió tươi vào trong phòng.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, Các chất ô nhiễm có trong khí thải sau xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT ($k_v = 0,8$; $k_p = 1,0$), cột B. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm được trình bày ở bảng dưới đây:

Bảng 0-3: Giới hạn các chất ô nhiễm có trong khí thải sau xử lý

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị tới hạn	Quy chuẩn môi trường	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi	mg/Nm ³	200	QCVN 19:2009/BTNMT cột B, $K_v = 0,8$, $K_p = 1,0$	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
2	Axit clohydric, HCL	mg/Nm ³	50		
3	Hơi H ₂ SO ₄ hoặc SO ₃ , tính theo SO ₃	mg/Nm ³	50		
4	Hơi HNO ₃ (các nguồn khác), tính theo NO ₂	mg/Nm ³	500		

Khí sau khi ra khỏi thiết bị hấp phụ đạt tiêu chuẩn theo QCVN 19:2009/BTNMT sẽ được thải thẳng vào môi trường.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải:

4.3.1 Chất thải sinh hoạt:

- Với thiết kế theo tiêu chuẩn châu Âu và hiện đại bậc nhất Đông Nam Á, các tòa nhà học thuật phục vụ cho việc giảng dạy và học tập của sinh viên, giảng viên được tách rời độc lập, lối đi bộ, đường xá có thể phục vụ chức năng các loại xe tải

lớn đi đến từng tòa nhà. Vì vậy, Trường đã ký hợp đồng xử lý rác thải sinh hoạt hàng ngày với đơn vị Công ty Môi trường Bình Dương, thu gom tất cả các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 7, vào các buổi sáng rác thải được thu gom chuyển xuống dưới khu vực từng Tòa, trước khi xe lấy rác của đơn vị có chức năng vào vận chuyển đi xử lý theo quy định

- Theo như hợp đồng số 477-RSH/HĐ – KT/23 vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt mới nhất, được ký kết giữa Trường Đại học Việt Đức và Công ty môi trường Bình Dương thỏa thuận, hai bên thống nhất khoảng khối lượng vận chuyển và xử lý là 5.000 kg/tháng.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên, sinh viên tại Trường, bao gồm: rác hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...), rác thải vô cơ (túi nilon, vỏ lon,...), khối lượng khoảng 60.000 kg/năm, tương đương khoảng 164,38 kg/ngày.

- Thiết bị lưu chứa: nhà Trường đã trang bị 15 thùng chứa rác sinh hoạt HPDE với dung tích 240 lít xung quanh các tòa nhà, khu vực căn tin, 02 ký túc xá, nhà khách và biệt thự bố trí 6 thùng rác bằng nhựa HDPE dung tích 660 lít. Ngoài ra còn bố trí 27 thùng chứa rác 3 ngăn có nhãn phân loại đặt tại các hành lang từng tòa nhà bằng sắt mạ kẽm với dung tích 120 lít.

4.3.2 Chất thải nguy hại:

- Trường được thiết kế với từng tòa có phòng riêng biệt để chứa các chất thải nguy hại được trang bị hệ thống hút thông gió và điều hòa từ hệ thống trung tâm. Ngoài ra, nhằm đảm bảo an toàn cũng như phòng chống tác hại của việc lưu chứa chất thải nguy hại, Trường đã ký kết hợp đồng 601 - RNII/IID – KT/23 với Công Ty môi trường Bình Dương về việc vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại nếu có phát sinh theo quy định.

- Diện tích phòng lưu chứa chất thải mỗi tòa là: 15,225 m².

- Rác thải nguy hại bao gồm:

- + Hoá chất đã phản ứng phát sinh từ các phòng thí nghiệm

- + Dầu mỡ, chất bôi trơn, môi chất lạnh thải và dẻ lau dính dầu mỡ từ hoạt động bảo dưỡng, bảo trì máy móc

+ Các thiết bị điện và điện tử hư hỏng như bóng đèn, máy tính và cách mạch điện

+ Pin và ắc quy thải

+ Bình xịt côn trùng

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải

+ Bóng đèn điện hỏng

- Theo như báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tháng 7 năm 2015 thì ước tính lượng chất thải nguy hại như sau:

Bảng 0-4: Khối lượng chất thải nguy hại đề nghị cấp phép ước tính

Stt	Các loại chất	Kg/tháng
1	Chất thải phát sinh từ phòng thí nghiệm	100
2	Chất thải y tế nguy hại	50
3	Dầu mỡ, chất bôi trơn, môi chất lạnh thải	5
4	Dẻ lau dính dầu mỡ	10
5	Rác thải điện tử, điện	50
6	Pin và ắc quy thải	20
7	Bình xịt côn trùng, chai lọ đựng hóa chất	50
8	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước	250
9	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	5

Bảng 0-1: Chất thải nguy hại đăng ký với đơn vị vận chuyển và xử lý

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải nguy hại	Phương pháp xử lý
1	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	Phá dỡ - Tẩy rửa
2	Dầu nhớt tổng hợp	Lỏng	17 02 04	Thiêu đốt
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	Hóa rắn/Chôn
4	Giẻ lau, bao tay dính thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	Thiêu đốt

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải nguy hại	Phương pháp xử lý
5	Bao bì kim loại dính thành phần nguy hại	Rắn	18 01 02	Thiêu đốt/ Tẩy rửa
6	Bao bì nhựa dính thành phần nguy hại	Rắn	18 01 03	Thiêu đốt/ Tẩy rửa
7	Thiết bị điện tử thải	Rắn	19 02 05	Phá dỡ - Thiêu đốt
8	Hóa chất vô cơ và hữu cơ	Rắn/Lỏng	19 05 02	Thiêu đốt

- Hiện tại Trường mới đi vào hoạt động từ tháng 11 năm 2022, nên chưa có phát sinh lượng chất thải nguy hại cho đơn vị thu gom vận chuyển và xử lý.

CHƯƠNG 5. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1 Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.

- Ban quản lý dự án xây dựng Trường Đại học Việt Đức khi đưa vào vận hành hệ thống trạm xử lý nước thải sinh hoạt đã lấy mẫu sau xử lý để so sánh với QCVN 14: 2008/BTNMT giá trị C, cột A .

+ Thời điểm lấy mẫu nước thải ngày: 26/11/2020

+ Kết quả quan trắc được trình bày ở bảng dưới đây:

Bảng 5-1: Kết quả quan trắc nước thải tháng 11 năm 2020

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn phát hiện	Phương pháp thử/ thiết bị đo	Kết quả	U (k=2, P=95%)	QCVN 14:2008/ BTNMT (A)
					DV1120 -99653		
1	Hàm lượng S2-	mg/L	0,002	HACH 8131 -1998	0,007	-	1
2	Hàm lượng Nitrate	mg/L	0,06	TCVN 7323-2-2004	0.2	± 0,007	30
3	Xác định chất hoạt động bề mặt	mg/L	0,05	SMEWW 5540-C-2012	<0,05 ^(**)	± 0,001	5
4	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	5	TCVN 6625-2000	6	± 0,516	50
5	Coliform	MPN /100 mL	3	TCVN 6187-2-1996	1.500	-	3.000
6	Hàm lượng NH4+	mg/L	0,14	TCVN 5988:1995	0,28	± 0,004	5
7	Hàm lượng	mg/L	0,3	SMEWW	< 0,3 ^(**)	± 0,008	10

	dầu, mỡ động thực vật			5520B&F-2017			
8	Hàm lượng Tổng chất hoà tan (TDS)	mg/L	0	HD-TN-AD33	130	-	500
9	Xác định pH	-	2-12	TCVN 6492-2011	6,8	-	5-9
10	Nhu cầu oxy sinh hoá sau 5 ngày (BOD5)	mgO 2/L	1	TCVN 6001-1-2008	6	$\pm 0,108$	30
11	Hàm lượng phosphate (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	Mg/L	0,01	SMEWW-4500 P(E)-2017	0,17	$\pm 0,006$	6

(Nguồn: Trung tâm quan trắc kỹ thuật tài nguyên Môi trường Bình Dương)

Ghi chú:

- ✓ QCVN 14:2008/BTNMT (A): K=1;
- ✓ Vị trí lấy mẫu: DV1120-99653 Sau HTXL nước thải
- ✓ (*): phép thử được công nhận theo IOS/IEC 17025
- ✓ (**): kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử

- Sau khi hệ thống trạm xử lý nước thải được vận hành thì do đại dịch Covid 19 bùng phát, Trường được Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Dương trưng dụng làm Bệnh viện dã chiến, đến tháng 09 năm 2022 sau khi được sửa chữa và bàn giao lại. Về phía nhà Trường có gửi công văn số 243/ĐHVĐ ngày 1/11/2022 thông báo xả thải tại trạm xử lý nước thải của Đại học Việt Đức.

+ Thời điểm lấy mẫu nước thải ngày: 11/9/2023

+ Kết quả quan trắc các tháng được trình bày ở bảng dưới đây:

Bảng 5-2: Kết quả quan trắc nước thải tháng 9 năm 2023

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn phát hiện	Phương pháp thử/ thiết bị đo	Kết quả	QCVN 14:2008/ BTNMT (A)	QCVN 14-MT:2015 /BTNMT, giá trị C cột A
					DV0923 -07692		
1	Xác định pH	-	0-14	TCVN 6492:2011	6,5	5-9	5 - 9
2	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	5	TCVN 6625:2000	< 10 ^(***)	50	75
3	Nhu cầu COD hóa học	mgO ₂ /L	10	TCVN 6491:1999	< 5 ^(***)	--	50
4	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	0,14	TCVN 5988:1995	< 0,14 ^(***)	5	20

(Nguồn: Trung tâm quan trắc kỹ thuật tài nguyên Môi trường Bình Dương)

Ghi chú

- ✓ QCVN 14:2008/BTNMT (A): K=1;
- ✓ Vị trí lấy mẫu: DV0923-07692 Sau HTXL nước thải lúc 10 giờ 30 phút
- ✓ (*): phép thử được công nhận theo IOS/IEC 17025
- ✓ (**): phép thử được công nhận theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP
- ✓ (***) : kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử

- **Nhận xét:** Kết quả quan trắc nước thải gần nhất tháng 9 năm 2023 đều đạt QCVN 14:2008/BTNMT, QCVN 14-MT:2015/BTNMT, các giá trị, chỉ số chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu, thấp hơn nhiều so với tiêu chuẩn tại giá trị C cột A.

5.2 Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.

- Khí thải từ tủ hút các phòng thí nghiệm của tòa nhà Học thuật 2, được hút về hệ thống xử lý trung tâm đặt tại tầng mái Tòa.

- Sau khi hệ thống được lắp đặt và đưa vào vận hành sử dụng được lấy mẫu để so sánh với QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.

+ Thời gian lấy mẫu khí thải ngày: 2/11/2020

+ Kết quả quan trắc được trình bày ở bảng dưới đây:

Bảng 5-3: Kết quả quan trắc khí thải tháng 11 năm 2020

STT	Thông số	ĐVT	Phương pháp lấy mẫu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B
2	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5	US EPA Method 5(**)	1,05	200
3	Axit clohydric, HCL	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	US EPA Method 26A(**)	12,6	50
4	Hơi H ₂ SO ₄ hoặc SO ₃ , tính theo SO ₃	mg/Nm ³	US EPA Method 08	US EPA Method 08(**)	15,8	50
5	Hơi HNO ₃ (các nguồn khác), tính theo NO ₂	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	US EPA Method 26A(**)	18,7	500

(Nguồn: Công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh)

Ghi chú:

✓ (*): phương pháp được Bộ Tài Nguyên và Môi trường công nhận

✓ (**): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Ngoài ra, Trường cũng tiến hành đo đạc chất lượng khí thải một số khu vực tại khuôn viên trường như sau:

+ Thời gian lấy mẫu khí thải đo đạc ngày: 29/9/2023

+ Kết quả quan trắc được trình bày ở bảng dưới đây:

Bảng 5-4: Kết quả quan trắc khí thải một số khu vực tháng 9 năm 2023

STT	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả đo tháng 9 năm 2023			QCV N 19:2009/ BTNMT Cột B
			Nhà hành chính	Nhà học thuật 2	Khu ký túc xá/căn tin	
1	Nhiệt độ	°C	27,5	27,5	28	-
2	Bụi	mg/Nm ³	--	--	--	200
3	NO _x	mg/Nm ³	0,025	0,016	0,019	850
4	SO ₂	mg/Nm ³	0	0	0	500
5	CO	mg/Nm ³	0	0	0	1.000

(Nguồn: Kết quả đo Trường Đại học Việt Đức, 9/2023)

- **Nhận xét:** Kết quả quan trắc hệ thống xử lý khí thải trung tâm tòa nhà Học thuật 2 và một số khu vực tại khuôn viên Trường đều nằm trong giới hạn QCVN 19:2009/BTNMT, các giá trị, chỉ số chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu, thấp hơn nhiều so với tiêu chuẩn tại giá trị C cột B.

- Hiện tại số lượng sinh viên học tập nghiên cứu tại các phòng thí nghiệm chưa nhiều, nên lượng khí thải sinh ra từ hệ thống rất nhỏ và không đáng kể.

CHƯƠNG 6. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1 Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

- Sau khi công trình bảo vệ môi trường hoàn thành 11/2020, do dự án chưa có người ở nên không phát sinh nước thải sinh hoạt, để thử nghiệm hệ thống trạm xử lý nước thải đơn vị nhà thầu đã vận chuyển nước thải ngoài dự án bơm vào hệ thống Trạm xử lý nước thải để vận hành thử nghiệm.

- Khi sinh viên, giảng viên đến học tập tại khuôn viên trường tháng 11/2022, số lượng sinh viên và giảng viên khoảng 2500 sv, lượng nước sinh hoạt tiêu thụ khoảng 285-300m³/ngày đêm, lượng nước thải sau xử lý của dự án luôn nhỏ hơn nhu cầu cấp nước cho các thiết bị vệ sinh và tưới cây nên chưa có nước thải thừa xả ra kênh K1.

- Thời gian vận hành thử nghiệm: tháng 11/2020

- Vị trí lấy: toạ độ X 594402.20; Y 1228688.42, DV1120-99653 (sau hệ thống xử lý nước thải)

- Tần suất lấy mẫu: tháng 11/2020 (lấy mẫu 1 lần), từ tháng 11/2022 đến nay tự động liên tục.

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường phối hợp để thực hiện: Trung Tâm Quan Trắc – Kỹ Thuật tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Dương (BREM)

+ Địa chỉ: Số 26 Huỳnh Văn Nghệ, P.Phú Lợi, Tp.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

+ Điện thoại: 0274-3824753 Fax: 0274-3824753

+ Quyết định số 3061/QĐ-BTNMT ngày 2/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi Trường về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

+ Quyết định số 703.2019/QĐ-VPCNCL ngày 1/10/2019 của Bộ Khoa học công nghệ về việc chứng nhận phòng thí nghiệm mang số hiệu VILAS 084.

6.2 Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.

- Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

+ Quan trắc nước thải: tự động liên tục theo khoản 2 điều 97 nghị định 08:2022/NĐ-CP, Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng (QCVN 14:2008/BTNMT)

+ Quan trắc bụi, khí thải phòng thí nghiệm: không có, không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở (không có).

6.3 Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.

- Kinh phí trích từ nguồn ngân sách hỗ trợ của Bộ giáo dục và Đào tạo cho Trường Đại học Việt Đức hàng năm.

- Cơ sở dự kiến kinh phí để thực hiện quan trắc môi trường hàng năm và tổng hợp báo cáo gửi cơ quan có thẩm quyền như bảng sau:

Bảng 0-1 Kinh phí dự kiến quan trắc môi trường định kỳ hàng năm

STT	Nội dung quan trắc	Vị trí	Số lượng	Tần suất	Kinh phí (VNĐ)
1	Kiểm định thiết bị	Trạm quan trắc	1	01 lần/năm	40.000.000
2	Hiệu chuẩn/phân tích mẫu nước	Trạm quan trắc/Nước thải sau xử lý tại máng thu.	12	01 lần/tháng	50.000.00
3	Dung dịch, hóa chất	Trạm quan trắc	1	01 lần /năm	40.000.000
4	Bảo trì bảo dưỡng, thay thế, vận hành thiết bị	Trạm quan trắc	1	01 lần/năm	70.000.000
TỔNG					200.000.000

CHƯƠNG 7. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Cơ sở mới đi vào hoạt động, nhà Trường không có các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG 8. KIẾN NGHỊ & ĐỀ XUẤT CỦA CƠ SỞ

- Với thiết kế kiến trúc cùng với công nghệ hiện đại, qui mô tại cơ sở là trường Đại học Việt Đức đi cùng với đó là mục tiêu phát triển bền vững hướng đến bảo vệ môi trường sinh thái. Qua số liệu được thu thập và báo cáo theo các bảng như sau:

- + Bảng 1-1: Số lượng sinh viên đang học tập và dự đoán trong các năm
- + Bảng 0-6: Nhu cầu sử dụng nước sạch của Trường theo thực tế
- + Bảng 4-1: Bảng lưu lượng nước thải thực tế quá trình sử dụng
- + Bảng 5-2: Kết quả quan trắc nước thải tháng 9 năm 2023

Ta thấy : Khối lượng nước sạch sử dụng bình quân toàn trường/ngày 271m^3 , lưu lượng xả thải lớn nhất $176,66,33\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, lưu lượng nước về trạm xử lý nước thải lớn nhất $280,53\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ hay $11,68\text{ m}^3/\text{giờ}$ (bao gồm nước mưa thấm qua các nắp hố ga nước thải về trạm xử lý), chất lượng nước thải sau xử lý đạt các chỉ tiêu và cho kết quả nhỏ hơn rất nhiều so với giới hạn cho phép trong QCVN 14:2008/BTNMT, giá trị C cột A quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Với thiết kế trạm xử lý nước thải sinh hoạt cho toàn giai đoạn là $1.000\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ thì theo khoản 2 điều 97 nghị định 08:2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 của chính phủ thì thực hiện quan trắc nước thải tự động, do đó Ban quản lý dự án Xây dựng trường Đại học Việt Đức đã lắp đặt trạm quan trắc theo đúng yêu cầu. Nhưng trên thực tế, nước thải về trạm xử lý bằng $\frac{1}{4}$ công suất thiết kế và theo:

+ Điểm b: Đối tượng qui định tại Cột 2 với mức lưu lượng quy định tại Cột 5 Phụ lục XXVIII thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục hoặc quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này (trích điểm b, điều 97, nghị định 08:2022/NĐ-CP)

+ Phụ lục XXVIII (nghị định 08:2022/NĐ-CP):

✓ Cột 2: Dự án, cơ sở thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường qui định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định này.

✓ Cột 5: Lưu lượng từ 200 đến dưới $500\text{ m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ)

+ Phụ lục II (nghị định 08:2022/NĐ-CP), Trường Đại học Việt Đức với hoạt động chính là học tập, nghiên cứu, giảng dạy đào tạo nhân lực chất lượng cao không thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường

ở các mức I, II, III theo phụ lục.

- Vì vậy, sau khi nghiên cứu và lập báo cáo Đề xuất Cấp giấy phép môi trường, Trường Đại học Việt Đức đề xuất một số ý sau:

- + Thực hiện quan trắc nước thải theo định kỳ theo nghị định 08:2022/NĐ-CP
- + Ngắt kết nối dữ liệu truyền về trung tâm quan trắc cho đến khi đạt công suất xử lý theo thiết kế

- + Các thiết bị đã được lắp tại trạm quan trắc, nhà Trường đưa vào sử dụng cho mục đích kiểm soát chất lượng đầu ra hàng ngày nước thải sau xử lý của hệ thống.

- Nay Trường Đại học Việt Đức kính trình sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương thẩm định, phê duyệt Báo cáo Đề xuất cấp Định Pháp Môi Trường làm cơ sở pháp lý trong quá trình hoạt động. Song song với đó, phía nhà Trường cử cán bộ đào tạo quản lý vận hành dùng kỹ thuật, giám sát hiệu quả xử lý và điều chỉnh phù hợp đảm bảo các Quy chuẩn mới đầu ra đạt Quy chuẩn quy định pháp luật Việt Nam.

CHƯƠNG 9. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu được đưa ra trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

- Cam kết tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan đến Trường Đại học Việt Đức, thực hiện các quy định của pháp luật về công tác phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, hoá chất và các quy định khác có liên quan đến hoạt động của Trường.

- Tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành:

+ Thực hiện đúng Luật Bảo vệ môi trường;

+ Thực hiện đúng các Nghị định, Thông tư, các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan đến hoạt động chuẩn bị và xây dựng của dự án.

+ Thực hiện nghiêm túc chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã trình bày trong báo cáo về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ được thực hiện trong vận hành.

- Các nguồn thải sẽ được kiểm soát chặt chẽ và nồng độ các chất ô nhiễm phát thải vào môi trường đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn cho phép:

+ Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14 - :2008/BTNMT, giá trị C cột A (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt).

+ Khí thải phát sinh đạt QCVN 19:2009/BTNMT

+ Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn không nguy hại được phân loại, thu gom và xử lý theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ban hành ngày 10/01/2022.

+ Chất thải nguy hại phát sinh được phân loại, thu gom và xử lý theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ban hành ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về quản lý chất thải nguy hại.

+ Tổ chức diễn tập ứng phó sự cố môi trường, khi xảy ra sự cố ngoài khả năng ứng phó, cơ sở sẽ thông báo khẩn cấp đến Ủy ban nhân dân phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát và Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn giúp đỡ.

Cam kết về lộ trình thực hiện các biện pháp, công trình giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nêu trong kế hoạch bảo vệ môi trường.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC I: CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ

PHỤ LỤC II: HỢP ĐỒNG THU GOM VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

PHỤ LỤC III: CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

PHỤ LỤC IV: CÁC PHIẾU PHÂN TÍCH KẾT QUẢ

PHỤ LỤC V: PHỤ LỤC CÁC BẢN VẼ

"Dù bạn làm được gì, mơ ước gì, hãy bắt tay
vào làm; táo bạo là nền tảng của tài năng,
quyền lực và những điều kỳ diệu"

Johann Wolfgang von Goethe

"Vi lợi ích mười năm trồng cây
Vi lợi ích trăm năm trồng người"

Hồ Chí Minh

TUYÊN BỐ CHUNG

về

Hợp tác thành lập trường Đại học Đức - Việt tại thành phố Hồ Chí Minh

giữa

Bộ Khoa học và Nghệ thuật bang Hessen, nước Cộng hòa Liên bang Đức

và

Bộ Giáo dục và Đào tạo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

- Căn cứ Bản Ý định thư ký ngày 21 tháng 5 năm 2007 giữa Bộ trưởng Bộ Khoa học và Nghệ thuật Bang Hessen, nước Cộng hòa Liên bang Đức và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Với mong muốn tăng cường tình hữu nghị trong lĩnh vực giáo dục đại học;
- Nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục đại học đối với sự phát triển kinh tế;
- Được sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Bộ Khoa học và Nghệ thuật bang Hessen, nước Cộng hòa Liên bang Đức

và

Bộ Giáo dục và Đào tạo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (gọi tắt là các Bên)

tuyên bố thành lập trường Đại học Đức - Việt tại thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là VDU)

Trường Đại học Đức - Việt là trường đại học có chất lượng cao trong học tập và nghiên cứu và phấn đấu sẽ đạt vị trí xếp hạng cao trong những trường đại học hàng đầu thế giới.

I.

Các Bên mong muốn rằng VDU sẽ tập trung vào những ngành đào tạo mà Đức có thể mạnh và Việt Nam có nhu cầu, các ngành đào tạo này sẽ được dạy bằng tiếng Anh và có giảng dạy tiếng Đức. Các Bên dự kiến chủ yếu sẽ triển khai một số khóa đào tạo kỹ sư và khoa học tự nhiên do các trường đại học của Đức bảo trợ.

Trong giai đoạn đầu, sinh viên VDU sẽ được cấp bằng của các trường đại học Đức và VDU. Trong giai đoạn trung hạn, VDU sẽ cấp văn bằng sau khi đã được kiểm định chất lượng quốc tế trên cơ sở quy trình Bologna.

Dự kiến năm học đầu tiên sẽ được khai giảng vào học kỳ Mùa Đông 2008-2009.

II.

Theo mong muốn của các Bên, VDU là trường đại học công lập được thành lập theo pháp luật của Việt Nam. VDU sẽ được xây dựng theo chuẩn các trường đại học hàng đầu của Đức.

Cơ cấu tổ chức, quyền hạn và nhiệm vụ của VDU sẽ được xây dựng theo quy định đảm bảo tính tự chủ cao trong nghiên cứu, học tập, tài chính, nhân sự, quy trình và cơ cấu tổ chức theo mẫu của các trường đại học tại bang Hessen.

III.

Hai Bên thống nhất sẽ bổ nhiệm một Hiệu trưởng là người Đức và ba Phó Hiệu trưởng, hai trong số ba người này là công dân Việt Nam.

Sau khi VDU được thành lập, các Bên sẽ xây dựng Ban Chỉ đạo để ra những quyết định về các ngành đào tạo, nhân sự và tài chính cho đến khi Hội đồng trường (university council) được thành lập. Ban Giám hiệu của VDU sẽ chịu trách nhiệm xây dựng tổ chức bộ máy của Đại học Đức - Việt.

IV.

Trong giai đoạn đầu, giảng viên tham gia giảng dạy chủ yếu là giảng viên của các trường đại học Đức. Trong giai đoạn trung hạn, tỷ lệ giảng viên Việt Nam sẽ được tăng lên.

Để đảm bảo mục tiêu chất lượng đề ra của VDU, Các Bên sẽ phối hợp chặt chẽ với nhau để thực hiện trách nhiệm tài chính của mình khi được các cơ quan quản lý ngân sách phê duyệt. Các Bên sẽ phối hợp chặt chẽ với các tổ chức kinh tế, tổ chức phi chính phủ để huy động sự hỗ trợ và đảm bảo chất lượng cho VDU.

Chi tiết về nhân sự, cơ cấu tổ chức, quy chế tài chính cho VDU, các ngành đào tạo và tài chính cho nhà trường sẽ được đề cập đến trong một thỏa thuận riêng giữa các Bên và sẽ được đính kèm như các phụ lục của văn bản này.

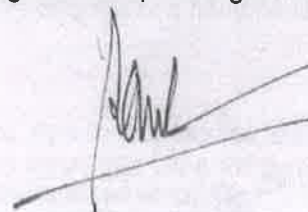
Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2008.

Thay mặt
Bộ Khoa học và Nghệ thuật Bang Hessen
nước Cộng hòa Liên bang Đức



TS. UDO CORTS
Bộ trưởng

Thay mặt
Bộ Giáo dục và Đào tạo
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam



GS. TSKH Bành Tiên Long
Thứ trưởng thường trực

Ý ĐỊNH THƯ

giữa

**Bộ Giáo dục và Đào tạo
nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
và
Bộ Đại học, Nghiên cứu và Nghệ thuật
Bang Hessen, Cộng hòa liên bang Đức**

Về việc thành lập Trường Đại học Đức tại Việt Nam

Bộ Giáo dục và Đào tạo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (MOET) và Bộ Đại học, Nghiên cứu và Nghệ thuật Bang Hessen, Cộng hòa liên bang Đức (HMWK), sau đây sẽ gọi tắt là "Hai Bên".

Mong muốn tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác trong lĩnh vực đào tạo đại học;

Nhận thức được tầm quan trọng của đào tạo đại học đối với sự phát triển kinh tế;

Đánh giá cao những hợp tác giữa các trường đại học hai Bên và việc triển khai Thỏa thuận được ký kết ngày 4 tháng 11 năm 2005.

Hai Bên thỏa thuận:

- Đẩy mạnh và phát triển hợp tác trong lĩnh vực giáo dục đại học, hỗ trợ trao đổi sinh viên, giảng viên và các nhà khoa học trẻ.
- Tăng cường trao đổi thông tin và các việc khác trong lĩnh vực giáo dục đại học (nghiên cứu và giảng dạy) cũng như trao đổi kinh nghiệm và hiểu biết trong lĩnh vực quản lý và giảng dạy đại học.
- Để triển khai các nội dung trên, bên cạnh việc hỗ trợ và thúc đẩy hợp tác giữa các trường đại học hai nước, Hai Bên thống nhất và nhấn mạnh việc thành lập một trường Đại học Đức tại Việt Nam (German Vietnamese University viết tắt là GVVU).

I.

Hai Bên chia sẻ một số quan điểm như sau trong quá trình chuẩn bị và triển khai xây dựng Trường Đại học Đức tại Việt Nam:

1. GVVU được xây dựng và phát triển thành Trung tâm Hợp tác đào tạo và khoa học giữa Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Nước Cộng hòa Liên bang Đức đặc biệt là Bang Hessen thông qua sự hỗ trợ tích cực trực tiếp của Bang Hessen. GVVU hỗ trợ cho việc dạy tiếng Đức và truyền bá văn hóa Đức tại Việt Nam.
2. GVVU hỗ trợ việc triển khai các chuyên ngành liên kết đào tạo giữa các đại học của Đức đặc biệt là các đại học của bang Hessen và Việt Nam, trao đổi

sinh viên và các nhà khoa học. Các chương trình hợp tác sẵn có trong lĩnh vực đại học giữa các đại học của Đức và Việt Nam sẽ được tiếp tục phát triển và mở rộng với những ngành học mới.

3. Các biện pháp triển khai trong thời gian đầu:

- Hai Bên thành lập Tổ công tác để đàm phán về cơ chế hoạt động của trường DUV, các chương trình đào tạo dự kiến cũng như quyền lợi và nghĩa vụ của Hai Bên và các đối tác khác. Đứng đầu mỗi Tổ công tác sẽ là Bộ trưởng. Ngoài ra sẽ có thành viên của mỗi Bên (Bộ), các trường Đại học và 01 đại diện của Tổ chức Hỗ trợ đại học thế giới (World University Service (WUS) ;
 - Thành lập Văn phòng đại diện trường Đại học Đức tại Việt Nam (GVU);
 - Xây dựng các chương trình liên kết;
 - Triển khai các khóa học chuẩn bị cho các chương trình thạc sĩ và tiến sĩ tại các trường đại học Đức, đặc biệt là tại bang Hessen;
 - Hỗ trợ việc giảng dạy tiếng Đức và văn hóa Đức thông qua các chương trình liên kết đào tạo;
4. Hỗ trợ các giảng viên đại học và các nhà khoa học trẻ của Việt Nam. Các trường Đại học Đức đặc biệt là các trường Đại học của bang Hessen trong khuôn khổ Thỏa thuận song phương với đối tác Việt Nam sẽ hướng dẫn các nghiên cứu sinh Việt Nam để chuẩn bị nhân sự cho GVU;
5. Hỗ trợ sinh viên Đức, đặc biệt là sinh viên bang Hessen đến Việt Nam học tập;

II.

1. Tùy theo tình hình ngân sách, HMWK sẽ tiếp tục duy trì và mở rộng chương trình học bổng của Chính phủ Đức và bang Hessen cho sinh viên Việt Nam sang học ở Đức và học bổng tại chỗ.
2. MOET cam kết sẽ cấp học bổng Chính phủ cho sinh viên và nghiên cứu sinh Việt Nam được lựa chọn của GVU tham gia các khóa học tại Đức đặc biệt là tại bang Hessen.

III.

Hai Bên tiếp tục chia sẻ một số quan điểm như sau trong quá trình chuẩn bị và triển khai xây dựng Trường Đại học Đức tại Việt Nam:

1. GVU sẽ tạo điều kiện cho sinh viên Việt Nam tham gia các khóa đào tạo tương tự như ở các trường Đại học tại Đức để bằng tốt nghiệp của GVU có thể được cấp và công nhận tại Việt Nam cũng như tại Đức.
2. Các chương trình đào tạo dự kiến cần sớm được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thẩm định và phê duyệt.
3. Các chương trình đào tạo của GVU sẽ được dạy bằng tiếng Anh nhưng sinh viên phải học tiếng Đức tăng cường ngay từ năm thứ nhất để đến năm cuối có thể học một số môn và làm luận văn tốt nghiệp bằng tiếng Đức, bảo vệ luận văn tại Đức hoặc tại Việt Nam.

IV.

MOET khẳng định:

- sớm nhất là từ đầu năm học 2008/2009 sẽ xem xét trao cho GVU cơ chế hoạt động như trường Đại học liên kết quốc tế theo Luật của Việt Nam. Đại học này là đại học tổng hợp theo hướng nghiên cứu chất lượng cao với các chuyên ngành khoa học công nghệ, y dược, kinh tế và xã hội nhân văn hoạt động theo hình thức phi vụ lợi;
- cung cấp cơ sở hạ tầng cho GVU sử dụng với thời hạn ít nhất là 20 năm và không thu bất cứ loại chi phí nào;
- trang thiết bị, giáo trình, sách, các phương tiện truyền thông, máy móc từ nước ngoài, từ các nguồn kinh phí công ích hay sự đóng góp của các cơ quan tổ chức pháp nhân hay cá nhân để phục vụ cho hoạt động của GVU sẽ được nhập khẩu miễn thuế vào Việt Nam.

V.

Hai Bên bày tỏ quan điểm:

- trong khuôn khổ quyền hạn và khả năng thực tế sẽ nỗ lực tạo các điều kiện khung hợp lý để GVU có thể hợp tác chiến lược và bền vững với các đối tác công lập và tư thực của Đức và Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực giáo dục đại học và sau đại học. Đặc biệt, GVU sẽ hợp tác chặt chẽ với Cơ quan trao đổi hàn lâm Đức DAAD.
- Trong khuôn khổ khả năng thực tế hỗ trợ cho GVU, đặc biệt là về mặt cơ sở hạ tầng và vật chất để chương trình hợp tác có thể được triển khai trong thời gian sớm nhất, muộn nhất là vào đầu năm học 2008.

Bản Ý định thư này được ký tại Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2007. Hai bản bằng tiếng Đức và tiếng Việt và có giá trị như nhau.

Bộ Giáo dục và Đào tạo
nước CHXHCN Việt Nam
Bộ trưởng

Bộ Đại học, Nghiên cứu và Nghệ thuật
bang Hessen, CHLB Đức
Bộ trưởng

Nguyễn Thiện Nhân

Udo Corts

01/14

BẢN SAO

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1196/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 01 tháng 9 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Trường Đại học Việt Đức

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Quyết định số 121/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2006 - 2010;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại tờ trình số 385/TTtr-BGDĐT ngày 29 tháng 8 năm 2008 về việc thành lập Trường Đại học Việt Đức,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Trường Đại học Việt Đức tại thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Trường Đại học Việt Đức là cơ sở giáo dục đại học công lập, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Điều 3. Trường Đại học Việt Đức hoạt động theo Quy chế do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCD TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- BQL KKTCKQT Bờ Y;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (5b). KH 296



ƯU ĐÃI THUẾ KINH DOANH TẠI BẮN CHINH
Số chứng thực 4051/01 Nguyễn Thiện Nhân

Ngày 21 tháng 04 năm 16
Ủy Chủ Tịch UBND Phường Phú Mỹ

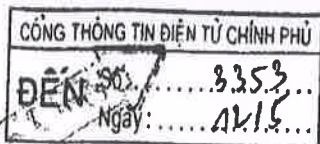


Nguyễn Thị Hồng Yến

Số : 760 /TTg-QHQT

V/v Phê duyệt danh mục Dự án
Xây dựng trường Đại học Việt-
Đức, do WB tài trợ.

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2010



Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Ngoại giao;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Xét đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (công văn số 2377/BKH-KTĐN ngày 12 tháng 4 năm 2010 và công văn số 3006/BKH-KTĐN ngày 07 tháng 5 năm 2010) về việc phê duyệt danh mục Dự án Xây dựng trường Đại học Việt-Đức, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến như sau:

1. Phê duyệt danh mục Dự án “Xây dựng trường Đại học Việt-Đức”, vay vốn của Ngân hàng Thế giới (WB), với các nội dung như kiến nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư nêu tại các văn bản trên.

Cơ chế tài chính trong nước đối với Dự án thực hiện theo ý kiến của Phó Thủ tướng Nguyễn Sinh Hùng tại văn bản số 2217/VPCP-KTTH ngày 05 tháng 4 năm 2010 của Văn phòng Chính phủ.

2. Giao Bộ Giáo dục và Đào tạo hoàn chỉnh Báo cáo khả thi trên cơ sở ý kiến của các cơ quan liên quan và tiến hành các thủ tục tiếp theo cho Dự án theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTg Nguyễn Tấn Dũng, các PTTg;
- VPCP: BTCN, các PCN;
các Vụ: TH, KGVX, KTTH, Công TTĐT;
- Lưu: VT, QHQT (3). *LT*

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG****Nguyễn Thiện Nhân**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: 2129/QĐ-BGDĐT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự án "Xây dựng Trường đại học Việt Đức" sử dụng vốn vay của Ngân hàng Thế giới

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03/12/2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19/3/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Căn cứ Công văn số 760/TTg-QHQT ngày 12/5/2010 của Văn phòng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục Dự án "Xây dựng Trường đại học Việt Đức";

Xét đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án "Xây dựng Trường đại học Việt Đức" với các nội dung chính sau đây:

1. Tên Dự án: Xây dựng Trường đại học Việt Đức

Tên tiếng Anh: New Model University Project

2. Nhà tài trợ: Ngân hàng Thế giới

3. Mục tiêu của Dự án

3.1. Mục tiêu dài hạn: Xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị và khung khổ chính sách để Trường đại học Việt Đức trở thành một trường đại học, một trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học công nghệ hàng đầu ở Việt Nam, đạt trình độ khu vực và quốc tế.

3.2. Mục tiêu cụ thể:

- Thiết lập và thí điểm mô hình mới về khung chính sách quản trị, tài chính và đảm bảo chất lượng của một trường đại học tự chủ và tự chịu trách nhiệm cao, qua đó góp phần hình thành một cơ chế tài chính cấp quốc gia áp dụng cho các trường đại học nghiên cứu theo mô hình mới;

- Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của ngành và lĩnh vực khác nhau trong xã hội, cung cấp đội ngũ giảng viên có chất lượng cho các cơ sở đào tạo đại học, đồng thời cũng là vườn ươm những tài năng đáp ứng yêu cầu của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước;

- Thiết lập và phát triển trong khuôn khổ Dự án một trường đại học với vai trò là trung tâm nghiên cứu và giảng dạy xuất sắc, tạo ra sự kết hợp năng động giữa nghiên cứu và giảng dạy thông qua mối liên hệ giữa trường đại học và các ngành công nghiệp trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ;

- Xây dựng cơ sở vật chất hiện đại phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học cho trường đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế với quy mô thiết kế là 5.000 sinh viên.

4. Các thành phần của Dự án:

a) Thành phần 1: Xây dựng khung chính sách và quản trị nhà trường

- Tổng kinh phí dự kiến: 6.178.000 USD

- Kết quả dự kiến: Xây dựng một mô hình hoạt động của trường đại học với năng lực tổ chức, quản lý, hoạt động tiên tiến, hiện đại và hiệu quả cao. Cụ thể là xây dựng quy trình quản trị trường, quản lý tài chính, quản lý chất lượng, quản lý nguồn nhân lực, lập kế hoạch chiến lược và dịch vụ sinh viên.

b) Thành phần 2: Phát triển đào tạo và nghiên cứu khoa học

- Tổng kinh phí dự kiến: 36.062.458 USD

- Kết quả dự kiến: Xây dựng mô hình nhà trường hoạt động đa dạng nhằm nâng cao danh tiếng của trường. Cụ thể là xây dựng chiến lược giảng dạy và khung chương trình đào tạo và xây dựng thư viện, nguồn dữ liệu mạng, đào tạo cao học và nghiên cứu sinh, quan hệ với các ngành công nghiệp.

c) Thành phần 3: Xây dựng khuôn viên và cơ sở hạ tầng

- Tổng kinh phí dự kiến: 108.591.901 USD

- Kết quả dự kiến: Xây dựng cơ sở vật chất mới, hiện đại thiết kế theo tiêu chuẩn Châu Âu, phù hợp với điều kiện, tiêu chuẩn Việt Nam gồm 5 khu: khu công viên khoa học, khu đào tạo học thuật, khu thể thao dịch vụ, khu nhà ở cho giảng viên, khu nhà ở cho giáo sư, giảng viên cao cấp.

d) Thành phần 4: Quản lý, giám sát và đánh giá dự án

- Tổng kinh phí dự kiến: 5.290.900 USD

- Kết quả dự kiến: Tổ chức quản lý thực hiện dự án hiệu quả, giải ngân đúng tiến độ và bàn giao đưa công trình vào sử dụng.

e) Thuế, dự phòng vật chất và dự phòng trượt giá: 44.495.129 USD.

5. Các kết quả chủ yếu của Dự án

Các kết quả đầu ra của Dự án đến năm 2016 là:

- Hoàn thành việc xây dựng cơ sở vật chất và khuôn viên mới của trường;

- Hoàn thiện xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động, cũng như vận hành trường theo mô hình mới phát triển theo định hướng nghiên cứu;

- Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý của Trường được tập huấn và trang bị đầy đủ năng lực và điều kiện để đáp ứng được các yêu cầu của trường đại học xuất sắc;

- Cụ thể hóa và hoàn chỉnh quy chế hoạt động, cơ chế và chính sách tài chính để trường tiếp tục hoạt động, phát triển bền vững sau năm 2016;

- Sinh viên tốt nghiệp với kỹ năng và trình độ cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên của các trường đại học trong cả nước và cán bộ quản lý giáo dục đại học (GDDH) của các Bộ, ngành và địa phương có được kinh nghiệm thực tế để nâng cao trình độ chuyên môn về quản lý trường đại học;

- Các kết quả và kinh nghiệm rút ra từ Dự án góp phần hình thành cơ chế quản lý mới đối với hệ thống GDDH Việt Nam.

6. Cơ quan chủ quản của Dự án: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Chủ dự án: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Cơ quan thực hiện Dự án: Ban Quản lý Dự án xây dựng Trường đại học Việt Đức thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ban Quản lý dự án của Trường đại học Việt Đức.

9. Loại dự án: ODA

10. Tổng số vốn của Dự án: 200.618.388 USD, tương đương 3.720 tỷ VND. Trong đó:

- Vốn ODA: 180.392.998 USD, tương đương 3.345 tỷ VND, bao gồm:

+ ODA vay ưu đãi (IDA): 180.392.998 USD

+ ODA vay thương mại (IBRD): Không

+ ODA không hoàn lại:

Không

- Vốn đối ứng: 20.225.390 USD, tương đương 375 tỷ VND.

Cơ chế tài chính đối với Dự án là cơ chế cấp phát Ngân sách Nhà nước.

11. Thời gian thực hiện Dự án: 2011-2016.

12. Các nội dung chi tiết khác được thể hiện tại Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Ban Quản lý Dự án xây dựng Trường đại học Việt Đức thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ban Quản lý dự án của Trường đại học Việt Đức có trách nhiệm triển khai, thực hiện dự án với các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này; tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý và sử dụng vốn ODA, các quy định của nhà tài trợ, đảm bảo thực hiện dự án đúng mục tiêu, đúng tiến độ và đạt hiệu quả; tuân thủ chế độ báo cáo, chế độ kế toán, thanh quyết toán nguồn kinh phí của Dự án theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông/bà Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Trưởng Ban quản lý Dự án xây dựng Trường đại học Việt Đức, Ban Quản lý dự án của Trường đại học Việt Đức, thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hiệu trưởng Trường đại học Việt Đức chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- VPCP, Bộ KH&ĐT, Bộ TC;
- Ngân hàng NNVN;
- Các Vụ: HTQT, GDDH, TCCB;
- Cục CSVCTBTH;
- Lưu VT, KHTC.



39

P1X.7-7

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 242/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 26 tháng 2 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Trường đại học Việt Đức với quy mô 50 ha
tại Khu công nghiệp và dân cư Thới Hòa, xã Thới Hòa, huyện Bến Cát
của Trường đại học Việt Đức (thuộc Bộ giáo dục và đào tạo)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số: 80/2006/NĐ-CP ngày 9 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 80/2006/NĐ-CP ngày 09/08/2006 của Chính phủ về việc qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08/12/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 252/TT-STNMT ngày 22 tháng 2 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trường đại học Việt Đức với quy mô 50 ha tại Khu công nghiệp và dân cư Thới Hòa, xã Thới Hòa, huyện Bến Cát của Trường đại học Việt Đức (thuộc Bộ giáo dục và đào tạo).

Điều 2. Trường đại học Việt Đức có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và các yêu cầu bắt buộc sau đây:



1011111111

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt, nước thải phải được thu gom xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, cột A (K=1) trước khi thải ra kênh CI;

- Khí thải phải được xử lý đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT;

- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn TCVN 26:2010/BTNMT; TCVN 27:2010/BTNMT và TCVS 3733/2002/QĐ-BYT;

- Các chất thải rắn phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 04 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

- Phải đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 04 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Tổ chức quan trắc, đánh giá hiện trạng môi trường; tổng hợp xây dựng báo cáo môi trường với tần suất 03 tháng/lần, đồng thời có báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra;

- Lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải theo Điều 30 và xây dựng điểm quan trắc nguồn thải đúng yêu cầu kỹ thuật tại Điều 31 của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 68/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ, các rủi ro và sự cố môi trường khác;

- Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu của Quyết định này theo quy định tại Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 08 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường.

Điều 3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm soát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu có những thay đổi về nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt. Trường đại học Việt Đức phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền.

Điều 5. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, quản lý, kiểm tra xem xét giải quyết các điều chỉnh và xác nhận việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu theo Điều 2, Điều 4 của Quyết định này.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát, Trường đại học Việt Đức và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT;
- Sở TN&MT; Sở XD;
- UBND huyện Bến Cát;
- Chủ dự án;
- LĐVP (Trúc), Lâm, Phg, TH;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH

ĐIÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Nam

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết Trường đại học Việt Đức
tại phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11/8/2010 của Bộ Xây dựng Quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại tờ trình số 1403/TTr-SXD, ngày 29/7/2014 Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết Trường đại học Việt Đức tại phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết Trường đại học Việt Đức tại phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, với nội dung như sau:

1. Phạm vi ranh giới, diện tích, tính chất khu vực lập quy hoạch chi tiết:

- Phạm vi ranh giới được xác định như sau:

+ Phía Đông giáp: Quốc lộ 13.

+ Phía Tây giáp: Đường D9 và khu dân cư ấp 5C.

+ Phía Nam giáp: Dân cư hiện hữu.

+ Phía Bắc giáp: Đường Vành đai 4 và khu dân cư ấp 3.

- Diện tích: 505.004,8 m² (khoảng 50,5 ha).

- Tính chất: Xây dựng một cơ sở đại học đào tạo và nghiên cứu đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế. Trường có cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu học tập, lưu trú và làm việc của cán bộ nhân viên, giảng viên, sinh viên.

2. Các chỉ tiêu cơ bản về dân số, đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật:

a) Về dân số:

- Dự tính số lượng sinh viên và giảng viên tại chỗ, không kể khách vắng lai.

- Dự kiến đến năm 2030: Số lượng sinh viên là 12.000 người, số lượng giảng viên ở thường xuyên khoảng 40-50 hộ gia đình (khoảng 160 người).

b) Về đất đai:

- Tổng diện tích đất tự nhiên khoảng: 50,5 ha. Trong đó: Đất xây dựng trường đại học là 463.701,8m²; còn lại là kênh K1 và hành lang bảo vệ kênh là 38.414,2m² và hành lang an toàn đường bộ Quốc lộ 13 là 2.888,8m².

- Mật độ xây dựng toàn khu chiếm khoảng 23% tổng diện tích khu đất
- Đất xây dựng trường đại học: 38,6 m²/sinh viên.
- Đất xây dựng ký túc xá và nhà ăn: 7,1 m²/sinh viên.
- Đất xây dựng khu nhà ở giảng viên: 82,5m²/người.

c) Về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật:

- Chỉ tiêu hạ tầng xã hội: Đảm bảo sự phát triển nội bộ của trường, hỗ trợ và tăng cường sự phát triển nhanh chóng của khu vực xung quanh, thúc đẩy một mối quan hệ cùng có lợi giữa các tổ chức học thuật và các cộng đồng khu dân cư lân cận.

- Chỉ tiêu sử dụng đất giao thông (động và tĩnh) khoảng 2,8m²/ sinh viên.

- Chỉ tiêu san nền và thoát nước mưa: Thiết kế thay đổi từ 4,5m tính từ góc phía Tây Bắc tăng dần đến 8,0m tại phía Đông Nam. Độ dốc thiết kế cho nền nằm trong khoảng độ dốc tối thiểu là 0,5% và tối đa 5%.

- Chỉ tiêu cấp điện: Khu nhà ở giảng viên và nhà công vụ 80W/m² sàn sử dụng, khu nhà ở ký túc xá 25W/m² sàn sử dụng, công trình công cộng 20W-100W/m² sàn sử dụng.

- Chỉ tiêu cấp nước: Khu nhà ở giảng viên và công vụ 200 lít/người/ngày, ký túc xá sinh viên 120 lít/người/ngày, các giảng đường 20 lít/người/ngày, khách thăm quan và tham gia trong các buổi thuyết giảng 6 lít/người/ngày, căn tin và khu thể thao 25 lít/người/ngày, tưới rửa đường 1 lít/m²/ngày, tưới cây xanh thảm cỏ 3 lít/m²/ngày, khu phụ trợ 5 lít/m²/ngày, cảnh quan 17,8 lít/m²/ngày

- Chỉ tiêu thoát nước thải: Lưu lượng nước thải được tính tương đương 80% tổng nguồn cung nước sinh hoạt. Hệ số sử dụng nước tối đa mỗi ngày là 1,3 theo TCXDVN 33-2006. Tồn thất do rò rỉ được giả định là 10% nước thải được tạo ra.

- Chỉ tiêu về chất thải rắn: Lượng rác thải rắn trung bình khu ở 0,8-1kg/người/ngày đêm, khu học tập 0,3-0,5kg/người/ngày đêm. Tỷ lệ rác thải rắn thu gom 90~100%. Rác thải hữu cơ thu gom mỗi ngày, rác thải vô cơ thu gom 2-3 lần/tuần.

3. Cơ cấu sử dụng đất:

a) Cơ cấu sử dụng đất bao gồm các khu chức năng sau:

- Khu hành chính, học thuật và công cộng: Gồm có khu triển lãm khoa học, toà nhà hành chính, hội trường, thư viện, khu giảng đường, khoa cơ bản, công trình nhóm khoa, công khánh tiết, mái che lối đi bộ.

- Khu ký túc xá và nhà ăn.

- Khu nhà ở giảng viên và nhà công vụ.

- Khu thể dục thể thao: Gồm có nhà thi đấu có mái che, hồ bơi, sân tập thể thao ngoài trời, mái che lối đi bộ.

- Khu cây xanh, sân bãi.

- Giao thông và hạ tầng kỹ thuật: Gồm có 2 cầu bắt qua kênh K1, đường giao thông nội bộ, công trình cơ điện, trạm xử lý nước thải, tháp nước, ...

- Ngoài ra còn có đất kênh & hành lang bảo vệ kênh K1 và hành lang bảo vệ đường Quốc lộ 13.

b) Bảng cân bằng đất đai cụ thể như bảng sau:

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất thuần xây dựng Trường	463.701,8	91,8
1	Khu hành chính, học thuật và công cộng	111.844,3	24,1
2	Khu ký túc xá và nhà ăn	85.276,3	18,4
3	Khu nhà ở giảng viên và nhà công vụ	13.202,5	2,8
4	Khu thể dục thể thao	19.899,7	4,3
5	Khu cây xanh, sân bãi	192.495,9	41,5
6	Giao thông và hạ tầng kỹ thuật	40.983,2	8,8
II	Đất kênh và HLBV kênh K1	38.414,2	7,6
III	Đất HLBV đường Quốc lộ 13	2.888,8	0,6
	Tổng diện tích khu đất	505.004,8	100,0

4. Chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc, thiết kế đô thị cho từng lô đất:

a) Chỉ tiêu sử dụng đất:

* Chỉ tiêu quy hoạch toàn khu:

- Chỉ tiêu sử dụng đất xây dựng: 38,64m²/người.

- Tổng diện tích sàn xây dựng: 105.603,50m².

- Mật độ xây dựng: 22,77%.

- Hệ số sử dụng đất: 0,8 lần.

- Tầng cao tối đa: 9 tầng.

- Số chỗ đậu xe: 960 ô tô, 2.900 xe máy.

* Chỉ tiêu cụ thể của các cụm công trình chức năng như sau:

Ký hiệu	Tên công trình	Giai đoạn	Diện tích XD (m ²)	Mật độ XD (%)	Tầng cao	Chiều cao (m)
AL	Khu hành chính, học thuật và công cộng					
1.1+1.2	Khu triển lãm khoa học	1	4.172	0,90	2	11
2.1	Tòa nhà hành chính	1	4.865	1,05	7-8	37
2.7	Hội trường	1	2.733	0,59	3	22
2.16.1	Thư viện GD1	1	2.802	0,60	7	27
2.16.2	Thư viện GD2	2	1.864	0,40	7	27
2.15.1	Khu giảng đường GD1	1	3.442	0,74	8	37
2.15.2	Khu giảng đường GD2	2	4.317	0,93	8	37
2.4	Khoa cơ bản	1	2.190	0,47	5-7	35
2.8	Công trình khoa nhóm I	1	1.461	0,32	5-7	35
2.9	Công trình khoa nhóm II	1	1.743	0,38	5-7	35
2.10	Công trình khoa nhóm III	1	2.029	0,44	5-7	35
2.12	Công trình khoa nhóm V	1	1.770	0,38	5-7	35
2.11+2.13	Công trình khoa nhóm VI	2	1.983	0,43	5-7	35
2.14	Công trình khoa nhóm VII	1	2.421	0,52	5-7	35

X.1	Công trình khoa nhóm VIII	2	2.272	0,49	5-7	35
X.2	Công trình khoa nhóm IX	2	1.822	0,39	5-7	35
Z.1	Công khánh tiết	1	506	0,11		20
Z.2.1	Mái che lối đi bộ xuyên công trình Khu HC+học thuật+CC	1-2	5.229	1,13		5
DL	Khu ký túc xá và nhà ăn					
3.1.1	Nhà ăn GĐ1	1	1.698	0,37	4	18
3.1.2	Nhà ăn GĐ2	2	2.000	0,43	5	22
4.1.1	Ký túc xá sinh viên 1	1	2.825	0,61	9	34
4.1.2	Ký túc xá sinh viên 2	1	2.872	0,62	9	34
4.1.3	Ký túc xá sinh viên 3	1	2.777	0,60	9	34
4.1.4	Ký túc xá sinh viên 4	2	2.974	0,64	7-9	34
4.1.5	Ký túc xá sinh viên 5	2	2.821	0,61		
4.1.6	Ký túc xá sinh viên 6	2	2.974	0,64		
4.1.7	Ký túc xá sinh viên 7	2	2.752	0,59		
4.1.8	Ký túc xá sinh viên 8	2	1.742	0,38		
4.1.9	Ký túc xá sinh viên 9	2	1.982	0,43		
4.1.10	Ký túc xá sinh viên 10	2	2.033	0,44		
4.1.11	Ký túc xá sinh viên 11	2	2.590	0,56		
4.1.12	Ký túc xá sinh viên 12	2	2.778	0,60		
4.2	Nhà sinh hoạt cộng đồng	1	729	0,16	1-2	10
Z.2.2	Mái che lối đi bộ xuyên công trình khu KTX	1-2	1.560	0,34	1	5
HL	Khu nhà ở giảng viên và công vụ					
5.1	Nhà ở giảng viên (biệt thự đơn lập)	1	2.350	0,51	1-2	8
5.2	Nhà ở giảng viên (biệt thự song lập)	1	1.410	0,30	1-2	8
5.3	Nhà công vụ (nhà ở ghép hộ) khu 1	1	609	0,13	2-3	10
5.3	Nhà công vụ (nhà ở ghép hộ) khu 2	1	492	0,11	2-3	10
5.4	Nhà sinh hoạt chung (SHCD)	1	377	0,08	1-2	8
SL	Khu công trình thể dục thể thao					
3.3	Nhà thi đấu có mái che	1	4.513	1,11	2-4	14-15
	Mái che lối đi bộ	1	652		1	5
	Hồ bơi	1	2.537	0,55	0	
	Sân tập thể thao ngoài trời	1-2		0,00	0	
IL	Khu công trình hạ tầng kỹ thuật					
A.1	Công trình HTKT cơ điện và Trạm xử lý nước thải	1-2	5.200	1,12	1-3	10-15
A.2+A.3	Tháp nước và tb tháp nước	1-2	900	0,19	1-2	45
	Các công trình khác					
Z3	Cầu Z3 cho người đi bộ	1	560	0,12		
Z4	Cầu Z4 cho người đi bộ	1	447	0,10		
Z.2.3	Mái che lối đi bộ xuyên công trình qua đường giao thông và trong khu cây xanh cảnh quan	1-2	829	0,18		

b) Giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc, thiết kế đô thị:

* Thiết kế không gian mở

- Khai thác tối đa không gian ngoài trời, không gian nghỉ ngơi và thể thao có xét đến các điều kiện khí hậu. Thể hiện sự kết hợp của những không gian quảng trường và không gian xanh với các không gian hỗ trợ tạo môi trường sinh thái hấp dẫn cho mọi người học tập, làm việc và sinh sống tại đây cũng như dân cư lân cận.

- Tận dụng cảnh quan Kênh K1 để tích hợp vào các giải pháp thiết kế.

* Phân chia giai đoạn

- Sau khi hoàn thành giai đoạn 1, không gian dành riêng cho giai đoạn 2 mở rộng sẽ được dự kiến một giải pháp thiết kế sử dụng tạm thời mà không bị phụ thuộc.

- Lựa chọn cây trồng có bóng mát và phù hợp điều kiện khí hậu địa phương.

* Tường bao Khu trường

- Thiết kế không gian mở cần phải được tích hợp các yêu cầu về an ninh.

- Thiết kế tường bao phải đảm bảo thiết kế không gian mở để hỗ trợ việc tạo ra một bản sắc tổng thể cho tất cả các công trình trong ranh đất.

* Kiến trúc đô thị

- Không gian mở và khoảng lùi công trình: xác định chiều cao công trình và mật độ xây dựng để đảm bảo tối đa hóa ánh sáng và không khí và khai thác những lợi ích của lưu thông gió.

- Xây dựng chiến lược tăng cường sự tiếp nối liên tục của mặt bằng tầng trệt giữa các tòa nhà và các khu vực khác nhau của địa điểm dự án.

- Nghiên cứu không gian mở và tổ chức vật liệu bao che cho các không gian có mái che ngoài trời liên kết với tòa nhà.

- Tối ưu hóa thiết kế bền vững từ giải pháp quy hoạch giải quyết vấn đề năng lượng, nước, và các hiệu ứng đảo nhiệt.

- Giảm tiếp xúc với mặt trời và tăng nhiệt liên quan đến các công trình và không gian ngoài trời.

* Kế hoạch thiết kế đô thị chi tiết cho từng khu vực

- Quy hoạch tổng thể sẽ xác định các tiêu chí sử dụng đất quy hoạch đô thị, hạ tầng xã hội và kỹ thuật cho các không gian của Khu trường theo mục tiêu của dự án và yêu cầu tiêu chuẩn Việt Nam.

- Các bản đồ Quy hoạch thể hiện đầy đủ các thông số quy hoạch theo đúng quy định.

5. Nguồn cung cấp và giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật đến từng lô đất:

a) Hệ thống giao thông

Lối đi bộ, xe cộ và lối vào phục vụ được thiết kế để tạo điều kiện kết nối an toàn đến các công trình và hệ thống đường giao thông / giao thông đối ngoại theo quy định tiêu chuẩn Việt Nam và thực hành tiêu chuẩn ngành Quốc tế

Xây dựng 2 cầu đi bộ bắc qua kênh K1 tạo sự kết nối vào khuôn viên Trường.

Tổng chỗ đậu xe dự kiến ngoài trời và trong nhà có thể bố trí: 960 xe ô-tô, 2.900 xe gắn máy, chiếm tổng diện tích 21.075m².

Bảng tổng hợp hệ thống giao thông cụ thể như sau:

Mã số	Tên đường	Lộ giới (m)	Chiều dài (m)
Giao thông đối ngoại			
	Đường Quốc lộ 13	62	280
	Đường Vành Đai 4	$7,25+4,5+4,25+24+4,25+4,5+7,25 = 62$	890
	Đường D9	$4+12+4 = 20$	740
Giao thông nội bộ			
H1	Đường H1	8	310
H1a	Đường H1a	5	83
H1r	Vòng xoay đường H1	8 - 12	304
H1b	Đường phụ trợ H1b	5	270
H2	Đường H2	5	370,5
H2a	Đường H2a	5	192
H2b	Đường H2b	5	192
H3	Đường H3	7	574,5
H4a	Đường phụ trợ H4a	5	302
H4b	Đường phụ trợ H4b	5	164
H5	Đường H5	$1+5+2,5 = 8,5$	349
H6	Đường H6	$3,5+7 = 10,5 ; 4+1+4 = 9$	336
V1	Đường V1	5	396,5
V1a	Đường phụ trợ V1a	5	325
V1b	Đường phụ trợ V1b	5	122
V2	Đường V2	5	227,3
V3	Đường V3	5 - 8,5	348,5
V4	Đường V4	$7 ; 2+7+1 = 10$	82
Z3	Cầu Z3 cho người đi bộ	10	51
Z4	Cầu Z4 cho người đi bộ	5,5	76
Z.2.3	Mái che lối đi bộ	4	120

b) San nền và hệ thống thoát nước mưa

Cao độ san nền dự án được thiết kế thay đổi từ 4,5m tính từ góc phía Tây Bắc tăng dần đến 8,0m tại phía Đông Nam. Độ dốc thiết kế tối thiểu là 0,5% và tối đa 5%. Khối lượng đất đào 58.663m³, khối lượng đất đắp 78.689m³.

Nước mưa trong khuôn viên dự án sẽ được thu gom bằng các hố thấm và các hố thu nước. Tất cả các con đường nội bộ trong dự án đều được phục vụ bởi hệ thống thoát nước mưa. Nước mưa thu gom được dẫn bằng trọng lực hoặc bằng ống có áp tới bể điều hòa nước mưa và hệ thống xử lý nước mưa.

Khoảng cách tối đa giữa hai hố ga là 60m và độ dốc dọc đường là 0,03.

Điểm xả nước mưa được nối trực tiếp ra kênh K1 tại khu vực phía Bắc và phía Nam.

c) Hệ thống cấp nước:

- Đảm bảo lưu lượng nước cấp theo đúng chỉ tiêu đã đề ra.

- Cấp nước phòng cháy chữa cháy: Đảm bảo cho 2 đám cháy đồng thời với lưu lượng nước chữa cháy ngoài nhà 15 lít/s trong 3 giờ và lượng nước chữa cháy tự

động 9,6 lít/s trong 0,5 giờ và 5 lít/s trong 3 giờ cho hệ thống chữa cháy cuộn vòi bên trong công trình, đáp ứng cho số đám cháy xảy ra đồng thời là 2 đám cháy (tổng lượng nước chữa cháy bên trong công trình là 29,2 lít/s).

- Hệ số dùng nước lớn nhất ngày là 1,3. Lượng nước rò rỉ khoảng 10% tổng lượng nước sinh hoạt.

Nguồn nước: Nước sinh hoạt được phân chia ra 2 loại nước sinh hoạt uống được và không uống được.

- Nước sinh hoạt uống được: Nước sinh hoạt uống được dự kiến được đầu nối với đường ống cấp nước chính hiện hữu D400 (đường kính trong 400 mm) chạy dọc phía nam dọc bờ kênh K1.

- Nước sinh hoạt không uống được: Nước sinh hoạt không uống được được cung cấp từ hệ thống xử lý nước cấp cho mục đích tái sử dụng

- Nước cấp cho chữa cháy: Nước cấp cho chữa cháy được cấp chung với hệ thống cấp nước sạch.

Tổng nhu cầu dùng nước: Trung bình: Nước uống được $1.850\text{m}^3/\text{ngđ}$, nước không uống được $2.050\text{m}^3/\text{ngđ}$; Lớn nhất: Nước uống được $2.410\text{m}^3/\text{ngđ}$, nước không uống được $2.670\text{m}^3/\text{ngđ}$.

Đường ống cấp nước sẽ được lắp đặt tại khu vực vỉa hè (lối đi bộ) với độ sâu từ 0,7-1m. Phân phối nước thông qua một hệ thống mạch vòng, duy trì dòng chảy trong nhiều hướng và tránh tắc nghẽn trong đường ống. Đường kính ống cấp nước chính là 200mm, với các đường ống nhánh có đường kính 25-100mm.

Nước dành cho chữa cháy được cấp bằng đường ống cấp nước sạch. Đường kính ống cấp chính 200mm, các đường ống nhánh có đường kính trong 32-100mm. Trong mạng lưới cấp nước chính, trụ chữa cháy với đường kính trong D100mm sẽ được bố trí với cự ly không quá 150m.

d) Hệ thống cấp điện

Tổng phụ tải điện dự kiến khoảng 11.615KW.

Nguồn điện: Nguồn cấp điện chính cho dự án dự kiến là nguồn điện lưới quốc gia qua tuyến 22KV phía đông công trình trên đường quốc lộ 13 từ trạm biến thế 110KV Bến Cát đến. Nguồn cung cấp điện dự phòng cho dự án là nguồn điện lưới quốc gia qua tuyến 22KV hiện hữu phía bắc công trình.

Dự kiến xây dựng mới tuyến và nhánh rẽ trung thế 22KV từ đường Quốc lộ 13 vào tủ đóng cắt trung thế chính của khu quy hoạch và thỏa thuận điểm đầu nối chính vào lưới 22KV.

Giải pháp quy hoạch cấp điện gồm:

+ Cung cấp điện trung thế 22KV, hạ thế sinh hoạt 0,4KV và hạ thế chiếu sáng. Các tuyến cấp cấp điện đều được đi ngầm chôn ở độ sâu tối thiểu 0,8m, các tuyến cấp ngang đường phải được luồn trong ống nhựa chịu lực và ở độ sâu 1m; Các tuyến cấp chiếu sáng chôn ngầm dưới đất ở độ sâu 0,5m.

+ Trạm biến áp: Tổng công suất trạm hạ thế cho các hạng mục công trình và chiếu sáng đường trong toàn dự án dự kiến là 11.615kW. Các trạm hạ thế 22/0,4kV cho toàn dự án là loại trạm hợp bộ ngoài trời hoặc trạm trong nhà bao gồm tủ RMU lắp đặt sẵn để nối mạch vòng.

e) Hệ thống thông tin liên lạc

Tổng nhu cầu sử dụng: cáp đồng dự kiến 100 đôi cho các nhu cầu khẩn cấp, khu vực nhà ở, nhà khách và cáp quang dự kiến 5x24 lõi.

Mạng lưới phân phối: Khu vực quy hoạch sẽ xây dựng tuyến cấp đồng và cấp quang đi ngầm (đường ống + hố ga cấp) từ trạm trung tâm đến các hạng mục công trình. Các đường cấp được luồn trong ống PVC và chôn ngầm trong đất ở độ sâu tối thiểu 0,8m. Những vị trí lắp đặt cáp qua đường chôn ngầm trong đất ở độ sâu tối thiểu 1m.

g) Hệ thống thoát nước thải và hệ thống xử lý nước thải, thu gom chất thải rắn

Lưu lượng nước thải được tính tương đương 80% tổng nguồn cung nước sinh hoạt. Hệ số sử dụng nước tối đa mỗi ngày là 1,3. Tồn thất do rò rỉ khoảng 10% nước thải được tạo ra. Tổng lưu lượng nước thải được xử lý tại nhà máy xử lý tập trung tại chỗ: trung bình 3.200m³/ngày, tối đa 4.000m³/ngày.

Hệ thống thoát nước thải được thiết kế đặc biệt phù hợp tính chất dự án. Do lòng đường và vỉa hè không có bậc cấp mà chỉ có độ dốc, nên cống thoát nước thải không chỉ nằm dưới lòng đường mà còn được bố trí trong lối đi bộ hoặc ranh xây dựng công trình để đảm bảo thu gom nước triệt để.

Hệ thống thoát nước thải được thu gom bằng cả 2 phương pháp cống tự chảy, cống áp lực và sẽ thu gom tất cả nước thải xây dựng. Nước thải sẽ chảy bằng trọng lực cho phần lớn các hệ thống thu gom nước thải tuy nhiên các trạm nâng sẽ được yêu cầu cho các tòa nhà ở phía Bắc.

Ống chôn trong phạm vi vỉa hè (lối đi bộ) có chiều sâu chôn ống đến đỉnh ống tối thiểu là 0,4m, phạm vi lòng đường xe chạy tối thiểu là 0,7m

Chất thải rắn: Lượng rác thải rắn trung bình khu ký túc xá 0,8-1kg/người/ngày đêm, khu học tập 0,3-0,5kg/người/ngàyđêm. Tỷ lệ rác thải rắn thu gom 90~100%. Rác thải hữu cơ thu gom mỗi ngày, rác thải vô cơ thu gom 2-3 lần/tuần

Khối lượng rác sinh hoạt khoảng 17.690m³ rác hữu cơ và 4.423m³ rác vô cơ/ngày. Rác cần được phân loại giữa rác vô cơ, hữu cơ và độc hại nếu có. Tổ chức các điểm gom rác tại các khu vực trong trường.

6. Giải pháp bảo vệ môi trường:

Dự án được quy hoạch đánh giá môi trường chiến lược cho những tác động ảnh hưởng cụ thể như sau:

- Tác động môi trường kinh tế xã hội.
- Tác động môi trường sinh thái.
- Các tác động này được phân tích trong 3 giai đoạn: tiền thi công, trong thời gian thi công và trong quá trình hoạt động.
- Quy hoạch cũng đề ra các giải pháp hợp lý để giảm thiểu tối đa các tác động này.

7. Những hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực để thực hiện:

Những hạng mục công trình ưu tiên đầu tư:

- Khu học thuật đảm bảo chỗ học tập cho khoảng 5000 sinh viên giai đoạn 1
- Khu ký túc xá cho giai đoạn 1 với chỗ ở dự kiến ít nhất cho khoảng 2500 sinh viên.
- Khu nhà hành chính đảm bảo chỗ làm việc cho giảng viên và khối hiệu bộ của trường.
- Nhà ăn cho giai đoạn 1.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đủ đảm bảo phục vụ cho hoạt động giai đoạn 1.
- Các không gian công cộng, thể dục thể thao, cảnh quan của giai đoạn 1 và một số công trình chức năng công cộng khác.

Nguồn lực để thực hiện:

- Chủ đầu tư là Ban quản lý dự án xây dựng Trường đại học Việt Đức thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ thuê những đơn vị chuyên môn để thực hiện những công việc liên quan đến tổ chức đầu tư và xây dựng các hạng mục công trình của dự án để đảm bảo dự án thực hiện đúng tiến độ và chất lượng theo nhiệm vụ đã được phê duyệt.

- Cơ chế tài chính đối với dự án là cơ chế cấp phát Ngân sách Nhà nước. Nguồn vốn thực hiện dự án là Vốn ODA, được tài trợ bởi Ngân hàng thế giới.

8. Danh mục các công trình xây dựng trong khu vực quy hoạch:

Các công trình được xây dựng trong 2 giai đoạn được liệt kê và thể hiện giai đoạn xây dựng trong bảng Chỉ tiêu cụ thể nêu tại mục 4.

9. Danh mục hồ sơ đồ án:

a) Thuyết minh tổng hợp.

b) Thành phần bản vẽ bao gồm:

- Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/5.000
- Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/500
- Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/500
- Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/500
- Sơ đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan
- Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/500
- Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường, tỷ lệ 1/500
- Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật, tỷ lệ 1/500
- Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược, tỷ lệ 1/500

c) Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết.

Điều 2. Ban quản lý dự án xây dựng Trường đại học Việt Đức thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo là chủ đầu tư có trách nhiệm như sau:

- Tự chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc định vị hệ thống hạ tầng kỹ thuật do đơn vị tư vấn thể hiện trong các bản vẽ của đồ án, đảm bảo kết nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật các dự án đầu tư xây dựng lân cận.

- Đầu tư xây dựng hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật đảm bảo đồng bộ với hệ thống hạ tầng khu vực xung quanh, phù hợp với tiến độ thực hiện dự án. Đảm bảo cốt san nền, hệ thống thoát nước mưa và nước thải. Khi tiến hành san lấp mặt bằng và xây dựng không làm ảnh hưởng xấu đến khu vực dân cư lân cận.

- Tổ chức hệ thống quản lý chất lượng công trình xây dựng và chịu trách nhiệm về chất lượng công trình thuộc dự án theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

- Thực hiện đúng quy định về bảo vệ môi trường.

- Thỏa thuận về phòng cháy chữa cháy.

Công bố quy hoạch chi tiết và triển khai thực hiện quy định quản lý theo đồ án quy hoạch được duyệt.

- Triển khai thực hiện dự án đúng theo trình tự xây dựng cơ bản hiện hành, chậm nhất là 12 tháng kể từ ngày ký Quyết định phê duyệt quy hoạch.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giáo dục – Đào tạo; Chủ tịch UBND thị xã Bến Cát; Thủ trưởng các cơ quan ban ngành có liên quan và Trường đại học Việt Đức chịu trách nhiệm thi hành quyết định này, kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục - Đào tạo;
- CT & các PCT;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Km, TH;
- Lưu: VT. 7

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Trần Văn Nam

Số: 284 /QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 04 tháng 02 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thu hồi đất của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH
Một thành viên, giao đất không thu tiền sử dụng đất cho Trường Đại học
Việt Đức (đợt 1) tại phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất,

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 72 /TTr-STNMT ngày 29/01/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi khu đất có diện tích 490.596,1m² của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH Một thành viên tại phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Đồng thời thu hồi 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp cho Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH Một thành viên (theo danh sách đính kèm).

Điều 2. Giao đất không thu tiền sử dụng đất cho Trường Đại học Việt Đức (đợt 1) tại phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, khu đất có đặc điểm như sau:

1. Tổng diện tích: 499.515,0m² (trong đó có 2.059,4m² đất thuộc hành lang an toàn đường bộ và 39.243,6m² đất thuộc kênh và hành lang bảo vệ kênh).
2. Mục đích sử dụng: Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo.
3. Vị trí, địa điểm khu đất: Tại các thửa đất số 1798, 1800, 1804 tờ bản đồ số 25 thuộc phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
4. Thời gian sử dụng đất: Lâu dài.

Điều 3. Căn cứ Điều 1 và Điều 2 của quyết định này, Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người sử dụng đất;
2. Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Bến Cát và Ủy ban nhân dân phường Thới Hòa xác định cụ thể mốc giới và bàn giao đất trên thực địa.

Điều 4. Trường Đại học Việt Đức có trách nhiệm:

1. Chấp hành đầy đủ các quy định về quản lý, sử dụng đất đúng mục đích và ranh giới;
2. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định của nhà nước;
3. Đến Ủy ban nhân dân phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát để đăng ký biến động đất đai theo quy định.

Điều 5. Quyết định này thay thế Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 29/3/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thu hồi đất của Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (Becamex IDC), giao đất cho Trường Đại học Việt Đức tại xã Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát, Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Đức, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH Một thành viên và Thủ trưởng các ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: ✓

- Sở TN&MT;
- Sở Tài chính; Cục Thuế;
- UBND thị xã Bến Cát;
- Trường Đại học Việt Đức;
- Tổng C.ty ĐT & PT Công nghiệp TNHH MTV;
- LĐVP (Trúc, Lượng), Lâm;
- Lưu VT. ✓

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH ✓

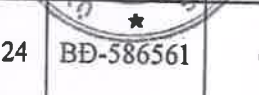


Trần Văn Nam

DANH SÁCH CÁC GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TNHH MTV THUỘC DỰ ÁN TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT ĐỨC
(Kèm theo Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 04/02/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	SỐ GIẤY CHỨNG NHẬN		NGÀY CẤP	TÊN LÔ	SỐ THỬA	TỜ BĐ	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	DIỆN TÍCH GCN (m ²)	DIỆN TÍCH NHẬN BỒI THƯỜNG (m ²)	GHI CHÚ
1	AN-721732	T00790/CN-2009	2/7/2009	C4	1604;1605	24	Đất ở tại nông thôn	18.950,1	10.442,4	Chính lý GCN
2	AN-721738	T00791/CN-2009	2/7/2009	C3	1606;1607	24	Đất ở tại nông thôn	17.269,4	7.464,5	Chính lý GCN
3	AN-721821	T00792/CN-2009	2/7/2009	ĐẤT DV NGOÀI KHU Ở 1	1608;1250	24	Đất Dịch vụ	33.553,4	33.470,9	Chính lý GCN
4	AN-721819	T00793/CN-2009	2/7/2009	ĐẤT DV NGOÀI KHU Ở 2	1609;1612;1613;1251	24;25	Đất Dịch vụ	187.157,8	187.157,8	Thu hồi GCN
5	AN-721689	T00795/CN-2009	2/7/2009	CV-CXMN 5	1610;1252	24;25	Đất công viên cây xanh , mặt nước	20.397,2	20.397,2	Thu hồi GCN
6	AP-927916	T00794/CN-2009	2/7/2009	ĐẤT HLBVĐĐ, GIAO THÔNG, HLKT, HLLG			Đất giao thông, đất HLBVĐĐđiện, HLKT, HLLG	223.520,5	12.292,0	Chính lý GCN
7	BO-579058	CT07197	14/3/2014	C3	1607	24	Đất ở tại nông thôn	1.095,5	1.095,5	Thu hồi GCN
8	BO-579060	CT07199	14/3/2014	DV NGOÀI KHU Ở 1	1250	25	Đất cơ sở SXKD-Dịch vụ ngoài khu ở	22.297,5	22.056,1	Chính lý GCN
9	BO-579059	CT07198	14/3/2014	DV NGOÀI KHU Ở 1	1608	24	Đất cơ sở SXKD-Dịch vụ ngoài khu ở	279,3	276,4	Chính lý GCN
10	BO-579062	CT07201	14/3/2014	DV NGOÀI KHU Ở 2	1251	25	Đất cơ sở SXKD-Dịch vụ ngoài khu ở	94.875,5	94.441,3	Chính lý GCN

STT	SỐ GIẤY CHỨNG NHẬN		NGÀY CẤP	TÊN LÔ	SỐ THỬA	TỜ BĐ	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	DIỆN TÍCH GCN (m ²)	DIỆN TÍCH NHẬN BỒI THƯỜNG (m ²)	GHI CHÚ
11	BO-579061	CT07200	14/3/2014	DV NGOÀI KHU Ở 2	1609	24	Đất cơ sở SXKD-Dịch vụ ngoài khu ở	1.013,3	1.013,3	Thu hồi GCN
12	BO-579066	CT07205	14/3/2014	CÂY XANH, CÔNG VIÊN			Đất cơ sở văn hóa-Cây xanh	21.173,8	12.346,7	Chỉnh lý GCN
13	BO-579063	CT07202	14/3/2014	ĐẤT GIAO THÔNG			Đất giao thông	56.010,6	3.554,9	Chỉnh lý GCN
14	BO-579065	CT07204	14/3/2014	HLKT			Đất giao thông-HLKT	1.964,8	12,9	Chỉnh lý GCN
15	AN-721812	T00985/CN-2009	2/7/2009	5C68	1288;1287	24	Đất ở tại nông thôn	9.250,4	8.803,5	Chỉnh lý GCN
16	AN-721791	T00988/CN-2009	2/7/2009	5C71	1297;1298	24	Đất ở tại nông thôn	7.531,7	6.986,7	Chỉnh lý GCN
17	AN-721813	T00989/CN-2009	2/7/2009	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	1286;1671;1649	24;32;25	Trường học	30.060,6	30.060,6	Thu hồi GCN
18	AN-721700	T00990/CN-2009	2/7/2009	CX4	1284;1285;1672;479	24;32;31	Đất công viên cây xanh , mặt nước	1.460,8	448,2	Chỉnh lý GCN
19	AP-927915	T01032/CN-2009	2/7/2009	HLKT NGOÀI KHU		24	Đất giao thông, HLKT , đất hành lang sông thị tỉnh	412.845,3	10.531,1	Chỉnh lý GCN
			2/7/2009	HL SÔNG TT BỐ TRÍ CÂY XANH	627;970	30				
			2/7/2009	GIAO THÔNG						
20	BĐ-586526	CT00183	3/6/2011	5C68	1288;1287	24	Đất ở tại nông thôn	8.459,5	7.733,2	Chỉnh lý GCN
21	BĐ-586529	CT00183	3/6/2011	5C71	1297;1298	24	Đất ở tại nông thôn	818,2	818,2	Thu hồi GCN
22	BĐ-586530	CT00183	3/6/2011	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	1286;1649	24;25	Đất công trình công cộng	12.099,6	12.099,6	Thu hồi GCN

STT	SỐ GIẤY CHỨNG NHẬN	NGÀY CẤP	TÊN LÔ	SỐ THỬA	TỜ BĐ	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	DIỆN TÍCH GCN (m ²)	DIỆN TÍCH NHẬN BỒI THƯỜNG (m ²)	GHI CHÚ
23	 BD-586560	3/6/2011	Đất giao thông, đất hành lang kỹ thuật ngoài khu			Đất giao thông, HLKT ngoài khu	239.451,7	4.390,3	Chính lý GCN
24	 BD-586561	3/6/2011	Đất công viên cây xanh, mặt nước			Đất công viên, cây xanh, mặt nước	57.317,9	2.702,8	Chính lý GCN
TỔNG CỘNG							779.295,7	490.596,1	

NGUỒN GỐC CÁC THỬA ĐẤT ĐÃ ĐƯỢC BÒI THƯỜNG THUỘC DỰ ÁN TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT ĐỨC
(Kèm theo Quyết định số 284 /QĐ-UBND ngày 04 / 02 /2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



Số TT	Số HS	Họ & Tên	Số thửa	Tờ BĐ	Diện tích bồi thường (m2)	Diện tích thu hồi (m2)	Diện tích Lồng QH	Ghi chú		
1	TH1501	Phạm Xuân Duy	149A	25	116,0	116,0	182,3	Thu hồi GCN:AE-615425 ngày 31/08/06	Theo Báo cáo số 1161	
2	TH1544	Hồ Văn Nhiều	149B	25	215,0	215,0		Điều chỉnh GCN: 02206 QSDĐ/TH ngày 17/11/1999	Theo Báo cáo số 509	
3	TH1544	Hồ Văn Nhiều	150	25	583,0	642,0	640,7	Điều chỉnh GCN: 02206 QSDĐ/TH ngày 17/11/1999	Theo Báo cáo số 509	
4	TH1544	Hồ Văn Nhiều	148	25	406,0	406,0	405,6	Điều chỉnh GCN: 02206 QSDĐ/TH ngày 17/11/1999	Theo Báo cáo số 509	
5	TH1544	Hồ Văn Nhiều	151	25	353,0	423,0	423,1	Điều chỉnh GCN: 02206 QSDĐ/TH ngày 17/11/1999	Theo Báo cáo số 509	
6	TH1544	Hồ Văn Nhiều	200	25	370,0	370,0	369,7	Điều chỉnh GCN: 02206 QSDĐ/TH ngày 17/11/1999	Theo Báo cáo số 509	
7	TH1269	Trần Thanh Điền	1105	25	144,0	144,0	135,2	Đã điều chỉnh GCN:R-656382 ngày 09/04/01	Theo Báo cáo số 1161	
8	TH048	Lê Thị Ut	520A	25	150,0	150,0	887,3	Điều chỉnh GCN:N-680493 ngày 17/11/99	Theo Báo cáo số 1161	
9	TH958	Lê Văn Thuận	520	25	437,0	437,0		Điều chỉnh GCN:N-680439 ngày 17/11/99 do Bà Lê Thị Ut đứng tên	Theo Báo cáo số 1161	
10	TH670	Lê Thị Ut	973(520B)	25	300,0	300,0		Thu hồi GCN-680499 ngày 17/11/1999	Theo Báo cáo số 180	
11	TH1114	Vương Thị Chính	699A	25	870,0	870,0	972,1	ĐC GCN:N-558649 ngày 17/11/99 do Ô.Vương Văn Sura chết để lại	Theo Báo cáo số 500	kèm theo BBLV v/v xác nhận lịch ranh

Số TT	Số HS	Họ & Tên	Số thửa	Tờ BD	Diện tích bồi thường (m2)	Diện tích thu hồi (m2)	Diện tích Lồng QH	Ghi chú		
12	TH917	Võ Thị Gái	919; 922	25	1.421,0	1.421,0	1.599,7	ĐC GCN:N-558131 ngày 17/11/99	Theo Báo cáo số 500	kèm theo BBLV v/v xác nhận lịch ranh
13	TH928	Nguyễn Văn Thành	1006	25	646,0	646,0	747,2	ĐC GCN:X-568313 ngày 06/05/03	Theo Báo cáo số 500	kèm theo BBLV v/v xác nhận lịch ranh
14	TH872	Nguyễn Thị Bảy	1048	25	200,0	200,0	1.356,0	Chưa cấp GCN,XNNG	Theo Báo cáo số 500	kèm theo BBLV v/v xác nhận lịch ranh
15	TH875	Lữ Minh Hùng	1048	25	300,0	300,0		Chưa cấp GCN,XNNG	Theo Báo cáo số 500	
16	TH873	Lê Thị Đen	1048	25	300,0	300,0		Chưa cấp GCN,XNNG	Theo Báo cáo số 500	
17	TH874	Lê Thị Nhã	1048	25	300,0	300,0		Chưa cấp GCN,XNNG	Theo Báo cáo số 500	
18	TH569	Nguyễn Thị Bích Hạnh	946	25	434,0	434,0	942,4	Thu hồi GCN:AB-864114 ngày 21/03/05	Theo Báo cáo số 1161	
19		Đường đất	946	25	-	508,4		Đất do UBND phường Thới Hòa quản lý theo biên bản xét duyệt đất công ngày 06/6/2014		kèm theo BBXN đất công
20		Đất ao	716	24	-	34,9	34,9	Đất do UBND phường Thới Hòa quản lý theo biên bản xét duyệt đất công ngày 06/6/2014		kèm theo BBXN đất công
21		Đất ao	726	24	-	38,7	38,7	Đất do UBND phường Thới Hòa quản lý theo biên bản xét duyệt đất công ngày 06/6/2014		kèm theo BBXN đất công
22		Hành lang lộ giới	Không thửa	25	-	184,0	184,0			không bồi thường đất hành lang
Tổng diện tích					7.545,0	8.440,0	8.918,9			

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2305/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 10 tháng 9 năm 2015

CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG	
C. VẤN ĐẾN	Số: 4.189 Ngày: 15/9
Chuyến:	

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án xây dựng Trường Đại học Việt Đức tại Khu công nghiệp và Dân cư
Thới Hòa, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
của Ban Quản lý dự án xây dựng Trường Đại học Việt Đức**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án xây dựng Trường Đại học Việt Đức của Ban Quản lý dự án xây dựng Trường Đại học Việt Đức họp ngày 30 tháng 7 năm 2015 tại Hội trường Chi cục Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xây dựng Trường Đại học Việt Đức tại Khu công nghiệp và Dân cư Thới Hòa, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số 159/VC-DAĐHVĐ ngày 26 tháng 8 năm 2015 của Ban Quản lý dự án xây dựng Trường Đại học Việt Đức;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 612/TTr-STNMT ngày 03 tháng 9 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xây dựng Trường Đại học Việt Đức tại Khu công nghiệp và Dân cư Thới Hòa, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương được lập bởi Ban Quản lý dự án xây dựng Trường Đại học Việt Đức với các nội dung chủ yếu sau đây:

Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.1 Vị trí thực hiện: Khu công nghiệp và Dân cư Thới Hòa, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

1.2 Ngành nghề hoạt động: Giáo dục và Đào tạo (bao gồm xây dựng cơ sở hạ tầng Trường Đại học).

1.3 Quy mô: Tổng diện tích sử dụng đất 505.000m²;

+ Giai đoạn 1 (đến năm 2020) khoảng 5.000 sinh viên;

+ Giai đoạn 2 (năm 2030) khoảng 12.000 sinh viên.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1 Các yêu cầu về xử lý chất thải:

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt; nước thải phải được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, cột A (K = 1,0) trước khi thải ra môi trường;

- Khí thải phải được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT) trước khi thải ra môi trường;

- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT);

- Các chất thải rắn phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

- Chất thải nguy hại phải được quản lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

2.2 Các yêu cầu về phòng chống và khắc phục sự cố:

Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

2.3 Các yêu cầu về chế độ kiểm tra, giám sát nguồn thải:

- Tổ chức giám sát chất thải với tần suất tối thiểu 03 tháng 01 lần; giám sát môi trường xung quanh, môi trường lao động với tần suất tối thiểu 06 tháng 01 lần; định kỳ tổng hợp báo cáo giám sát môi trường gửi cơ quan quản lý nhà nước về môi trường với tần suất tối thiểu 01 lần/năm;

- Lắp đặt thiết bị giám sát lưu lượng và chất lượng nước thải tự động theo quy định tại Điều 28 và xây dựng điểm quan trắc nguồn thải đúng yêu cầu kỹ thuật tại Điều 29 của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 63/2012/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương;

- Lắp đặt thiết bị lấy mẫu nước thải tự động và hệ thống camera giám sát; kết nối các dữ liệu quan trắc, giám sát về trạm dữ liệu của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Các yêu cầu về chế độ thông tin, báo cáo

Sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, chủ dự án phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ. Cụ thể như sau:

- + Niêm yết thông tin về môi trường theo quy định.
- + Lập kế hoạch quản lý môi trường của dự án trên cơ sở chương trình quản lý và giám sát môi trường đã đề xuất theo quy định.
- + Thực hiện các yêu cầu của Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- + Tổ chức thực hiện biện pháp bảo vệ môi trường theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- + Thông báo bằng văn bản đến cơ quan chức năng về kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải phục vụ giai đoạn vận hành (từng giai đoạn hoặc toàn bộ dự án) trước khi tiến hành vận hành thử nghiệm ít nhất 10 ngày làm việc. Thời gian vận hành thử nghiệm không quá 06 tháng; việc kéo dài thời gian vận hành thử nghiệm phải được sự chấp thuận của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 3. Báo cáo bằng văn bản và chỉ được thực hiện những thay đổi liên quan đến phạm vi, quy mô, công suất, các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án sau khi có ý kiến chấp thuận của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 4. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 5. Ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra, giám sát, xem xét giải quyết các điều chỉnh và xác nhận việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát, Chủ đầu tư dự án Trường Đại học Việt Đức và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ: TN&MT, GD&ĐT;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở: TN&MT; XD;
- UBND thị xã Bến Cát;
- Chủ dự án;
- LĐVP (Nh, Lg), Tiến, TH;
- Lưu: VT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Nam

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3561 /QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 31 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao đất không thu tiền sử dụng đất cho Trường Đại học
Việt Đức (đợt 2) tại phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Kế hoạch sử dụng đất năm 2015 của thị xã Bến Cát được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4465/QĐ-UBND ngày 30/12/2014;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 171 /TTr-STNMT ngày 25/12/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao đất không thu tiền sử dụng đất cho Trường Đại học Việt Đức (đợt 1) tại phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, khu đất có đặc điểm như sau:

1. Tổng diện tích: 5.489,8m².
2. Mục đích sử dụng: Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo.
3. Vị trí, địa điểm khu đất: Tại thửa đất số 1047 tờ bản đồ số 25 thuộc phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
4. Thời gian sử dụng đất: Lâu dài.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 của Quyết định này, Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người sử dụng đất;

2. Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Bến Cát và Ủy ban nhân dân phường Thới Hòa xác định cụ thể mốc giới và bàn giao đất trên thực địa.

Điều 3. Trường Đại học Việt Đức có trách nhiệm:

1. Chấp hành đầy đủ các quy định về quản lý, sử dụng đất đúng mục đích và ranh giới;

2. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định của nhà nước;

3. Đến Ủy ban nhân dân phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát để đăng ký biến động đất đai theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Thới Hòa, Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Đức, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH Một thành viên và Thủ trưởng các ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này, kể từ ngày ký.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh./.

Nơi nhận:

- Sở TN&MT;
- Sở Tài chính; Cục Thuế;
- UBND thị xã Bến Cát;
- Trường Đại học Việt Đức;
- Tổng C.ty Becamex;
- LĐVP, Lâm;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Liêm

K/CS c Ngõ ra
06/11/2017

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ GD&ĐT - Vụ KHTC
CV ĐẾN Số: 1688/QĐ-TTg
Ngày: 01/11
K/c: OPA

Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2017

BỘ GD&ĐT - Vụ KHTC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẾN Số: 2554/Đ
Ngày: 01/11
Kính chuyển: Vụ KHTC
Xây dựng: Bộ Tài chính (b/c)
NB

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án “Xây dựng trường Đại học Việt - Đức”, vay vốn WB

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Xét đề nghị của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại các văn bản số: 375/TTr-BGDĐT ngày 02 tháng 6 năm 2017, 4445/BGDĐT-KHTC ngày 25 tháng 9 năm 2017, 5029/BGDĐT-KHTC ngày 26 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án “Xây dựng trường Đại học Việt - Đức” (Dự án), vay vốn Ngân hàng Thế giới (WB) với các nội dung như sau:

1. Gia hạn thời gian thực hiện Dự án đến hết ngày 30 tháng 11 năm 2020.

2. Điều chỉnh tổng mức đầu tư Dự án:

Giảm từ 200,6 triệu USD (vốn vay WB: 180,4 triệu USD, vốn đối ứng: 20,2 triệu USD) xuống còn 187,2 triệu USD (vốn vay WB: 168,2 triệu USD, vốn đối ứng 19 triệu USD).

3. Chủ Dự án: Ban Quản lý các Dự án, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 2. Bộ Giáo dục và và Đào tạo tiếp thu ý kiến của các cơ quan liên quan, trong đó lưu ý cắt giảm hoạt động chi thường xuyên sử dụng vốn vay, điều chỉnh Văn kiện Dự án; chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện Dự án bảo đảm sử dụng vốn vay hiệu quả, đúng mục tiêu và quy định về sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi.

Điều 3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện thủ tục điều chỉnh Hiệp định theo quy định.

Điều 4. Quyết định này điều chỉnh Quyết định số 760/TTg-QHQT ngày 12 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục Dự án Xây dựng trường Đại học Việt - Đức do WB tài trợ và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bộ trưởng các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp, Ngoại giao, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- TTg, các PTTg: Phạm Bình Minh, Vũ Đức Đam;
- Các Bộ: GD&ĐT, KH&ĐT, TC, TP, NG;
- NHNN VN;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ: TH, KTTH, KGVX;
- Lưu: VT, QHQT(3), TA. *15*



Phạm Bình Minh

Số: 1780/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án “Xây dựng Trường Đại học Việt Đức”, vay vốn Ngân hàng Thế giới

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 760/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh mục Dự án “Xây dựng Trường Đại học Việt Đức”, Quyết định số 1688/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án “Xây dựng Trường Đại học Việt Đức”, vay vốn Ngân hàng Thế giới;

Xét đề nghị của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1388/TTr-BGDĐT ngày 03 tháng 11 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án “Xây dựng Trường Đại học Việt Đức”, vay vốn Ngân hàng Thế giới (WB) để điều chỉnh thời gian thực hiện Dự án đến ngày 31 tháng 5 năm 2021.

Các nội dung khác giữ nguyên theo các Quyết định số: 760/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2010, 1688/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Bộ Giáo dục và Đào tạo:

- Thực hiện thủ tục điều chỉnh Quyết định đầu tư để gia hạn Dự án, trong đó rà soát để bảo đảm không gia hạn thời gian thực hiện đối với cấu phần chi thường xuyên sử dụng vốn vay của Dự án theo đúng Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài trong tình hình mới cho chi đầu tư phát triển, không vay cho chi thường xuyên.

- Phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định về việc hủy vốn dư của Dự án theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan khẩn trương thực hiện thủ tục gia hạn Hiệp định của Dự án với WB theo quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bộ trưởng các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tư pháp, Ngoại giao và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TTgCP, các PTTg: Phạm Bình Minh, Vũ Đức Đam;
- Các Bộ: GDĐT, KHĐT, TC, XD, TP, NG;
- Trường Đại học Việt Đức;
- VPCP: BTCN, PCN Mai Thị Thu Vân, Trợ lý Tổng thư ký;
các Vụ: KTTH, CN, KGVX, TH;
- Lưu: VT, QHQT (3).HN.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Phạm Bình Minh

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh (lần 2) Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Xây dựng Trường Đại học Việt Đức sử dụng vốn vay của Ngân hàng Thế giới

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 56/2016/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 2129/QĐ-BGDĐT ngày 27/5/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt dự án Xây dựng Trường Đại học Việt Đức sử dụng vốn vay của Ngân hàng Thế giới;

Căn cứ Hiệp định tín dụng số 4786-VN ký giữa Chính phủ Việt Nam và Hiệp hội phát triển quốc tế ngày 13/8/2010;

Căn cứ Quyết định số 1688/QĐ-TTg ngày 01/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trường Đại học Việt Đức sử dụng vốn vay của Ngân hàng Thế giới;

Căn cứ Quyết định số 4596/QĐ-BGDĐT ngày 02/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Xây dựng Trường Đại học Việt Đức sử dụng vốn vay của Ngân hàng Thế giới;

Căn cứ Công thư của Ngân hàng Thế giới ngày 01/12/2017 về việc đồng ý sửa đổi một số nội dung Hiệp định tín dụng số 4786-VN ký giữa Chính phủ Việt Nam và Hiệp hội phát triển quốc tế ngày 13/8/2010 và gia hạn thời gian thực hiện dự án đến ngày 30/11/2020;

Căn cứ Quyết định số 1780/QĐ-TTg ngày 11/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trường Đại học Việt Đức, vay vốn Ngân hàng Thế giới;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt điều chỉnh nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án Xây dựng Trường Đại học Việt Đức đã được phê duyệt tại Quyết định số 2129/QĐ-BGDĐT ngày 27/5/2010 và Báo cáo nghiên cứu khả thi (điều chỉnh)

đã được phê duyệt tại Quyết định số 4596/QĐ-BGDĐT ngày 02/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

Nội dung	Báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt và điều chỉnh tại Quyết định số 2129/QĐ-BGDĐT ngày 27/5/2010 và Quyết định số 4596/QĐ-BGDĐT ngày 02/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Điều chỉnh
Thời gian thực hiện dự án	Từ tháng 01/2010 đến hết ngày 30/11/2020	Từ tháng 01/2010 đến hết ngày 31/5/2021
Việc sử dụng vốn ODA cho các khoản chi thường xuyên thuộc thành phần 4 (Quản lý, giám sát và đánh giá dự án)	Không gia hạn thời gian thực hiện	

Điều 2: Các nội dung khác được giữ nguyên theo Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được phê duyệt tại Quyết định số 2129/QĐ-BGDĐT ngày 27/5/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Báo cáo nghiên cứu khả thi (điều chỉnh) đã được phê duyệt tại Quyết định số 4596/QĐ-BGDĐT ngày 02/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3: Ban quản lý các dự án Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Việt Đức, Ban Quản lý dự án Xây dựng Trường Đại học Việt Đức thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ban Quản lý dự án Trường Đại học Việt Đức có trách nhiệm triển khai, thực hiện dự án theo nội dung được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này trên cơ sở tuân thủ các quy định hiện hành của Chính phủ Việt Nam về quản lý và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và các quy định liên quan của Ngân hàng Thế giới.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Cục trưởng Cục Cơ sở vật chất, Giám đốc Ban Quản lý các dự án Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Ban Quản lý dự án Xây dựng Trường Đại học Việt Đức thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Đức, Giám đốc Ban Quản lý dự án

Trường Đại học Việt Đức và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- VPCP, Bộ TC, Bộ KHĐT;
- Ngân hàng NNVN;
- Các Vụ, Cục: CSVC, HTQT, TCCB;
- Lưu: VT, KHTC(05).





Ủy ban nhân dân tỉnh Bình
Dương
27.07.2021 15:15:47
+07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1863 /QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 27 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc trưng dụng tài sản của Trường Đại học Việt Đức (tại thị xã Bến Cát) làm Bệnh viện dã chiến điều trị bệnh nhân Covid-19 tỉnh Bình Dương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật phòng chống bệnh truyền nhiễm ngày 21/11/2007;

Căn cứ Luật trưng mua, trưng dụng tài sản ngày 03/6/2008;

Căn cứ Quyết định số 447/QĐ-TTg ngày 01/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Công bố dịch Covid-19;

Căn cứ Công điện số 541/CD-TTg ngày 23/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường thực hiện phòng, chống dịch bệnh COVID-19;

Xét Văn bản số 2593/SXD-KTKT ngày 26/7/2021 của Giám đốc Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trưng dụng tài sản của Trường Đại học Việt Đức (tại thị xã Bến Cát) làm Bệnh viện dã chiến điều trị bệnh nhân Covid-19 tỉnh Bình Dương như sau:

1. Họ và tên, chức vụ và đơn vị công tác của người ra quyết định trưng dụng tài sản: Ông Mai Hùng Dũng – Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Bình Dương.

2. Họ và tên, địa chỉ của người đang quản lý, sử dụng hợp pháp tài sản trưng dụng: Ông Lã Vương Bằng – Giám đốc Ban quản lý dự án xây dựng Trường Đại học Việt Đức.

Địa chỉ: 25 Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

3. Tên và người được giao quản lý, sử dụng tài sản trưng dụng: Sở Y tế tỉnh Bình Dương.

4. Mục đích và thời hạn trưng dụng:



- Mục đích trung dụng: Làm Bệnh viện dã chiến điều trị bệnh nhân Covid-19 tỉnh Bình Dương.

- Thời hạn trung dụng: Từ ngày 27/7/2021 đến khi kết thúc nhiệm vụ, hoạt động của đơn vị theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.

5. Tên, chủng loại, số lượng, hiện trạng của tài sản trung dụng:

- Toàn bộ công trình Ký túc xá 1, Ký túc xá 2, Nhà ăn, Nhà thi đấu TDTT, cơ sở vật chất, hạ tầng thuộc Trường Đại học Việt Đức tại phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát.

- Hiện trạng của tài sản: Còn tốt (chưa sử dụng).

Điều 2. Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh Covid-19 tỉnh, Sở Y tế chịu trách nhiệm:

1. Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh Covid-19 tỉnh: Thành lập Tổ kiểm tra, thống kê để bàn giao cơ sở vật chất, trang thiết bị tại công trình Ký túc xá 1, Ký túc xá 2, Nhà ăn, Nhà thi đấu TDTT của Trường Đại học Việt Đức để trung dụng làm bệnh viện dã chiến.

2. Sở Y tế:

- Quản lý, sử dụng tài sản trung dụng đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài chính và Ban quản lý dự án Xây dựng Trường Đại học Việt Đức, Trường Đại học Việt Đức và các đơn vị có liên quan chuẩn bị các điều kiện cần thiết để khẩn trương triển khai thành lập Bệnh viện dã chiến điều trị bệnh nhân COVID-19 tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh Covid-19 tỉnh; Giám đốc: Sở Y tế, Sở Xây dựng, Sở Tài chính; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc Ban quản lý dự án Xây dựng Trường Đại học Việt Đức; Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Đức; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát; Thủ trưởng các Sở, ngành, và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. /.

Nơi nhận:

- TT.TU;
- CT, PCT;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, KT, KGVX, TH, NC;
- Lưu: VT.



Số: 1580/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 04 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc hoàn trả tài sản trưng dụng
các công trình thuộc Trường Đại học Việt Đức**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm ngày 21/11/2007;

Căn cứ Luật Trưng mua, trưng dụng tài sản ngày 03/6/2008;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 2009/SXD-KTKT ngày 30/5/2022 về việc kiến nghị hoàn trả tài sản trưng dụng các công trình thuộc Trường Đại học Việt Đức và ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 2302/STC-QLGCS ngày 24/6/2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hoàn trả tài sản trưng dụng tại Quyết định số 1863/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc trưng dụng tài sản của Trường Đại học Việt Đức (tại thị xã Bến Cát) làm Bệnh viện dã chiến điều trị bệnh nhân Covid-19 tỉnh Bình Dương, như sau:

1. Tên đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản trưng dụng: Sở Y tế tỉnh Bình Dương.

2. Họ và tên, địa chỉ của người đang quản lý, sử dụng hợp pháp tài sản trưng dụng: Ban Quản lý dự án xây dựng Trường Đại học Việt Đức - đại diện ông Lã Vương Bằng.

3. Tên, chủng loại, số lượng, hiện trạng của tài sản trưng dụng

- Toàn bộ công trình Ký túc xá 1, Ký túc xá 2, Nhà ăn, Nhà thi đấu thể dục thể thao, cơ sở vật chất, hạ tầng thuộc Trường Đại học Việt Đức tại phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát;

- Hiện trạng của từng tài sản hoàn trả: hư hỏng, thiệt hại về trang thiết bị phục vụ các hạng mục công trình, ảnh hưởng đến tính thẩm mỹ công trình.

4. Thời gian và địa điểm hoàn trả tài sản:

- Thời gian hoàn trả: Từ thời điểm có hiệu lực của Quyết định này.

- Địa điểm hoàn trả: tại công trình Ký túc xá 1, Ký túc xá 2, Nhà ăn, Nhà thi

đầu thể dục thể thao, cơ sở vật chất, hạ tầng thuộc Trường Đại học Việt Đức.

Điều 2. Sở Tài chính, Sở Y tế, Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát, Ban Quản lý dự án xây dựng Trường Đại học Việt Đức, Trường Đại học Việt Đức và các sở, ban, ngành, doanh nghiệp có liên quan: Tổ chức hoàn trả tài sản trưng dụng theo quy định của pháp luật; Thống kê, quyết toán (nếu theo quy định phải thực hiện) tài sản, công cụ dụng cụ,... đã trang bị trong thời gian hoạt động của khu cách ly, khu điều trị bệnh nhân Covid-19 để có phương án xử lý, sắp xếp, phân bổ cho phù hợp và đúng mục đích sử dụng; Không để xảy ra tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm và tuyệt đối không để lãng phí, thất thoát ngân sách Nhà nước trong xử lý, sắp xếp, phân bổ các nguồn lực do ngân sách nhà nước đầu tư, từ nguồn vận động, ủng hộ và các nguồn lực khác có liên quan theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc: Sở Y tế, Sở Tài chính; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan; Ban Quản lý dự án xây dựng Trường Đại học Việt Đức, Trường Đại học Việt Đức; Thủ trưởng các Sở, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./. *ld*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT.TU;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, KT, KGVX, TH, NC;
- Lưu: VT, L. 9

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Mai Hùng Dũng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 5 tháng 10 năm 2022

BIÊN BẢN BÀN GIAO

Hoàn trả tài sản trưng dụng là cơ sở vật chất, trang thiết bị các tòa nhà Ký túc xá số 1, Ký túc xá số 2, nhà ăn, nhà thi đấu thể dục thể thao và hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án Đầu tư xây dựng Trường Đại học Việt Đức

Căn cứ Luật Trưng mua, trưng dụng tài sản năm 2008;

Căn cứ Quyết định số 1863/QĐ-UBND ngày 27/07/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc trưng dụng tài sản của Trường Đại học Việt Đức (tại thị xã Bến Cát) làm bệnh viện dã chiến điều trị bệnh nhân Covid-19 tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc hoàn trả tài sản trưng dụng các công trình thuộc Trường Đại học Việt Đức;

Hôm nay, ngày 5./10./2022, tại Trường Đại học Việt Đức, Phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản sau trưng dụng được thực hiện như sau:

A. THÀNH PHẦN THAM GIA BÀN GIAO TIẾP NHẬN

1. Tên đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản trưng dụng (Bên giao tài sản):

Sở y tế tỉnh Bình Dương

Đại diện Ông: Huỳnh Minh Chín, Phó giám đốc

Đại chi: Tầng 15, Tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, Phường Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

2. Tên, địa chỉ của người có tài sản trưng dụng, người đại diện hợp pháp hoặc người quản lý, sử dụng hợp pháp tài sản trưng dụng (Bên nhận tài sản):

Ban Quản lý dự án XD Trường ĐH Việt Đức (PMU)

Ông: Lã Vương Bằng, Đại diện Ban QLDA

Địa chỉ: 25 Tạ Quang Bửu, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội



Trường Đại học Việt Đức (VGU)

Ông: Hà Thúc Viên, Phó hiệu trưởng

Địa chỉ: Trường Đại học Việt Đức, P. Thới Hòa, TX. Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Tổng công ty xây dựng số 1 -CTCP

Ông Châu Quốc Long – Chỉ huy trưởng gói thầu CP42

Ông Chu Việt Hân – Chỉ huy trưởng gói thầu CP41

Công ty Cổ phần thiết bị cơ điện Thành Công

Ông Phạm Hồng Ngân– Chỉ huy trưởng

Công ty TNHH Bình Yên

Ông Trịnh Công Tuấn – Phó chỉ huy trưởng gói thầu GP1

Tổng công ty xây dựng Bạch Đằng

Ông Phạm Đình Tùng – Giám đốc Ban điều hành gói thầu CP1A

Công ty CP cơ điện lạnh Nam Thịnh

Ông Nguyễn Ngự Bình – Phó Chỉ huy trưởng gói thầu GP41

Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Phú Hưng

Ông Nguyễn Văn Thống–CHT gói thầu GP51, thành viên

B. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM HOÀN TRẢ

Ngày: 05/10/2022; địa điểm: Trường Đại học Việt Đức, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

C. NỘI DUNG BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

1. Tên, chủng loại, số lượng, hiện trạng của từng tài sản hoàn trả:

Tên, chủng loại, số lượng tài sản: Bảng thống kê tài sản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo phụ lục đính kèm.

Hiện trạng tài sản: Tài sản đã được sửa chữa và được các bên kiểm tra nghiệm thu theo biên bản đính kèm.

2. Trách nhiệm của các Bên giao nhận:

a) Trách nhiệm của bên giao

Kiểm đếm và bàn giao đầy đủ, đúng số lượng, chất lượng theo danh mục tài sản theo biên bản kiểm tra, thống kê tài sản bàn giao cơ sở vật chất, trang thiết bị và các phụ lục đính kèm.

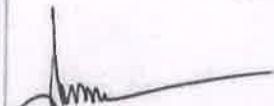
b) Trách nhiệm của bên nhận:

Kiểm đếm và tiếp nhận đầy đủ, đúng số lượng, chất lượng theo danh mục tài sản theo biên bản kiểm tra, thống kê tài sản bàn giao cơ sở vật chất, trang thiết bị và các phụ lục đính kèm.

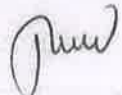
Kể từ ngày 05/10/2022, các tài sản cơ sở vật chất, trang thiết bị số thiết bị này sẽ do Bên nhận tài sản chịu trách nhiệm quản lý.

Biên bản này được lập thành 12 bản có giá trị pháp như nhau, Sở Y tế tỉnh Bình Dương giữ 02 bản, Ban QLDA 02 bản, Trường Đại học Việt Đức 02 bản, các đơn vị còn lại mỗi bên giữ 1 bản.

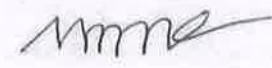
ĐẠI DIỆN TRƯỜNG ĐH VIỆT ĐỨC	ĐẠI DIỆN BAN QLDA XD TRƯỜNG ĐHVĐ	ĐẠI DIỆN SỞ Y TẾ TỈNH BÌNH DƯƠNG
 T. HÀ THỨC VIÊN Phó Hiệu Trưởng	 GIAM ĐỐC <i>Lã Vương Bằng</i> ĐẠI DIỆN CÁC NHÀ THẦU	 PHÓ GIÁM ĐỐC Huỳnh Minh Chín


Phạm Đình Tung


Chu Việt Hân


Trần Công Tuấn


Châu Quốc Long


Nguyễn Văn Thong


Nguyễn Ngọc Bình


Phạm Huy Ngân



Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy



7 425846 150016 46

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT ĐỨC

Quyết định thành lập trường số 1196/QĐ-TTg ngày 01/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ
Địa chỉ: Tòa nhà 9, trong khuôn viên Đại học Quốc tế Miền Đông, đường Lê Lai, phường
Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BV 395391

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 1798, tờ bản đồ số: 25
b) Địa chỉ: phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
c) Diện tích: 57.600,7m² (bằng chữ: Năm mươi bảy ngàn sáu trăm phẩy bảy mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: Riêng 57.600,7m², chung: không m²
đ) Mục đích sử dụng: Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo
e) Thời hạn sử dụng: Lâu dài
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Thừa đất có 1.007,8m² đất thuộc hành lang an toàn đường bộ thực hiện theo các quy định hiện hành về bảo vệ hành lang an toàn đường bộ.

III. Sơ đồ thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

DIỆN TÍCH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QSDĐ

Bình Dương, ngày 13 tháng 3 năm 2015
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TUQ. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Phạm Danh

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Số vào sổ cấp GCN: CT09846

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



742584615001646

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT ĐỨC

Quyết định thành lập trường số 1196/QĐ-TTg ngày 01/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ
Địa chỉ: Tòa nhà 9, trong khuôn viên Đại học Quốc tế Miền Đông, đường Lê Lai, phường
Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

BV 395392

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thửa đất số: 1800, tờ bản đồ số: 25
b) Địa chỉ: phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
c) Diện tích: 402.670,7 m² (bằng chữ: Bốn trăm lẻ hai ngàn sáu trăm bảy mươi phẩy bảy mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: Riêng 402.670,7m², chung: không m²
đ) Mục đích sử dụng: Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo
e) Thời hạn sử dụng: Lâu dài
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Riêng sản xuất là riêng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Thửa đất có 1.051,6m² đất thuộc hành lang an toàn đường bộ thực hiện theo các quy định hiện hành về bảo vệ hành lang an toàn đường bộ.



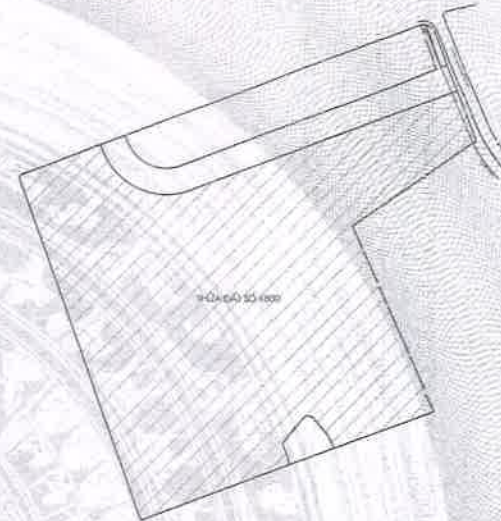
Bình Dương, ngày 17, tháng 5, năm 2015

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TUQ. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Pham Danh

III. Sơ đồ thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



☐ DIỆN TÍCH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QSDĐ

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
	

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



742584615001646

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT ĐỨC

Quyết định thành lập trường số 1196/QĐ-TTg ngày 01/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ
Địa chỉ: Tòa nhà 9, trong khuôn viên Đại học Quốc tế Miền Đông, đường Lê Lai, phường
Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BV 395393

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 1804, tờ bản đồ số: 25
b) Địa chỉ: phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
c) Diện tích: 39.243,6m² (bằng chữ: Ba mươi chín ngàn hai trăm bốn mươi ba phẩy sáu mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: Riêng 39.243,6m², chung: không m²
đ) Mục đích sử dụng: Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo
e) Thời hạn sử dụng: Lâu dài
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

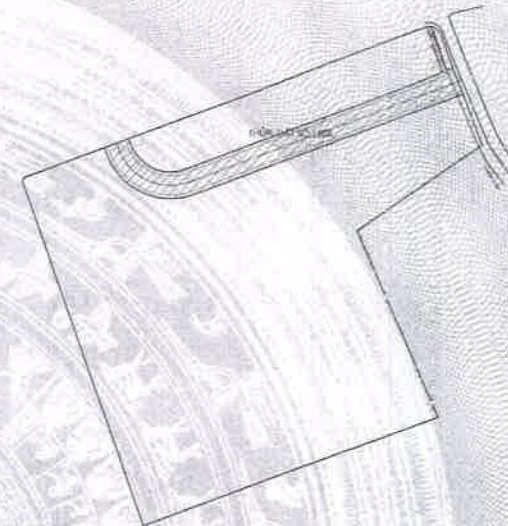
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Thửa đất thuộc kênh và hành lang bảo vệ kênh.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Bình Dương, ngày 17 tháng 5 năm 2015

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TU. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Phạm Danh

Số vào sổ cấp GCN: CT09848

Số: 18 /TB-ĐHVD

Bình Dương, ngày 28 tháng 9 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc di dời trụ sở làm việc

Trường Đại học Việt Đức được thành lập theo Quyết định số 1196/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ; trú đóng tại Bình Dương và tổ chức đào tạo các bậc học tại Bình Dương và TP. Hồ Chí Minh.

Trên cơ sở Dự án xây dựng khuôn viên Trường Đại học Việt Đức bằng nguồn vốn vay ưu đãi của Ngân hàng Thế giới đã hoàn thành, Trường Đại học Việt Đức thông báo, kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2022, nhà trường chính thức chuyển đến cơ sở mới xây tại Đường Vành đai 4, khu phố 4, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Số điện thoại giao dịch, số fax và các thông tin khác về Trường Đại học Việt Đức không thay đổi.

Trường Đại học Việt Đức thông báo đến quý cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân được biết để thuận tiện liên hệ trong công việc.

Trân trọng./

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT;
- Đối tác, khách hàng, CBCNV;
- Website;
- Lưu: VT.



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT ĐỨC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 243 / ĐHVĐ
V/v: Thông báo xả thải tại Trạm
XLNT của ĐH Việt Đức

Bình Dương, ngày 01 tháng 11 năm 2022

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG	
Kính gửi:	
ĐẾN	Số: 15083
	Ngày: 04/11/2022
Chuyển:	
Số và ký hiệu HS:	

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương
- Trung tâm Quan trắc Kỹ thuật Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương

Hiện nay, trường Đại học Việt Đức đã chuyển về hầu hết mọi hoạt động về Cơ sở mới ở Khu phố 4, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Hệ thống xử lý nước thải (XLNT) tại Cơ sở mới cũng đã đi vào hoạt động và xả thải trở lại.

Vì vậy, trường Đại học Việt Đức xin thông báo đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương và Trung tâm Quan trắc Kỹ thuật Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương về việc xả thải trở lại tại trạm XLNT trong khuôn viên của Nhà trường.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

 TS. Hà Thúc Viên

Số: *4.7.7* - RSH/HĐ – KT/23

HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải sinh hoạt của Trường Đại học Việt Đức.

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 (chứng nhận thay đổi lần thứ 17 ngày 05/05/2022) cho Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX , của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 3 ngày 17/12/2021 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 20 tháng 02 năm 2023.
- Căn cứ Quyết định số 1196/QĐ-TTg ngày 01 tháng 09 năm 2008 về việc thành lập Trường Đại học Việt Đức.
- Căn cứ theo nhu cầu của Trường Đại học Việt Đức.

Hôm nay, ngày 01 tháng 03 năm 2023 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT ĐỨC

Địa chỉ: Đường Lê Lai, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0274 2220990

Fax : 0274 2220980

Tài khoản số: 9523.1.1023505 tại Kho bạc Nhà nước Tp. HCM

3714.0.1023505 tại Kho bạc Nhà nước Tp. HCM

3713.0.1023505 tại Kho bạc Nhà nước Tp. HCM

Mã số thuế: 0309102769

[Chữ ký]

Do Ông/Bà: **Hà Thúc Viên**

Chức vụ: Phó Hiệu Trưởng làm đại diện

Mã khách hàng: 0309102769BC00

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty: Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ chi nhánh : Thửa đất số 1093, tờ bản đồ số 29 Khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa , thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274. 6564528/29

Fax: 02743.542907

Tên tài khoản: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Tài khoản số 1: 6501.0000069090 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương

Tài khoản số 2: 0841.000087337 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam- CN Bắc Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông: **Ngô Chí Thắng**

Chức vụ: Giám đốc CN Làm Đại Diện

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt của bên A.

1.2. Điều kiện lưu chứa

- Chất thải sinh hoạt được bên A thu gom, phân loại và lưu chứa trong các thùng chứa hoặc bao bì riêng biệt, đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn chất thải theo quy định và tập trung trong kho chứa có mái che. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.
- Nếu xảy ra tình trạng chất thải ngoài quy định của hợp đồng (chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải công nghiệp từ hoạt động sản xuất) để chung với chất thải sinh hoạt, bên B có quyền từ chối thu gom chất thải (hai bên lập biên bản xác nhận sự việc), bên A có trách nhiệm thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển tương ứng một chuyến vận chuyển theo hợp đồng.

1.3. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: thu gom từ thứ 02 đến thứ 07 hàng tuần (trừ ngày lễ và ngày tết).
- Địa điểm giao nhận: tại Trường Đại học Việt Đức (Địa chỉ: Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam).

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá chất thải sinh hoạt được thể hiện cụ thể trong bảng sau :

Stt	Loại chất thải	Khối lượng	Đơn giá Xử Lý	Đơn giá vận chuyển	Tổng đơn giá (đồng/tháng)
-----	----------------	------------	---------------	--------------------	---------------------------



		(kg/tháng)	(đồng/tháng)	(đồng/tháng)	
01	Chất thải sinh hoạt: rác từ nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng.	5.000	4.000.000	12.000.000	16.000.000

- Ghi chú:**
- Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT.
 - Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản.
 - Thu gom dưới 10 điểm tập kết rác trong khuôn viên Trường Đại học Việt Đức theo hướng dẫn của người quản lý.
 - Trong quá trình thu gom, vận chuyển chất thải tại các điểm trong khuôn viên của Trường, bên B sẽ không chịu trách nhiệm đối với các trường hợp nước rỉ rác rơi vãi, gây mùi hôi, sụp cống và vỡ đường ống nước do xe di chuyển.

2.2. Phương thức thanh toán

- Hàng tháng bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A.
- Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn GTGT do bên B phát hành tại website: www.biwase.com.vn (định kỳ hàng tháng bên A vui lòng đăng nhập để nhận hóa đơn GTGT).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Nguyễn Thị Đoan Trang	trang.ntd@vgu.edu.vn	0934.882.660

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.

2.3. Điều chỉnh đơn giá:

Trong một số trường hợp sau đây có thể xem xét điều chỉnh đơn giá của hợp đồng:

- Điều chỉnh giá theo các quy định của ngành.
- Thay đổi đột biến về khối lượng hoặc quy mô so với hợp đồng đã ký (mức thay đổi trên 10%)
- Thay đổi tần suất thu gom rác.
- Thay đổi địa điểm giao rác.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Được quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.

- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Thực hiện các quy định về phân loại rác tại nguồn, không được đưa các loại chất thải nguy hại, chất thải không hợp pháp, chất thải có thể gây cháy, nổ, chất thải công nghiệp từ hoạt động sản xuất vào chung chất thải sinh hoạt.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 02.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Giao rác đúng thời gian và đặt tại vị trí thỏa thuận, nơi lưu chứa phải thuận lợi cho phương tiện vận chuyển di chuyển vào thu gom.
- Cử người ký xác nhận việc thu gom chất thải khi bên B đến thu gom.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 3 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 02.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
 - + Tạm ngưng thu gom chất thải do bên A vi phạm hợp đồng.
 - + Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại Điều 2 – Khoản 2.2.
 - + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
 - + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

- Bố trí nhân sự, phương tiện đến nhận chất thải của bên A giao theo đúng thời gian thỏa thuận và đảm bảo các quy định vệ sinh đô thị. Phương tiện vận chuyển được trang bị bảo đảm vệ sinh môi trường, bảo đảm thu dọn sạch sẽ chất thải rơi vãi ngay sau khi thu gom.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- 4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.
- 4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- 5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 20 tháng 02 năm 2025. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.
- 5.2 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.
- 5.3 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và không còn nghĩa vụ nào thì hợp đồng này xem như được thanh lý.
- 5.4 Hợp đồng bao gồm 05 (năm) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.



Ngô Chí Thắng

Số: ~~601~~ -RNH/HĐ – KT/23

HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải nguy hại cho Trường Đại học Việt Đức.

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 (chứng nhận thay đổi lần thứ 17 ngày 05/05/2022) cho Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX , của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 3 ngày 17/12/2021 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Cty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 20 tháng 02 năm 2023.
- Căn cứ theo bảng phân định chất thải nguy hại ngày 10 tháng 04 năm 2023 của Trường Đại học Việt Đức.
- Căn cứ Quyết định số 1196/QĐ-TTg ngày 01 tháng 09 năm 2008 về việc thành lập Trường Đại học Việt Đức.
- Căn cứ theo nhu cầu của Trường Đại học Việt Đức.

Hôm nay, ngày 19 tháng 04 năm 2023 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT ĐỨC

Địa chỉ: Đường Lê Lai, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0274 2220990

Fax : 0274 2220980

Tài khoản số: 9523.1.1023505 tại Kho bạc Nhà nước Tp. HCM

3714.0.1023505 tại Kho bạc Nhà nước Tp. HCM

3713.0.1023505 tại Kho bạc Nhà nước Tp. HCM

Mã số thuế: 0309102769

Do Ông/Bà: **Hà Thúc Viên**

Chức vụ: Phó Hiệu Trưởng làm đại diện 

Mã khách hàng: 0309102769BC00.

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty: Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ chi nhánh: Thửa đất số 1093 tờ bản đồ số 29 Khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274. 6564528/29

Fax: 02743.542907

Tên tài khoản: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Tài khoản số 1: 6501.0000069090 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương

Tài khoản số 2: 0841.000087337 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam-CN Bắc Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông **NGÔ CHÍ THĂNG**

Chức vụ: Giám đốc CN Làm Đại Diện

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động sản xuất của bên A.

1.2. Điều kiện lưu chứa:

- Chất thải nguy hại (CTNH) được bên A thu gom, phân loại, lưu giữ đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định hiện hành trước khi giao cho Bên B. Chất thải nguy hại lưu chứa trong các bao bì, thiết bị đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn CTNH và tập trung trong kho chứa có mái che. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.
- Nếu lô hàng chất thải nguy hại chuẩn bị chuyển giao mà để lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục Chất thải nguy hại chuyển giao đính kèm hợp đồng thì Bên B sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ lô hàng bị lẫn đó.

1.3. Phương thức xác định khối lượng

- Khối lượng chất thải là tổng của khối lượng của từng loại chất thải và bao bì lưu chứa loại chất thải đó.
- Khối lượng chất thải được xác định bằng cân tại kho bên A có xác nhận của bên B. Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của bên B.

1.4. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: Thu gom theo yêu cầu của bên A, báo trước cho bên B 02 ngày làm việc. Tối thiểu 01 lần/02 tháng (trừ ngày lễ và ngày tết)
- Địa điểm giao nhận: tại Trường Đại học Việt Đức (Địa chỉ: Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam).

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá của từng loại chất thải được thể hiện trong bảng sau:

Stt	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Phương pháp xử lý	Đơn giá xử lý (đồng/kg)	Đơn giá vận chuyển (đồng/lần)
01	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	Phá dỡ - Tẩy rửa	10.000	800.000
02	Dầu nhớt tổng hợp thải	Lỏng	17 02 04	Thiêu đốt	4.000	
03	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	Hoá rắn/ Chôn	15.000	
04	Giẻ lau, bao tay dính thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	Thiêu đốt	4.000	
05	Bao bì kim loại dính thành phần nguy hại	Rắn	18 01 02	Thiêu đốt/ Tẩy rửa	3.000	
06	Bao bì nhựa dính thành phần nguy hại	Rắn	18 01 03	Thiêu đốt/ Tẩy rửa	3.000	
07	Thiết bị điện tử thải	Rắn	19 02 05	Phá dỡ - Thiêu đốt	8.000	
08	Hoá chất vô cơ và hữu cơ thải	Rắn/ Lỏng	19 05 02	Thiêu đốt	4.000	

Ghi chú: - Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT.

- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản

2.2. Phương thức thanh toán

- Căn cứ vào khối lượng chất thải được thu gom thực tế, bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A.
- Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn GTGT do bên B phát hành tại website: www.biwase.com.vn (định kỳ bên A vui lòng đăng nhập để nhận hóa đơn GTGT).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Nguyễn Thị Đoan Trang	trang.ntd@vgu.edu.vn	0934.882.660

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử. 

- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.
- Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn ghi hợp đồng này thì Bên B sẽ ngưng thu gom chất thải cho Bên A đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Được quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Chịu trách nhiệm phân định, phân loại, xác định số lượng chất thải nguy hại theo quy định.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 2. Theo định kỳ, căn cứ vào lịch thu gom đã thỏa thuận tại Điều 1- khoản 1.4, bên B đến thu gom chất thải mà bên A không giao chất thải thì bên A phải chịu chi phí vận chuyển đã thỏa thuận tại Điều 2- Khoản 2.1 cho lần đến vận chuyển đó.
- Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Cử người cân xác định khối lượng và giao nhận chất thải.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 3 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 2.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau : 

- + Tạm ngưng thu gom chất thải do bên A vi phạm hợp đồng.
- + Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại Điều 2 – Khoản 2.2.
- + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
- + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.
- Từ chối tiếp nhận loại CTNH không đúng với thông tin Danh mục CTNH quy định tại Điều 2 của hợp đồng.
- Từ chối tiếp nhận CTNH nếu không được lưu chứa trong bao bì, thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý; có khả năng không đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

- Đảm bảo việc thu gom, vận chuyển, xử lý các loại CTNH theo Danh mục CTNH quy định tại Điều 2 hợp đồng đúng theo các nội dung của Giấy phép xử lý CTNH được cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Bên B có trách nhiệm giữ vệ sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải đã được bên A giao theo quy định.
- Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- 4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.
- 4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- 5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 20 tháng 02 năm 2025. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.
- 5.2 Trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.

5.3 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và không còn nghĩa vụ nào thì hợp đồng này xem như được thanh lý.

5.4 Hợp đồng bao gồm 06 (sáu) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

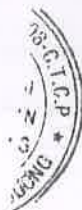


TS. HÀ THỨC VIÊN
Phó Hiệu Trưởng

ĐẠI DIỆN BÊN B



Ngô Chí Thưởng



Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2021

Kính gửi: Ban Quản lý dự án xây dựng Trường Đại học Việt Đức,
Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy số 407/TD-PCCC-P6 ngày 04 tháng 02 năm 2016, các văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy điều chỉnh số 2655/PCCC&CNCH-P4 ngày 19 tháng 12 năm 2019 và số 1011/TD-PCCC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH);

Xét hồ sơ và các văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số 26/DADHVĐ-XD ngày 09 tháng 3 năm 2021 và số 69/DADHVĐ-XD ngày 21 tháng 6 năm 2021 và văn bản báo cáo giải trình số 93/DADHVĐ-XD ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Ban Quản lý dự án xây dựng Trường Đại học Việt Đức, Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Người đại diện theo pháp luật là ông/bà: Lã Vương Bằng; Chức vụ: Giám đốc;

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH cùng các đơn vị liên quan và biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 21 tháng 7 năm 2021 kèm theo Công văn số 378/BC-PC07-CTPC ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Bình Dương;

Cục Cảnh sát PCCC và CNCH chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của công trình Trường Đại học Việt Đức với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: Phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án xây dựng Trường Đại học Việt Đức, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đơn vị tư vấn giám sát: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Apave châu Á - Thái Bình Dương.

Đơn vị thi công: Liên danh Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đằng - CTCP và Công ty Cổ phần Sáng Ban Mai; Công ty Cổ phần Vinaconex 6; Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phúc Lộc; Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24; Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam; Công ty Cổ phần Xây dựng công trình An Gia Phát; Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP; Tổng Công ty Xây



dựng Hà Nội - CTCP; Công ty Cổ phần Thiết bị cơ điện Thành Công; Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh Nam Thịnh và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bình Yên.

Quy mô công trình:

- Trường Đại học Việt Đức được xây dựng trên khu đất có diện tích khoảng 505.000 m², có quy mô đào tạo khoảng 5.000 sinh viên với 17 hạng mục chính bao gồm: nhà Trung tâm, nhà Triển lãm, nhà Hành chính, nhà Hội trường, nhà Giảng đường, nhà Thư viện, nhà ăn, nhà Thi đấu thể thao, 02 Ký túc xá sinh viên, khu nhà ở giảng viên, nhà khách, các nhà Học thuật 1, 2, 3, 5, 6.

+ Hạ tầng kỹ thuật gồm: Đường giao thông, hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà kết nối với trạm bơm chữa cháy của công trình.

+ Nhà Trung tâm có diện tích xây dựng khoảng 2.336 m², gồm khu xử lý nước thải, khu vực theo dõi hệ thống báo cháy tự động, trạm máy phát điện và trạm bơm cấp nước chữa cháy của trường.

+ Nhà Triển lãm có diện tích xây dựng khoảng 3.081 m², gồm 02 tầng nổi, chiều cao từ cốt sàn tầng 1 đến đỉnh mái khoảng 9 m, bố trí công năng chính các tầng: tầng 1 bố trí sảnh khu vực triển lãm, phòng nhập hàng, phòng thông tin liên lạc, kho và phòng kỹ thuật; tầng 2 bố trí các phòng máy; tum kỹ thuật.

+ Nhà Hành chính có diện tích xây dựng khoảng 4.840 m², gồm 06 tầng nổi, chiều cao từ cốt sàn tầng 1 đến đỉnh mái khoảng 33,6 m, bố trí công năng chính các tầng: tầng 1 bố trí sảnh, bãi đỗ xe và phòng kỹ thuật; tầng 2 bố trí làm việc, phòng học, phòng họp, phòng ăn, phòng bếp và phòng kỹ thuật; tầng 3 bố trí phòng học, phòng thực hành, phòng họp, phòng nhân viên, phòng làm việc và phòng kỹ thuật; tầng 4 bố trí phòng hội thảo, phòng học, phòng nhân viên, phòng họp, phòng làm việc và phòng kỹ thuật; tầng 5, tầng 6 bố trí phòng họp, phòng làm việc và phòng kỹ thuật; tum kỹ thuật.

+ Nhà Hội trường có diện tích xây dựng khoảng 2.794 m², gồm 02 tầng nổi, chiều cao từ cốt sàn tầng 1 đến đỉnh mái khoảng 18 m, bố trí công năng chính các tầng: tầng 1 bố trí hội trường, phòng vé và thông tin, phòng cơ khí, phòng làm việc, phòng y tế, phòng bệnh nhân, kho và phòng kỹ thuật; tầng 2 bố trí ban công hội trường, phòng sinh viên, kho và phòng kỹ thuật; tum kỹ thuật.

+ Nhà Giảng đường có diện tích xây dựng khoảng 3.632 m², gồm 06 tầng nổi, chiều cao từ cốt sàn tầng 1 đến đỉnh mái khoảng 32 m, bố trí công năng chính các tầng: tầng 1 bố trí sân trong nhà, phòng làm việc, phòng sơ cứu và phòng kỹ thuật; tầng 2 bố trí phòng dụng cụ, phòng cơ khí, phòng hội thảo và phòng kỹ thuật; tầng 3 bố trí phòng hội thảo, kho và phòng kỹ thuật; tầng 4 đến tầng 6 bố trí phòng hội thảo, phòng hội trường, kho và phòng kỹ thuật; tum kỹ thuật.

+ Nhà Thư viện có diện tích xây dựng khoảng 2.633 m², gồm 04 tầng nổi, chiều cao từ cốt sàn tầng 1 đến đỉnh mái khoảng 18 m, bố trí công năng chính các tầng: tầng 1 bố trí phòng cấp cứu, phòng nghỉ bệnh nhân, phòng trà sách, phòng văn thư, khu vực cà phê, phòng cơ khí, phòng hội nghị, phòng nhân viên, kho và phòng kỹ thuật; tầng 2 bố trí phòng họp, phòng làm việc, phòng in ấn (lưu trữ),

phòng trưng bày, kho và phòng kỹ thuật; tầng 3 bố trí phòng học, phòng làm việc, phòng đọc sách, kho và phòng kỹ thuật; tầng 4 bố trí phòng đọc sách và phòng kỹ thuật; tum kỹ thuật.

+ Nhà ăn có diện tích xây dựng khoảng 1.736 m², gồm 03 tầng nổi, chiều cao từ cốt sàn tầng 1 đến đỉnh mái khoảng 15 m, bố trí công năng chính các tầng: tầng 1 bố trí bếp, trạm cấp LPG trung tâm, phòng ăn, kho và phòng kỹ thuật; tầng 2 bố trí bếp, khu vực ngồi ăn, kho và phòng kỹ thuật; tầng 3 bố trí khu vực ngồi ăn và phòng kỹ thuật; tum kỹ thuật.

+ Nhà Thi đấu thể thao có diện tích xây dựng khoảng 4.512 m², gồm 02 tầng nổi, chiều cao từ cốt sàn tầng 1 đến đỉnh mái khoảng 12 m, bố trí công năng chính các tầng: tầng 1 bố trí sảnh, nhà thi đấu (thông 2 tầng), phòng tắm, thay đồ, tủ đồ, phòng y tế, quầy phục vụ, bếp, kho và phòng kỹ thuật; tầng 2 bố trí phòng làm việc, phòng học, huấn luyện, phòng truyền thông, đào tạo và phòng kỹ thuật; tum kỹ thuật.

+ Ký túc xá 1 và Ký túc xá 2 quy mô giống nhau, có diện tích xây dựng khoảng 2.674 m², gồm 07 tầng nổi, chiều cao từ cốt sàn tầng 1 đến đỉnh mái khoảng 29 m, bố trí công năng chính các tầng: tầng 1 bố trí khu giải trí, phòng y tế, phòng dữ liệu và phòng kỹ thuật; tầng 2 bố trí phòng ký túc xá, khu giải trí, phòng dữ liệu, phòng giặt, bếp và phòng kỹ thuật; tầng 3 đến tầng 5 bố trí phòng ký túc xá, khu giải trí, phòng giặt, bếp và phòng kỹ thuật; tầng 6 bố trí phòng ký túc xá, khu giải trí và phòng kỹ thuật; tầng 7 bố trí phòng ký túc xá, khu giải trí, phòng dữ liệu và phòng kỹ thuật; tum kỹ thuật.

+ Khu nhà ở giảng viên là khu nhà ở biệt thự đơn lập và khu biệt thự song lập, bao gồm 05 biệt thự đơn lập 01 tầng nổi, cao 3,2 m và 03 biệt thự song lập 01 tầng, cao 3,2 m.

+ Nhà khách có diện tích xây dựng khoảng 120 m², gồm 02 tầng nổi, chiều cao từ cốt sàn tầng 1 đến đỉnh mái khoảng 08 m, bố trí phòng khách và phòng kỹ thuật.

+ Nhà Học thuật số 1 (khoa Đại cương) có diện tích xây dựng khoảng 1.917 m², gồm 05 tầng nổi, chiều cao từ cốt sàn tầng 1 đến đỉnh mái khoảng 32 m, bố trí công năng chính các tầng: tầng 1 bố trí sảnh, khu vực để xe đạp, phòng thực hành, phòng họp, kho và phòng kỹ thuật; tầng 2 bố trí phòng học, văn phòng, phòng thực hành, phòng nhân viên và phòng kỹ thuật; tầng 3 bố trí phòng học, thư viện, phòng thực hành, phòng hội nghị, kho và phòng kỹ thuật; tầng 4 bố trí văn phòng, phòng thí nghiệm, phòng học, phòng nhân viên và phòng kỹ thuật; tầng 5 bố trí văn phòng, phòng hội nghị, phòng nhân viên, phòng học và phòng kỹ thuật; tum kỹ thuật.

+ Nhà Học thuật số 2 (khoa Kỹ thuật chế biến và Môi trường) có diện tích xây dựng khoảng 1.486 m², gồm 05 tầng nổi, chiều cao từ cốt sàn tầng 1 đến đỉnh mái khoảng 32 m (, bố trí công năng chính các tầng: tầng 1 bố trí sảnh, phòng thực hành, phòng học, khu vực để xe đạp và phòng kỹ thuật; tầng 2 bố trí văn phòng, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, phòng hội nghị, phòng nhân viên, phòng học,



kho và phòng kỹ thuật; tầng 3 bố trí phòng nghiên cứu, phòng hội nghị, phòng nhân viên, phòng học, văn phòng và phòng kỹ thuật; tầng 4, tầng 5 bố trí văn phòng, phòng hội nghị, phòng nhân viên, phòng thí nghiệm, phòng học, kho và phòng kỹ thuật; tum kỹ thuật.

+ Nhà Học thuật số 3 (khoa Kỹ thuật điện và Công nghệ thông tin) có diện tích xây dựng khoảng 1.486 m², gồm 05 tầng nổi, chiều cao từ cốt sàn tầng 1 đến đỉnh mái khoảng 31 m, bố trí công năng chính các tầng: tầng 1 bố trí sảnh, phòng thực hành, phòng học và phòng kỹ thuật; tầng 2 bố trí văn phòng, phòng học, phòng máy chủ, phòng thí nghiệm, phòng nhân viên, phòng thực hành, phòng họp và phòng kỹ thuật; tầng 3 bố trí phòng thí nghiệm, phòng giảng dạy, văn phòng, phòng học, phòng nhân viên, phòng hội nghị và phòng kỹ thuật; tầng 4, tầng 5 bố trí văn phòng, phòng học, phòng thí nghiệm, kho và phòng kỹ thuật.

+ Nhà Học thuật số 5 (khoa Kỹ thuật cơ khí và Sản xuất) có diện tích xây dựng khoảng 2.566 m², gồm 05 tầng nổi, chiều cao từ cốt sàn tầng 1 đến đỉnh mái khoảng 32 m, bố trí công năng chính các tầng: tầng 1 bố trí sảnh, khu vực để xe đạp, phòng giảng dạy và phòng kỹ thuật; tầng 2 bố trí văn phòng, phòng giảng dạy, phòng hội nghị, phòng học và phòng kỹ thuật; tầng 3 bố trí văn phòng, phòng nhân viên, phòng hội nghị, phòng học và phòng kỹ thuật; tầng 4, tầng 5 bố trí văn phòng, phòng nhân viên, phòng học phòng hội nghị và phòng kỹ thuật; tum kỹ thuật.

+ Nhà Học thuật số 6 (khoa Kỹ thuật xây dựng) có diện tích xây dựng khoảng 2.242 m², gồm 05 tầng nổi, chiều cao từ cốt sàn tầng 1 đến đỉnh mái khoảng 32 m, bố trí công năng chính các tầng: tầng 1 bố trí sảnh, khu vực để xe đạp, phòng học, phòng thí nghiệm, kho và phòng kỹ thuật; tầng 2 bố trí văn phòng, phòng thực hành, phòng hội nghị, phòng nhân viên, phòng thí nghiệm, phòng học và phòng kỹ thuật; tầng 3 bố trí phòng thí nghiệm phòng giảng dạy, phòng nhân viên, văn phòng, phòng hội nghị, phòng thực nghiệm, phòng học và phòng kỹ thuật; tầng 4, tầng 5 bố trí văn phòng, phòng nhân viên, phòng hội nghị và phòng kỹ thuật; tum kỹ thuật.

- Các hệ thống, giải pháp phòng cháy và chữa cháy: Hệ thống báo cháy địa chỉ EST3 hãng Edwards-UTC/Mỹ lắp đặt cho các hạng mục công trình, sử dụng tủ trung tâm báo cháy loại 250 địa chỉ/loop, trong đó nhà Trung tâm, nhà ăn, nhà khách lắp đặt 01 tủ loại 01 loop, nhà Triển lãm, nhà Hội trường lắp đặt 01 tủ loại 02 loop, nhà Giảng đường, nhà Thư viện, nhà Thi đấu thể thao, nhà Học thuật lắp đặt 01 tủ loại 04 loop, nhà Hành chính lắp đặt 01 tủ loại 06 loop, Ký túc xá sinh viên lắp đặt 01 tủ loại 10 loop; Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn lắp đặt trên đường, lối ra thoát nạn các hạng mục công trình; Hệ thống hút khói hành lang, cung cấp không khí từ bên ngoài vào khoang đệm thang bộ N3, giếng thang máy thông thường, khoang đệm và giếng thang máy chữa cháy nhà Hành chính; Hệ thống hút khói hành lang, cung cấp không khí từ bên ngoài vào khoang đệm thang bộ N3, giếng thang máy thông thường nhà Học thuật và Ký túc xá sinh viên; Hệ thống hút khói hành lang, cung cấp không khí từ bên ngoài vào giếng thang máy thông thường nhà Giảng đường; Hệ thống hút khói hành lang, cung cấp không khí từ bên ngoài vào khoang đệm thang bộ N3 nhà Thư viện; công

trình sử dụng 01 cụm bơm chữa cháy gồm 02 bơm điện chính và 01 bơm điện dự phòng hãng SPP/Mỹ có cùng thông số kỹ thuật $Q = 90 \div 200$ l/s, $H = 125 \div 81$ m.c.n; 01 bơm điện bù áp hãng Xylem/Philippin có thông số kỹ thuật $Q = 8 \div 24$ m³/h, $H = 179,2 \div 98,6$ m.c.n cấp nước cho hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler, hệ thống họng nước chữa cháy bên trong nhà và hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà, trong đó hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler và hệ thống họng nước chữa cháy bên trong nhà Triển lãm, nhà Hành chính, nhà Hội trường, nhà Giảng đường, nhà Thư viện, nhà Thi đấu thể thao, Ký túc xá sinh viên và nhà Học thuật, hệ thống họng nước chữa cháy bên trong nhà Trung tâm và nhà ăn; Hệ thống chữa cháy tự động bằng khí HFC-227ea (FM-200) cho phòng server D101 tại tầng 1, phòng UPS D201, phòng server 1 và phòng server 2 tại tầng 2 nhà Trung tâm, phòng server, phòng điện 364, phòng điện 308, phòng điện 319, phòng điện 318 tại tầng 3, phòng server tại tầng 4 nhà Hành chính, phòng Lab 221, phòng Lab 317 nhà Học thuật số 1, phòng Lab 221 nhà Học thuật số 2, phòng máy chủ nhà Học thuật số 3, phòng Lab 110, phòng Lab 113, phòng Lab 115, phòng Lab 203 nhà Học thuật số 5 và phòng Lab nhà Học thuật số 6; Nguồn điện ưu tiên cấp cho hệ thống phòng cháy và chữa cháy gồm 01 nguồn điện lưới và 02 nguồn điện của máy phát dự phòng; Trang bị bình chữa cháy tại hàng lang, gian phòng công cộng của các hạng mục công trình; Hệ thống cấp LPG trung tâm cấp cho bếp tại tầng 1 và tầng 2 của nhà ăn (01 trạm chứa 10 chai LPG loại 45 kg); Trang bị thang máy chữa cháy tại nhà Hành chính.

Nội dung được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

- Khoảng cách an toàn phòng cháy và chữa cháy; Đường giao thông cho xe chữa cháy;
- Bậc chịu lửa; Bố trí công năng của công trình liên quan đến phòng cháy và chữa cháy;
- Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; Giải pháp chống tụ khói;
- Lối, đường thoát nạn; Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn; Thang máy chữa cháy;
- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chữa cháy bằng nước; Hệ thống chữa cháy tự động bằng khí HFC-227ea (FM-200) tại nhà Trung tâm, nhà Hành chính và nhà Học thuật;
- Giải pháp cấp điện cho hệ thống phòng cháy và chữa cháy và hệ thống kỹ thuật khác có liên quan;
- Giải pháp an toàn PCCC cho hệ thống cấp LPG trung tâm tại nhà ăn;
- Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu.

Các yêu cầu kèm theo:

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng;

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy đối với cơ sở trước khi đưa vào hoạt động theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, đồng thời liên hệ với Công an tỉnh Bình Dương để được hướng dẫn, lập hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy, chữa cháy;

- Khi cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của công trình, hạng mục công trình phải đảm bảo các yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, sau đó gửi hồ sơ đến cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH theo thẩm quyền để được thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu theo quy định;

- Kiểm tra, bảo dưỡng, bảo trì, duy trì các điều kiện đối với cấu kiện thép được sơn hoặc phun vữa ngăn cháy đã được kiểm định tại nhà Giàng đường phù hợp với thông số kỹ thuật theo sản xuất và bảo đảm theo quy định.

Văn bản này là một trong những căn cứ để Chủ đầu tư đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét cấp văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đồng chí Cục trưởng (để báo cáo);
- Công an tỉnh Bình Dương (để quản lý cơ sở);
- Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, P4 (TđM).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Đại tá Bùi Quang Việt

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT ĐỨC

Số: 03A/QĐ-ĐHVD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bình Dương, ngày 10 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Nội quy phòng cháy và chữa cháy và
Nội quy sử dụng điện tại Trường Đại học Việt Đức

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT ĐỨC

- Căn cứ Luật phòng cháy chữa cháy (PCCC) năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC năm 2013;
- Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Xét tình hình thực tế của Trường Đại học Việt Đức và đề nghị của Phòng Xây dựng và Quản lý cơ sở vật chất,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Nội quy phòng cháy và chữa cháy và Nội quy sử dụng điện của Trường Đại học Việt Đức.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh văn phòng, Trưởng Phòng Xây dựng và Quản lý cơ sở vật chất, Trưởng Phòng Tổ chức – Hành chính – Nhân sự, các phòng ban, bộ phận liên quan, và toàn thể cán bộ nhân viên Trường Đại học Việt Đức chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VP, P.QLCSVC.



NỘI QUY
PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT ĐỨC
(Ban hành kèm theo Quyết định số 03A/QĐ – ĐHVĐ ngày 10/01/2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Đức)

Điều 1. Việc phòng cháy và chữa cháy là trách nhiệm và nghĩa vụ của toàn thể cán bộ, nhân viên và khách đến liên hệ công tác sinh viên Trường Đại học Việt Đức.

Điều 2. Cấm sử dụng lửa, thiết bị sinh lửa, sinh nhiệt, hút thuốc tại các khu vực cấm, nơi có nguy hiểm về cháy, nổ. Cấm mang các chất, hàng có nguy hiểm cháy nổ vào trong khu vực nhà trường.

Điều 3. Không câu mắc, sử dụng điện không đúng kỹ thuật, khi hết giờ làm việc phải kiểm tra tắt đèn, quạt, thiết bị điện v.v....

- Không dùng dây đồng, dây bạc thay cầu chì.

- Không dùng dây điện cắm trực tiếp vào ổ cắm.

- Không để các chất dễ cháy gần cầu chì, bảng điện và đường dây dẫn điện.

Điều 4. Sắp xếp trang thiết bị, tài sản, vật dụng gọn gàng, sạch sẽ, xếp riêng từng loại có khoảng cách ngăn cháy, xa tường để tiện việc kiểm tra và cứu chữa khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

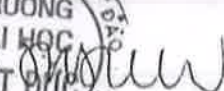
Điều 5. Không bố trí các vật dụng, trang thiết bị và chướng ngại vật trên các lối đi, lối thoát nạn. Khu vực để xe ô tô, xe gắn máy phải gọn gàng, có lối đi lại.

Điều 6. Phương tiện, dụng cụ chữa cháy phải đặt nơi dễ thấy, dễ lấy, không sử dụng phương tiện chữa cháy sai mục đích, không di chuyển phương tiện chữa cháy khỏi vị trí quy định.

Điều 7. Nhân viên, sinh viên và khách đến liên hệ công tác khi nghe tín hiệu báo động phải nhanh chóng thoát ra ngoài theo các biển báo, biển chỉ dẫn thoát nạn được bố trí trong khu vực Trường.

Điều 8. Khi xảy ra cháy phải thông báo ngay cho lực lượng cảnh sát PCCC và tập trung nhanh nhất các lực lượng phương tiện để dập tắt ngay đám cháy, di chuyển và tài sản đến khu vực an toàn.

Điều 9. Cán bộ, nhân viên, sinh viên và khách đến liên hệ công tác thực hiện tốt nội quy này sẽ được khen thưởng; tập thể, cá nhân vi phạm tùy theo mức độ, hậu quả sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
VIỆT ĐỨC

Hà Thúc Viên

NỘI QUY SỬ DỤNG ĐIỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03A/QĐ – ĐHVĐ ngày 10/01/2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Đức)

1. Chỉ sử dụng điện trong giờ làm việc, phục vụ công việc của Trường, không sử dụng điện để phục vụ vào việc riêng của cá nhân.
2. Tắt các thiết bị điện không cần thiết khi ra khỏi nơi làm việc, tắt hẳn nguồn điện các thiết bị khi hết giờ làm việc.
3. Tắt các thiết bị chiếu sáng, máy móc, thiết bị văn phòng, thiết bị chiếu sáng khu công cộng khi không cần thiết. Khi có đủ ánh sáng tự nhiên đảm bảo yêu cầu làm việc phải tắt các thiết bị chiếu sáng.
4. Sử dụng thiết bị chiếu sáng, quạt mát vừa đủ phù hợp nhu cầu sử dụng, không để lãng phí thiết bị điện và điện năng.
5. Khu vực công cộng, khu vệ sinh, phòng bảo vệ... để thiết bị chiếu sáng ở mức tối thiểu, cần thiết, điều chỉnh thời gian chiếu sáng hợp lý nhằm giảm tiêu thụ điện.
6. Chỉ sử dụng điều hoà không khí (ĐHKK) khi cần thiết; cần điều chỉnh nhiệt độ ĐHKK phù hợp với không gian làm việc để giảm tiêu thụ điện.
7. Các khu vực làm việc chỉ được sử dụng các thiết bị điện (đèn chiếu sáng, quạt mát) khi hết giờ làm việc phải cắt hẳn nguồn điện; tận dụng tối đa ánh sáng, thông gió tự nhiên.
8. Khi hệ thống có sự cố chập điện, hỏng thiết bị điện, không được tự ý sửa chữa, phải tắt nguồn điện và báo cho người có trách nhiệm sửa chữa.
9. Khi cải tạo hoặc trang bị mới phải lựa chọn các phương tiện, thiết bị điện sử dụng năng lượng hiệu suất cao theo quy định hoặc thiết bị điện có dán nhãn tiết kiệm năng lượng; không thay thế, mua sắm đèn sợi đốt.
10. Hết giờ làm việc bảo vệ, nhân viên tổ văn phòng, nhân viên bảo vệ thực hiện kiểm tra việc sử dụng điện, thiết bị chiếu sáng của các bộ phận. Nếu phát hiện thấy các bộ phận khi hết giờ làm việc không tắt đèn, ĐHKK, các thiết bị sử dụng điện phải ghi sổ theo dõi, báo cáo Ban Giám đốc để kịp thời xử lý.
11. Nội quy sử dụng điện là căn cứ để các tập thể và cá nhân thực hành tiết kiệm và chống lãng phí khi sử dụng điện, làm cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, chấp hành kỷ luật nội bộ và thi đua khen thưởng hàng năm. Tùy theo tính chất và mức độ vi phạm các tập thể và cá nhân sẽ bị phê bình, kỷ luật và bồi hoàn thiệt hại./.



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số **315**/CV-PCCC

Bến Cát, ngày **26** tháng **9** năm 2023

ĐỀ NGHỊ
HUẤN LUYỆN, KIỂM TRA, CẤP CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN

Kính gửi: Công an thị xã Bến Cát.

Đơn vị: Trường Đại Học Việt Đức .

Địa chỉ: Đường Vành Đai 4, Phường Thới Hòa, Thị Xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại:

Ngành nghề: Giáo dục

Căn cứ điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Đề nghị Công an thị xã Bến Cát tổ chức huấn luyện, kiểm tra và cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho Đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở với tổng số học viên là: 40 đội viên (có danh sách kèm theo).

Thời gian dự kiến từ ngày 25 tháng 9 năm 2023 đến ngày 04 tháng 10 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.





TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 3901/KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 19 tháng 09 năm 2023

- Tên mẫu: Nước thải
- Nơi lấy mẫu: TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT ĐỨC
Địa chỉ: Thới Hoà, Bến Cát, Bình Dương
- Ngày lấy mẫu: 11/09/2023
- Điều kiện lấy mẫu:
- Ngày nhận mẫu: 11/09/2023
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT ĐỨC
Địa chỉ: Thới Hoà, Bến Cát, Bình Dương
- Đơn vị lấy mẫu:
- Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 11/09/2023

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn phát hiện	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	QCVN 14:2008/ BTNMT (A)
					DV0923-07692	
1	pH	-	0-14	TCVN 6492:2011(X**)	6,5	5 - 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	5	TCVN 6625:2000(X**)	< 5(***)	50
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO ₂ /L	10	TCVN 6491:1999(X**)	<10(***)	-
4	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	0,14	TCVN 5988:1995(X**)	<0,14(***)	5

1/2
Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Website: www.moitruongbinhduong.gov.vn ĐT: 0274.3897628 Fax: 0274 3824753

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/ BTNMT (A): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt
- Vị trí lấy mẫu:
DV0923-07692: Sau hệ thống xử lý nước thải lúc 10 giờ 30
- (*) : Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025
- (**) : Phép thử được công nhận theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP (VIMCERTS-002)
- (***) : Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.

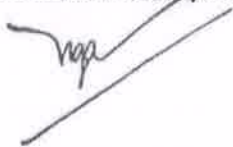
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo.

Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu.

Tra cứu trực tuyến tại <https://cenlab->

[v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/hleAc](https://cenlab-v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/hleAc)

**PHÓ TRƯỞNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM**



ThS. BUI HONG NGA



NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 20.11.2422	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	10/11/2020 Trang/Page: 1/1
-------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHOA HỌC KỸ THUẬT LÂM VIỆT
Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : Trường Đại học Việt Đức
Địa chỉ/ Address : Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
Loại mẫu/ Type of sample : Khí thải
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : KT.11180 – Khí thải ống phát sau hệ thống xử lý
Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 02/11/2020
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 03/11/2020 – 09/11/2020
Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Trời nắng, các hoạt động diễn ra bình thường
Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B
1	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5	US EPA Method 5(**)	1,05	200
2	HCl	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	US EPA Method 26A(**)	12,6	50
3	H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	US EPA Method 08	US EPA Method 08(**)	15,8	50
4	HNO ₃	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	US EPA Method 26A(**)	18,7	500

Ghi chú/ Note:

(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

(**): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ Subcontracted test.

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Dương Hoàng Thành



Giám đốc
Director

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

ISO 9001:2015

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD.02/Q1

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

526/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
(028) 22 647 647 - 0945 825 262
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUAN

Số 73, Trường Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

http://duonghuynhenv.vn



TRUNG TÂM QUAN TRÁC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 5517 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 03 tháng 12 năm 2020

- Tên mẫu: NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu: TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT ĐỨC - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG
Địa chỉ: Bến Cát, Bình Dương
- Ngày lấy mẫu: 26/11/2020
- Điều kiện lấy mẫu: Bình thường
- Ngày nhận mẫu: 27/11/2020 Ngày thử nghiệm: 28/11/2020
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT ĐỨC - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG
Địa chỉ: Bến Cát, Bình Dương
- Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRÁC HIỆN TRƯỜNG
- Kết quả:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn phát hiện	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	U (k=2, P = 95%)	QCVN 14:2008/ BTNMT (A)
					DV1120-99653		
1	Hàm lượng S2-	mg/L	0,002	HACH 8131-1998 (*)	0,007	-	1
2	Hàm lượng Nitrate (NO ₃ - N)	mg/L	0,06	TCVN 7323-2-2004	0,2	± 0,007	30
3	Xác định chất hoạt động bề mặt	mg/L	0,05	SMEWW 5540-C-2012	< 0,05 (**)	± 0,001	5
4	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	5	TCVN 6625 -2000 (*)	6	± 0,516	50
5	Coliform	MPN/100 mL	3	TCVN 6187-2-1996 (*)	1.500	-	3.000
6	Hàm lượng NH ₄ ⁺	mg/L	0,14	TCVN 5988:1995 (*)	0,28	± 0,004	5
7	Hàm lượng dầu, mỡ động thực vật	mg/L	0,3	SMEWW 5520B&F-2017 (*)	< 0,3 (**)	± 0,008	10
8	Hàm lượng Tổng chất hòa tan (TDS)	mg/L	0	HD-TN-AD33	130	-	500
9	Xác định pH	-	2-12	TCVN 6492-2011 (*)	6,8	-	5-9
10	Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD ₅)	mgO ₂ /L	1	TCVN 6001-1-2008 (*)	6	± 0,108	30
11	Hàm lượng Phosphate (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	0,01	SMEWW-4500 P(E)-2017 (*)	0,17	± 0,006	6

Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Website: www.moitruongbinhduong.gov.vn

ĐT: 0274.3897628

Fax: 0274 3824753

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT (A): k: I;
 - Vị trí lấy mẫu:
DV1120-99653: **Sau HTXL nước thải**
 - (*) Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025
 - (**) Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.
 - Mẫu DV1120-99653 vẫn còn niêm phong khi nhận mẫu
- Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu

Tra cứu trực tuyến tại <http://brem.cenlab.vn:8080/ketqua/detail?id=2427>

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

ThS. NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



TÀO MẠNH QUÂN

Chứng thực bản sao
đúng với bản chính.
Số chứng thực: 13922 Quyển số: 13 SCT/BS
Ngày: 03-12-2020
TỔNG CHƯNG VIÊN VPCC BÌNH DƯƠNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



TRẦN THANH HIỀN

**KẾT QUẢ ĐO ĐỘ ỒN,
NỒNG ĐỘ KHÍ THẢI MÁY PHÁT ĐIỆN**

Số: ..097.33/KĐXD- AL

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Công ty CP Kiểm định kỹ thuật, an toàn và TVXD - Incosaf;
- Căn cứ yêu cầu của Công ty cổ phần Sáng Ban Mai
- Căn cứ kết quả kiểm định thực tế.

CÔNG TY INCOSAF CHỨNG NHẬN

Đơn vị thi công: Nhà thầu liên danh Tổng Công ty xây dựng Bạch Đằng - CTCP
- Công ty cổ phần Sáng Ban Mai

Công trình : Xây dựng trường đại học Việt Đức

Địa chỉ : Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Vị trí kiểm tra: Máy phát điện nhãn hiệu **SBMPOWER®**

Mã hiệu: TP2500S

Số chế tạo: 01719

Công suất: 2500kVA

Ngày kiểm tra: 10/08/2020

KẾT QUẢ KIỂM TRA

(Xem phụ lục)

Kết luận : Độ ồn, nồng độ khí thải của máy phát điện tại công trình: Xây dựng trường đại học Việt Đức – Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương đã được đo kiểm tra và đối chiếu số liệu, tại thời điểm kiểm tra có giá trị đạt yêu cầu về độ ồn và khí thải cho phép.

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2020

**CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT,
AN TOÀN VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG -INCOSAF**



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lâm Văn Khánh

PHỤ LỤC 1: ĐO ĐỘ ỒN

Nguồn mẫu thử : Tại hiện trường

Phương tiện đo : Máy đo độ ồn

Vị trí đo: Cách máy phát 5 mét

Ngày đo : 10/08/2020

Tiêu chuẩn áp dụng : QCVN 26: 2010/BTNMT, TCVN 7878-2: 2010

STT	Vị trí đo	Kết quả đo tiếng ồn (dBA)	Mức quy định (dBA)	Đánh giá
1	Vị trí số 1	70,0	≤ 70	Đạt yêu cầu
2	Vị trí số 2	69,2	≤ 70	Đạt yêu cầu
3	Vị trí số 3	69,0	≤ 70	Đạt yêu cầu
4	Vị trí số 4	69,6	≤ 70	Đạt yêu cầu
5	Vị trí số 5	69,5	≤ 70	Đạt yêu cầu

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2020

Kiểm định viên


VŨ TUẤN BẢO

PHỤ LỤC 2 : ĐO MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

Nguồn mẫu thử : Tại hiện trường

Vị trí đo : Đầu ống khói máy phát điện

Phương tiện đo : Máy đo nồng độ khí thải

Ngày đo : 10/08/2020

Tiêu chuẩn áp dụng : QCVN 19:2009, TCVN 7242:2003, TCVN 7172:2002;

TCVN 6750:2005; TCVN 5977:2009

TT	Chỉ tiêu	Bụi tổng (mg/Nm ³)	NO ₂ (mg/Nm ³)	SO ₂ (mg/Nm ³)	CO (mg/Nm ³)
1	Điểm đo: Đầu ra ống khói máy phát	103	417	242	539
2	Tiêu chuẩn đánh giá: QCVN 19: 2009/BTNMT	≤ 200	≤ 850	≤ 500	≤ 1000

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2020

Kiểm định viên

VŨ TUẤN BẢO

**KẾT QUẢ ĐO ĐỘ ỒN,
NỒNG ĐỘ KHÍ THẢI MÁY PHÁT ĐIỆN**

Số: **..097.34./KĐXD-AL**

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Công ty CP Kiểm định kỹ thuật, an toàn và TVXD - Incosaf;
- Căn cứ yêu cầu của Công ty cổ phần Sáng Ban Mai
- Căn cứ kết quả kiểm định thực tế.

CÔNG TY INCOSAF CHỨNG NHẬN

Đơn vị thi công: Nhà thầu tiến hành Tổng Công ty xây dựng Bạch Đằng - CTCP

Công ty cổ phần Sáng Ban Mai

Công trình: Xây dựng trường đại học Việt Đức

Địa chỉ: Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Vị trí kiểm tra: Máy phát điện nhãn hiệu **SBMPOWER®**

Mã hiệu: TP2500S

Số chế tạo: 11118

Công suất: 2500kVA

Ngày kiểm tra: 10/08/2020

KẾT QUẢ KIỂM TRA

(Xem phụ lục)

Kết luận: Độ ồn, nồng độ khí thải của máy phát điện tại công trình: Xây dựng trường đại học Việt Đức – Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương đã được đo kiểm tra và đối chiếu số liệu, tại thời điểm kiểm tra có giá trị đạt yêu cầu về độ ồn và khí thải cho phép.

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2020

**CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT,
AN TOÀN VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG -INCOSAF**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lâm Văn Khánh

PHỤ LỤC 1: ĐO ĐỘ ỒN

Nguồn mẫu thử : Tại hiện trường

Phương tiện đo : Máy đo độ ồn

Vị trí đo: Cách máy phát 7 mét

Ngày đo : 10/8/2020

Tiêu chuẩn áp dụng : QCVN 26: 2010/BTNMT, TCVN 7878-2: 2010

STT	Vị trí đo	Kết quả đo tiếng ồn (dBA)	Mức quy định (dBA)	Đánh giá
1	Vị trí số 1	69,5	≤ 70	Đạt yêu cầu
2	Vị trí số 2	69,4	≤ 70	Đạt yêu cầu
3	Vị trí số 3	70,0	≤ 70	Đạt yêu cầu
4	Vị trí số 4	70,0	≤ 70	Đạt yêu cầu
5	Vị trí số 5	68,5	≤ 70	Đạt yêu cầu

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2020

Kiểm định viên


VŨ TUẤN BẢO

PHỤ LỤC 2 : ĐO MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

Nguồn mẫu thử : Tại hiện trường

Vị trí đo : Đầu ống khói máy phát điện

Phương tiện đo : Máy đo nồng độ khí thải

Ngày đo : 10/08/2020

Tiêu chuẩn áp dụng : QCVN 19:2009, TCVN 7242:2003, TCVN 7172:2002;
TCVN 6750:2005; TCVN 5977:2009

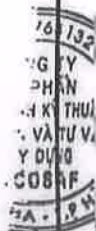
TT	Chỉ tiêu	Bụi tổng (mg/Nm ³)	NO ₂ (mg/Nm ³)	SO ₂ (mg/Nm ³)	CO (mg/Nm ³)
1	Điểm đo: Đầu ra ống khói máy phát	109	428	255	531
2	Tiêu chuẩn đánh giá: QCVN 19: 2009/BTNMT	≤ 200	≤ 850	≤ 500	≤ 1000

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2020

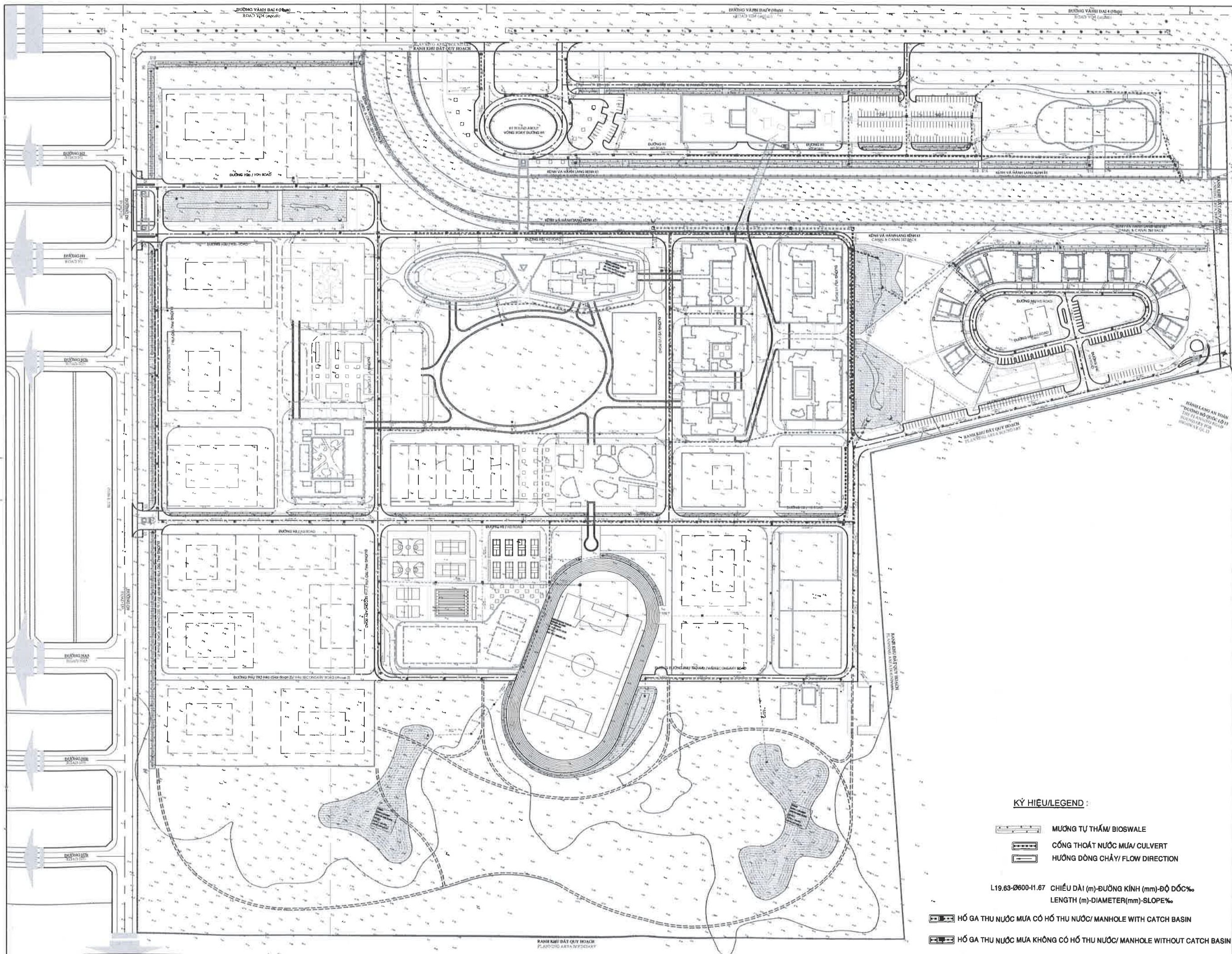
Kiểm định viên



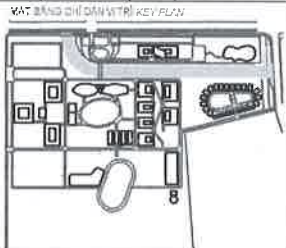
VŨ TUẤN BẢO



Incosat
SINCE 1990



Sl/No	Module Name	Sl/No	Version Description
01	Design	NA	CONSTRUCTION DRAWINGS
02	Design	NA	CONSTRUCTION DRAWINGS



TEN/ID OF THE NAME OF PROJECT

 Dự án Xây dựng Trường Đại học Việt Đức (VGD) - Giai đoạn 1
 Địa điểm: Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
 New Model University Project - Phase 1
 Location: Thoi Hoa Ward, Ben Cat District, Binh Duong Province.

CHỦ ĐẠU TƯ / OWNER: **QUẢN LÝ DỰ ÁN**
 Bộ Giáo Dục và Đào Tạo
 Ban Quản Lý Dự Án Xây Dựng
 Trường Đại Học Việt Đức
 Số 41, 12A, Đại Bả Trung, P. Trung Tân,
 Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội, ĐT: 04 4 39 36882

MINISTRY OF EDUCATION AND
TRAINING PROJECT MANAGEMENT
UNIT OF VIETNAMESE-GERMAN
UNIVERSITY (PMU)
Address: 12A Mai Ba Trung, Trung Tam Ward,
Hoan Kiem district, Hanoi, Tel.: 84-439 328 524

NHÀ THẦU CHÍNH TỰ VẬI THIẾT KẾ
MAIN CONSULTANCY CONTRACTOR

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR
RODOLFO MACHADO SILVETTI
kỹ sư lên kế hoạch đầu tư và xây dựng

**MACHADO AND SILVETTI
ASSOCIATES, INC.**

Address: 5501 Antson Ave, Third Floor
Boston, VA 02118 USA
Tel: 517 428 7070

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG
TỔNG HỢP (NAGECCO)
NATIONAL GENERAL CONSTRUCTION
CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: 29 Bis Nguyễn Đình Chiểu,
Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM
ĐT: 84 9 3826 5142

**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
CONSTRUCTION DRAWING**

**HỒ SƠ THIẾT KẾ HẠ TẦNG
INFRASTRUCTURE**

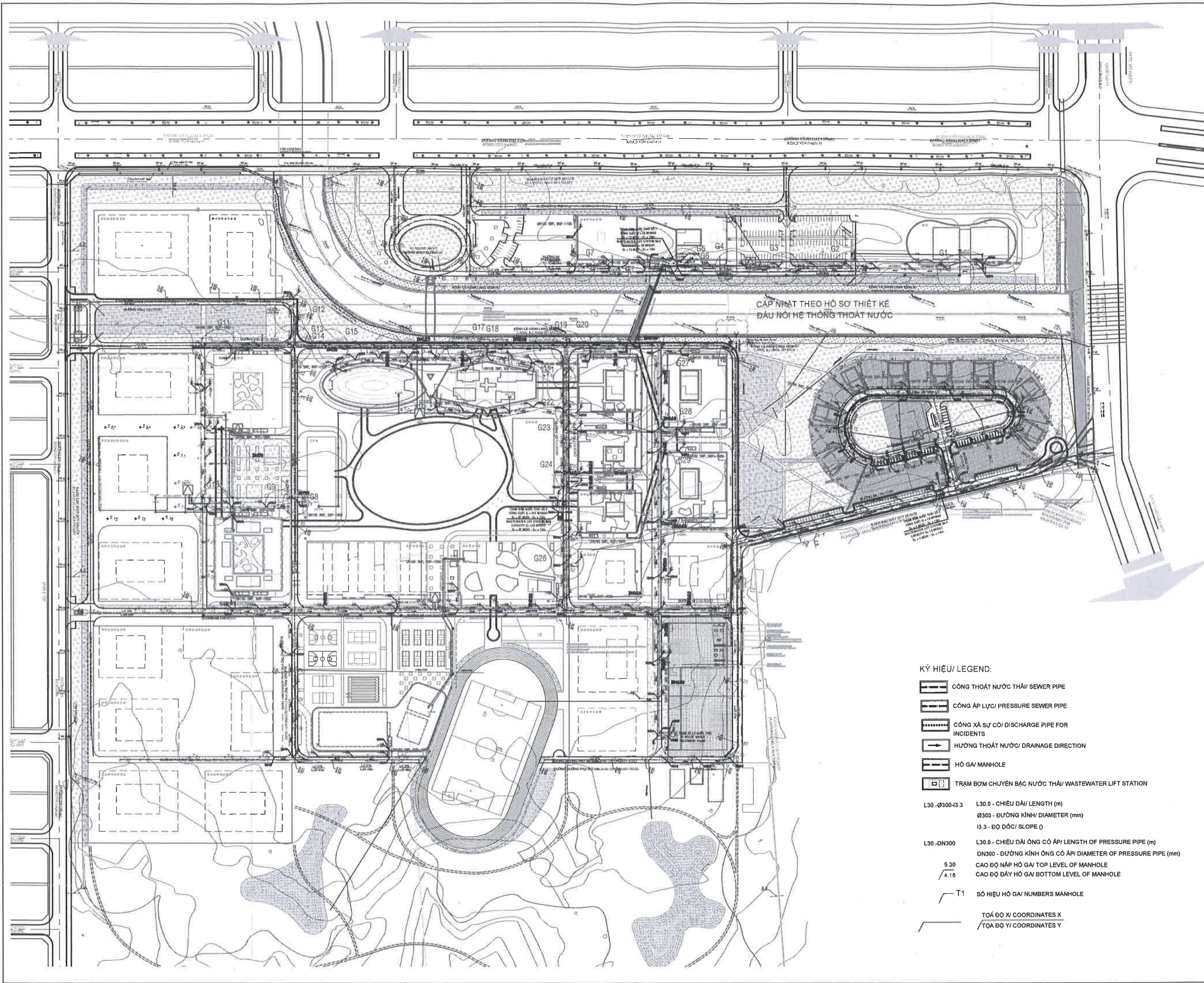
TẬP BẢN VỀ QUẢN LÝ SƠ VI TẬP
VOLUME 4 CẬP III

OVERALL MASTER PLAN

THỜI ĐIỂM KIỂM TRA PROJECT DEFECTOR	Check Name: CHANG MULTER	Check Date: 09/09/2014
THỜI ĐIỂM KIỂM TRA KẾ TOÁN DỰ TOÁN	Check Name: TRẦN VĂN PHƯƠNG	Check Date: 09/09/2014
KẾ TOÁN CHECKER	Check Name: TRẦN VĂN PHƯƠNG	Check Date: 09/09/2014
THỜI ĐIỂM PROJECT DEFECTOR	Check Name: TRẦN VĂN PHƯƠNG	Check Date: 09/09/2014
THỜI ĐIỂM PROJECT DEFECTOR	Check Name: TRẦN VĂN PHƯƠNG	Check Date: 09/09/2014

TỶ LỆ/SCALE	KHÖ GẤY/ PAPER	NGÀY/ DATE
	A1	01/2016

IN SW001



CẬP NHẬT THEO HỒ SƠ THIẾT KẾ
ĐẦU NỐI HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

KÝ HIỆU/ LEGEND:

- CÔNG THOÁT NƯỚC THẢI/ SEWER PIPE
- CÔNG ÁP LỰC/ PRESSURE SEWER PIPE
- CÔNG XẢ SỰ CỐ/ DISCHARGE PIPE FOR INCIDENTS
- HƯỚNG THOÁT NƯỚC/ DRAINAGE DIRECTION
- HỐ GÁ/ MANHOLE
- TRẠM BƠM CHUYỂN BẠC NƯỚC THẢI/ WASTEWATER LIFT STATION
- L30.0 - CHIỀU DÀI/ LENGTH (m)
- Ø300 - ĐƯỜNG KÍNH/ DIAMETER (mm)
- 1:3 - ĐỘ DỐC/ SLOPE (%)
- L30.0 - CHIỀU DÀI ỐNG CÓ ÁP/ LENGTH OF PRESSURE PIPE (m)
- DN300 - ĐƯỜNG KÍNH ỐNG CÓ ÁP/ DIAMETER OF PRESSURE PIPE (mm)
- 5.30 - CAO ĐỘ NẬP HỐ GÁ/ TOP LEVEL OF MANHOLE
- 4.18 - CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GÁ/ BOTTOM LEVEL OF MANHOLE
- T1 - SỐ HIỆU HỐ GÁ/ NUMBERS MANHOLE
- TỌA ĐỘ X/ COORDINATES X
- TỌA ĐỘ Y/ COORDINATES Y

TÊN DỰ ÁN / NAME OF PROJECT
VGU
Dự án XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT ĐỨC (VGU) - GAI ĐOẠN 1
Địa điểm xây dựng: Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
NEW MODEL UNIVERSITY PROJECT - PHASE 1
Project location: Thới Hòa Ward, Bến Cát District, Bình Dương Province

CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT ĐỨC
Địa chỉ: 12A Hai Bà Trưng, Phường Trưng, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: 84 439 338 524
MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING
PROJECT MANAGEMENT UNIT OF VIETNAMESE GERMAN UNIVERSITY (PMU)

Địa chỉ: 12A Hai Bà Trưng, Trưng Trắc Ward, Hoàn Kiếm District, Hanoi, Viet Nam
Tel: 84 439 338 524

ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT / LOCAL SUPERVISION CONSULTANTS
CÔNG TY APAVE CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Sudico, đường 1/6, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (84 4) 3 7887 7850
APAVE ASIA-PACIFIC CO.,
Address: Floor 9, Sudico Tower, Meo Tin Street, My Dinh 1 Ward, Nam Tu Liem District, Hanoi Capital, Viet Nam.
Tel: (84 4) 3 7887 7850

NGHỊ THẦU CHÍNH TẠM CÔNG / MAIN CONTRACTOR
LIÊN DANH TÔNG CÔNG TY XD BACH DANG - CTCP VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN SANG BAI MAI
Địa chỉ: 268 Trần Nguyễn Hân, Quận Lê Chân, TP. Hải Phòng, Việt Nam
ĐT: (+84) 225 3356251
FAX: (+84) 225 3356451
BACH DANG CONSTRUCTION CORPORATION- CTCP & SANG BAI MAI JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ: 268 Trần Nguyễn Hân, Lê Chân District, Hải Phòng City, Viet Nam
ĐT: (+84) 225 3356251
FAX: (+84) 225 3356451

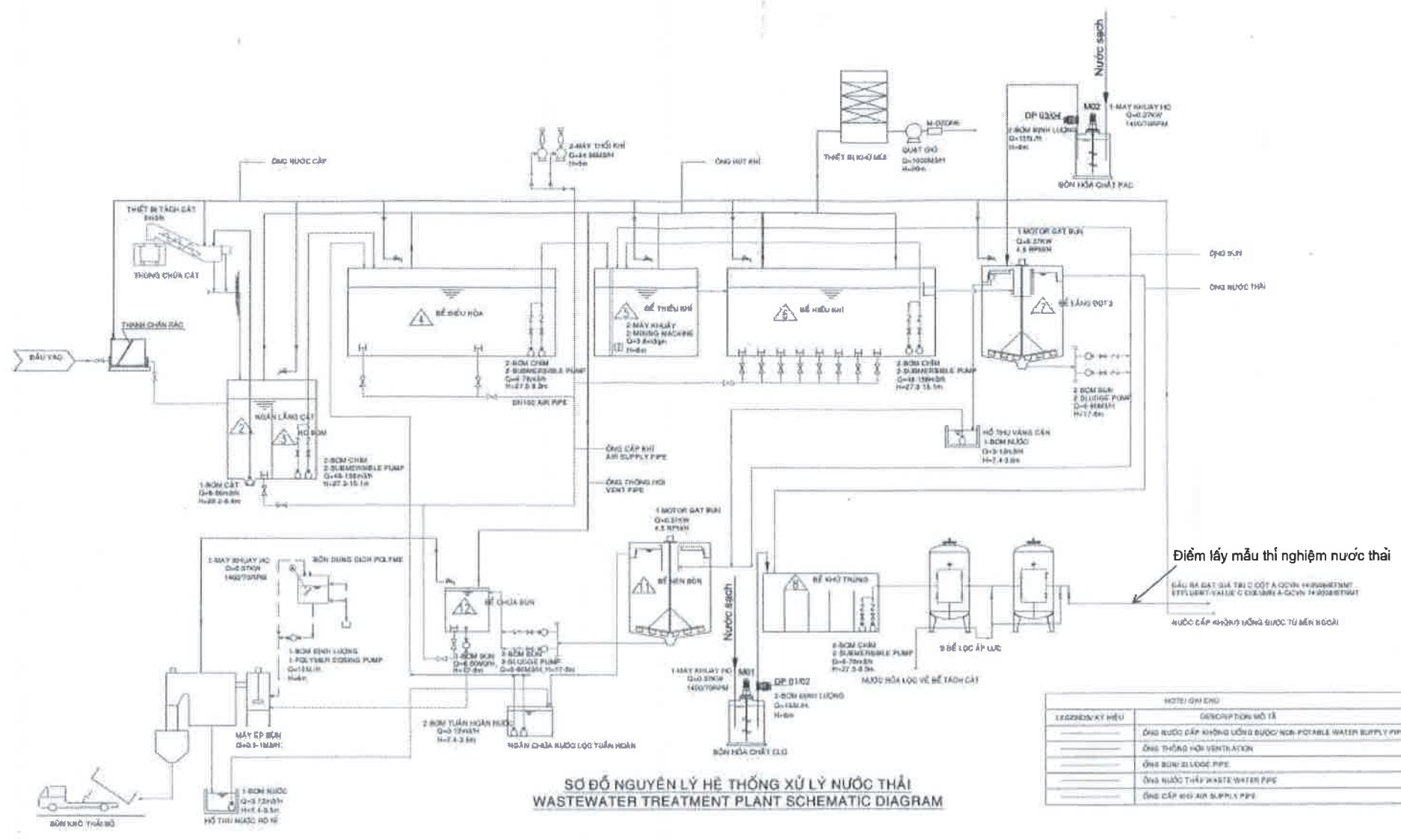
Gói thầu : VGU - W - 03 - CP1A
Package : VGU - W - 03 - CP1A

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH: SƯ CỐ KẾ
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI
WASTE WATER SEWAGE INFRASTRUCTURE SYSTEM
BẢN VẼ DẪNG KẾ
MẶT BẰNG TỔNG THỂ TOÀN KHU
OVERALL MASTER PLAN

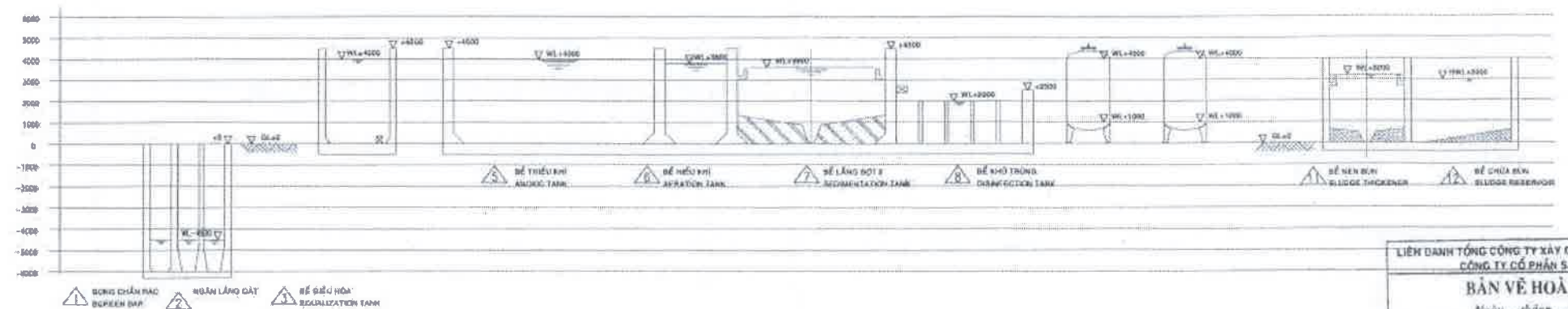
TÊN HỒ SƠ / DOCUMENT TITLE
HỒ SƠ BẢN VẼ HOÀN CÔNG
AS-BUILT DRAWING DOCUMENT

TỶ LỆ / SCALE
KHỔ GIẤY / PAPER
NGÀY / DATE
A1

KÝ HIỆU CÔNG TRÌNH / CODES
TÊN BẢN VẼ / DRAWING NO.
IN
WWW001-HC



SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
WASTEWATER TREATMENT PLANT SCHEMATIC DIAGRAM



CAO TRÌNH THỦY LỰC TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M3/NG.Đ
WASTEWATER TREATMENT PLANT-CAPACITY 1000M3/DAY-HYDRAULIC PROFILE

LIÊN DANH TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN BẠCH ĐĂNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày... tháng... năm 20...

Người lập: (chữ ký) / (chữ in)

Chủ trì: (chữ ký) / (chữ in)

Tư vấn giám sát: (chữ ký) / (chữ in)

Nguyễn Văn Học / Phạm Thành Hải / Lê Việt Hải

TÊN DỰ ÁN / NAME OF PROJECT:

VGU

DỰ ÁN XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT ĐỨC (NGU) - GIAI ĐOẠN 1

Địa điểm xây dựng: Phường Đồng Hòa, Thị xã Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

NEW MODEL UNIVERSITY PROJECT - PHASE 1

Project location: Thôn Hòa, Phường Đồng Hòa, Thị xã Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

CHỨC DUTY / OWNER:

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT ĐỨC

Địa chỉ: 12A/10/10 Trung, Phường Trưng Trắc, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: 84 439 388 628

MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING PROJECT MANAGEMENT UNIT OF VIETNAMESE GERMAN UNIVERSITY (PMU)

Address: 12A/10/10 Trung, Trưng Trắc Ward, Hoàn Kiếm District, Hanoi, Viet Nam
Tel: 84 439 388 628

ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT / LOCAL SUPERVISION CONSULTANT:

CÔNG TY APAVE CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Saigon, Đường M6 T4, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: 84-4 3 7807 7800

APAVE ASIA-PACIFIC CO.,

Address: Floor 8, Saigon Tower, M6 T4 Street, Mỹ Đình 1 Ward, Nam Từ Liêm District, Hanoi Capital, Viet Nam
Tel: 84-4 3 7807 7800

ĐƠN VỊ THI CÔNG / MAIN CONSTRUCTION CONTRACTOR:

LIÊN DANH TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN BẠCH ĐĂNG

Địa chỉ: 268 Tôn Thất Nguyễn Hữu, Quận Lê Chân, TP. Hải Phòng, Việt Nam
ĐT: (84) 225 3895281
FAX: (84) 225 3895491

BACH DANG CONSTRUCTION CORPORATION- CTCP & SANG BAN BAI JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: 268 Tôn Thất Nguyễn Hữu, Lê Chân District, Hải Phòng City, Viet Nam
ĐT: (84) 225 3895281
FAX: (84) 225 3895491

GÓI THẦU: VGU - W - 03 - CP1A

Package: VGU - W - 03 - CP1A

TÊN MỤC CỐNG THỂ / MỤC MỤC: CỠ ĐIỆN HẠ TẦNG- TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI 1000M3/NG.Đ

SỐ VẼ / DRAWING TITLE:

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

TÊN MỤC / DOCUMENT TITLE:

HỒ SƠ BẢN VẼ HOÀN CÔNG
AS-BUILT DRAWING DOCUMENT

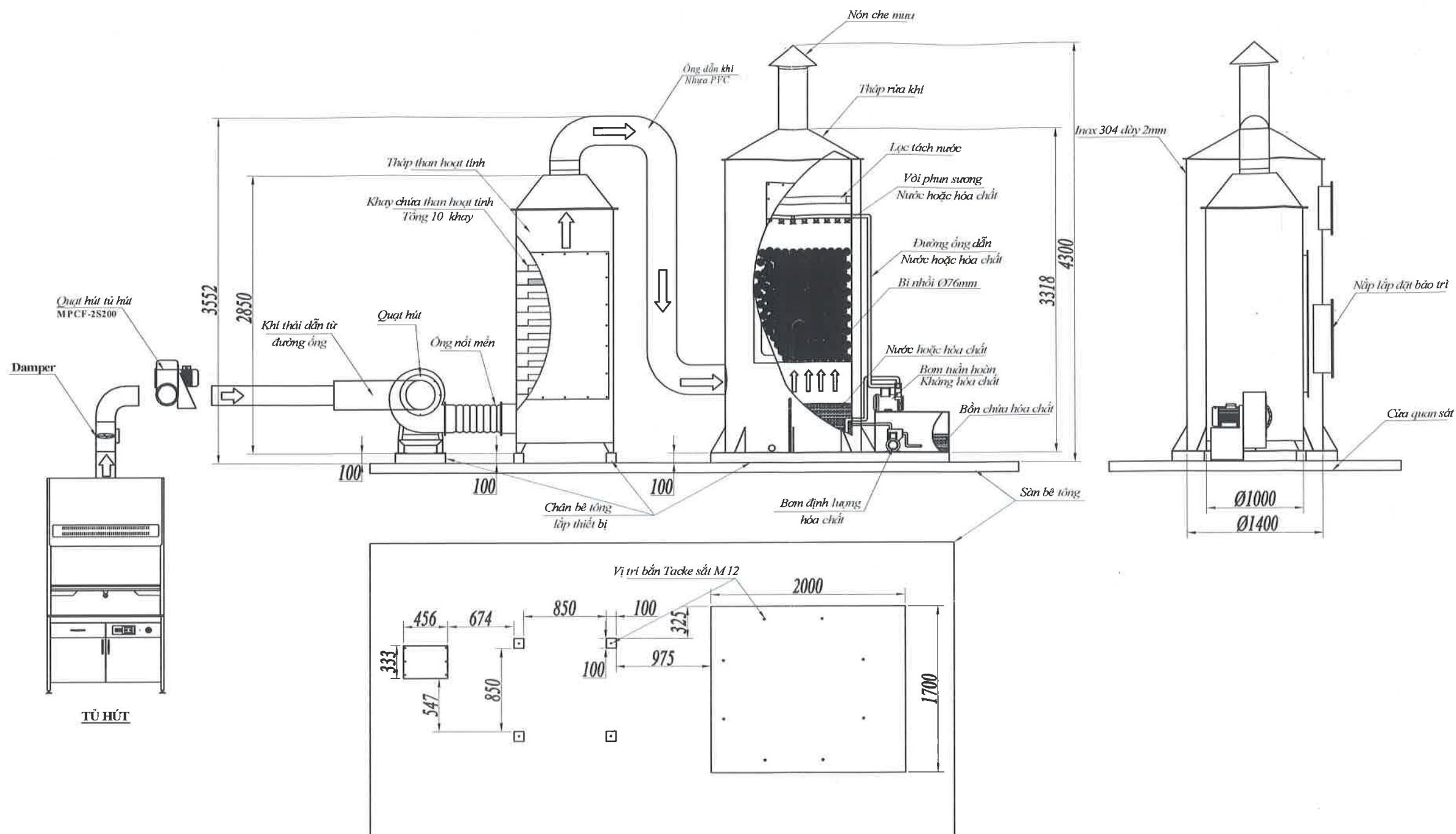
TỶ LỆ / SCALE: 1/500

KHO GIẤY PAPER: A1

NGÀY / DATE: 10/10/2020

KÝ / CÔNG THỂ / CÔNG: IN

TÊN BẢN VẼ / DRAWING NO: PD01-HC



Thuyết minh công nghệ:

Khí thải từ các phòng thí nghiệm, xét nghiệm được dẫn từ đường ống bằng quạt hút tổng sẽ được đưa vào tháp hấp thụ. Tháp hấp thụ bao gồm 10 khay lọc than hoạt tính, tại đây các dung môi hữu cơ dễ bay hơi mùi hôi thối có trong khí thải sẽ được hấp thụ. Tháp hấp thụ than hoạt tính được tính toán và sử dụng với chủng loại, số lượng cách bố trí phù hợp để tăng hiệu quả xử lý. Than hoạt tính được sử dụng và thay thế định kỳ. Lượng than bỏ từ hệ thống được quản lý theo chất thải rắn theo quy định hiện hành. Khí sau khi qua tháp hấp thụ sẽ đi qua tháp rửa khí. Tại đây sẽ xảy ra quá trình hấp thụ khí có tính axit một số hơi mùi và đặc biệt phá một số chất kháng sinh bằng độ pH cao trong dung dịch rửa. Tại tháp rửa dung dịch với có với tính kiềm có tác dụng khử trùng diệt khuẩn sẽ rửa triệt để khí thải đạt tiêu chuẩn thải ra môi trường theo quy định hiện hành.

Dung dịch rửa được chứa trong tháp rửa được bơm tuần hoàn trong tháp rửa với sự hỗ trợ của vật liệu đệm (bì đường kính 76mm) nằm phía trong bồn nhằm tăng cường khả năng tiếp xúc nước và khí. Nước trong bồn được bổ xung thêm hóa chất thường xuyên thông qua hệ thống bơm định lượng hóa chất. Nước thải được tháo định kỳ và thu gom về hệ thống xử lý nước thải.

CHỦ ĐẦU TƯ

VGU

CÔNG TRÌNH

TRƯỜNG ĐH VIỆT ĐỨC

THÔNG SỐ BẢN VẼ

Tên bản vẽ:

BẢN VẼ VÀ THUYẾT MINH
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ

Tỷ lệ:

Đơn vị: mm

THIẾT KẾ:

KIỂM TRA:

DUYỆT:

Ngày :/...../.....

Ngày :/...../.....

GHI CHÚ:

HIỆU CHÍNH	Lần	Ngày	Ký duyệt
	1		
	2		
	3		

XÁC NHẬN CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

CHỮ KÝ:

Ngày :/...../.....

SHBV:

2

Tờ/số tờ: 2 / 2



CTY TNHH TM KHOA HỌC KỸ THUẬT

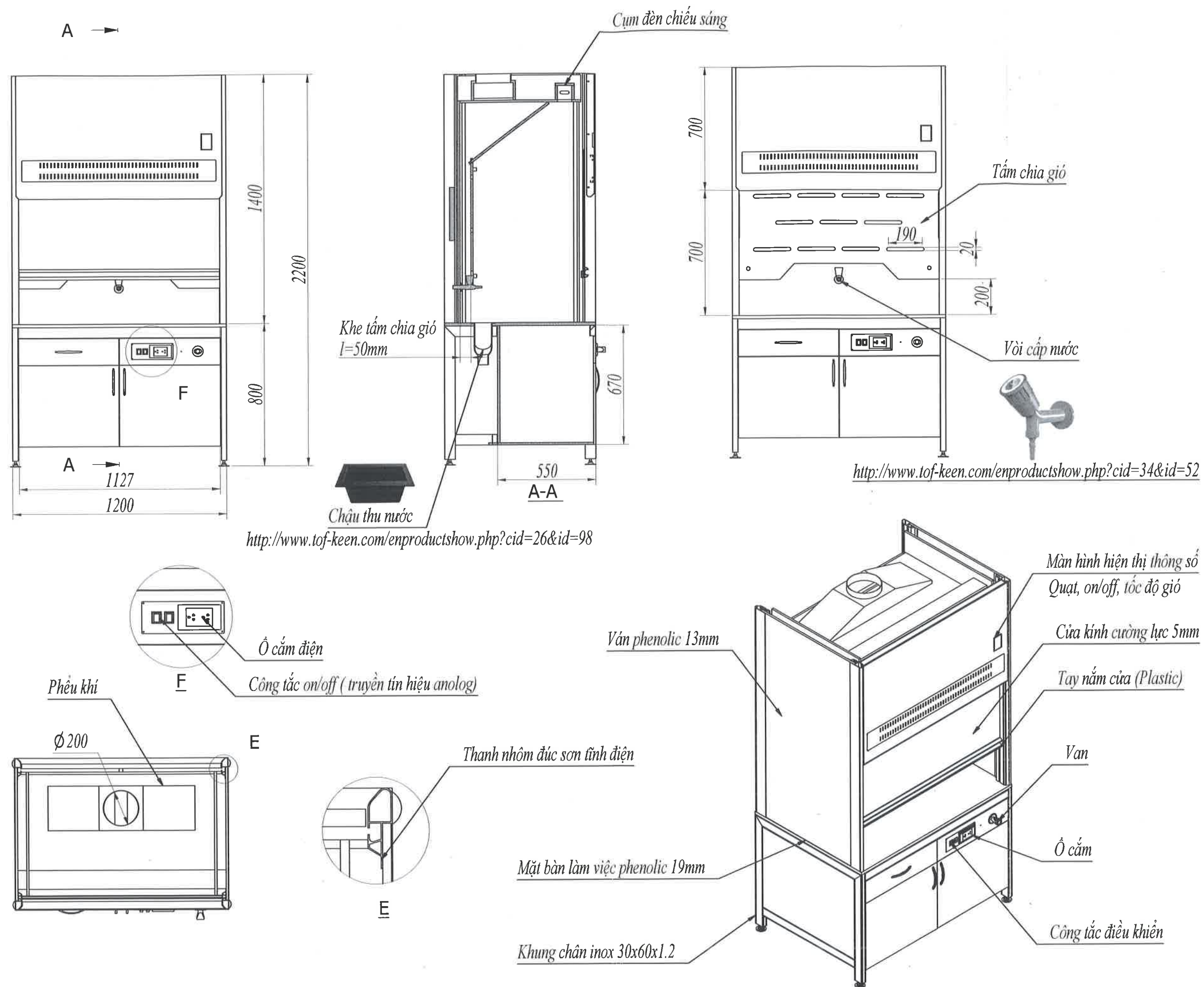
LAM VIỆT

4/12 Phạm Văn Chiêu, P.13, Q.Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh

Tel : 0862 522 486 : Fax: 0862 522 491

Email: lamviet@lamviet.com

Website: lamviet.com



VGU

TRƯỜNG ĐH VIỆT ĐỨC

Tên bản vẽ:

BẢN VẼ TỦ HÚT KHÍ ĐỘC

Tỷ lệ:

Đơn vị: mm

THIẾT KẾ:

KIỂM TRA:

DUYỆT:

Ngày :...../...../.....

Ngày :...../...../.....

GHI CHÚ:

HIỆU CHỈNH	Lần	Ngày	Ký duyệt
	1		
	2		
	3		

XÁC NHẬN CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

CHỮ KÝ:

Ngày :...../...../.....

SHBV:

1

Tờ số từ: 1/1